

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC  
ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY  
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ  
CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI  
ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.  
Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27/12/2024)

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: ...318.../GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán  
Nhà Nước cấp ngày ...17 tháng ...2... năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ..... / ..... /2025 tại:

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã  
Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3965 3121  
3965 6128

Fax: +84 024

Website: [www.miza.vn](http://www.miza.vn)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK**

Địa chỉ: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng  
Thương mại, số 89 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành  
phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 1900 636679

Fax: +84 28 3824 8655

Website: [www.vpbanks.com.vn](http://www.vpbanks.com.vn)

**Phụ trách công bố thông tin:**

Bà Nguyễn Thị Thoa

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: +84 9828 30 984

Hà Nội, tháng 09 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27/12/2024).



Where difference created

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Miza
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	10.591.506 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	105.915.060.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ năm tỷ, chín trăm mười lăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK**

Địa chỉ: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 1900 636679

Fax: +84 28 3824 8655

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**



**CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 20, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: +84 28 3824 5252 Fax: +84 28 3824 5250

**CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3831 5100 Fax: +84 24 3831 5090



**MỤC LỤC**

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>4</b>
1. Tổ chức phát hành .....	4
2. Tổ chức tư vấn.....	4
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>5</b>
1. Rủi ro kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp .....	10
3. Rủi ro do đặc thù ngành .....	11
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	11
5. Rủi ro pha loãng.....	11
6. Rủi ro quản trị công ty .....	13
7. Rủi ro khác .....	14
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....</b>	<b>15</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....</b>	<b>16</b>
1. Giới thiệu về tổ chức phát hành .....	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	17
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Miza.....	19
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Miza.....	21
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại ngày 30/06/2025. ....	30
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty .....	31
7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm 2023, 2024, giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025. ....	37
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	37
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	38
10. Hoạt động kinh doanh .....	38
11. Chính sách đối với người lao động .....	72
12. Chính sách cổ tức .....	74
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất .....	75
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	75
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	75
16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	75
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH .....</b>	<b>75</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	75
2. Tình hình tài chính .....	79
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty .....	93
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	94
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....</b>	<b>96</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập .....	96

2. Thông tin về cổ đông lớn .....	97
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	98
<b>VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>117</b>
1. Loại cổ phiếu.....	117
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	117
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán .....	117
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá .....	117
5. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phần.....	117
6. Phương pháp tính giá .....	117
7. Phương thức phân phối .....	117
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	118
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu .....	119
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	119
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	120
12. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài .....	120
13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán .....	120
14. Thông tin về các cam kết .....	121
<b>VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....</b>	<b>121</b>
<b>IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>122</b>
<b>X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN .....</b>	<b>124</b>
1. Tổ chức tư vấn.....	124
2. Tổ chức kiểm toán.....	125
<b>XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ .....</b>	<b>125</b>
<b>XII. PHỤ LỤC .....</b>	<b>126</b>



**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ chức phát hành**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

**Ông Nguyễn Tuấn Minh**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Ông Lê Văn Hiệp**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

**Bà Nguyễn Thị Thoa**

Chức vụ: Kế toán trưởng

**Ông Vũ Đình Hải**

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Tổ chức tư vấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK**

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hữu Điền

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 01/2025/HĐTV ngày 04 tháng 04 năm 2025 với Công ty Cổ phần Miza. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Miza cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Miza được thành lập với mục tiêu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất giấy và bao bì Việt Nam. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

### 1. Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đòi hỏi doanh nghiệp phải nhanh chóng thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; (ii) tỷ lệ lạm phát và (iii) lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong dài hạn.

#### 1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng xã hội, làm gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

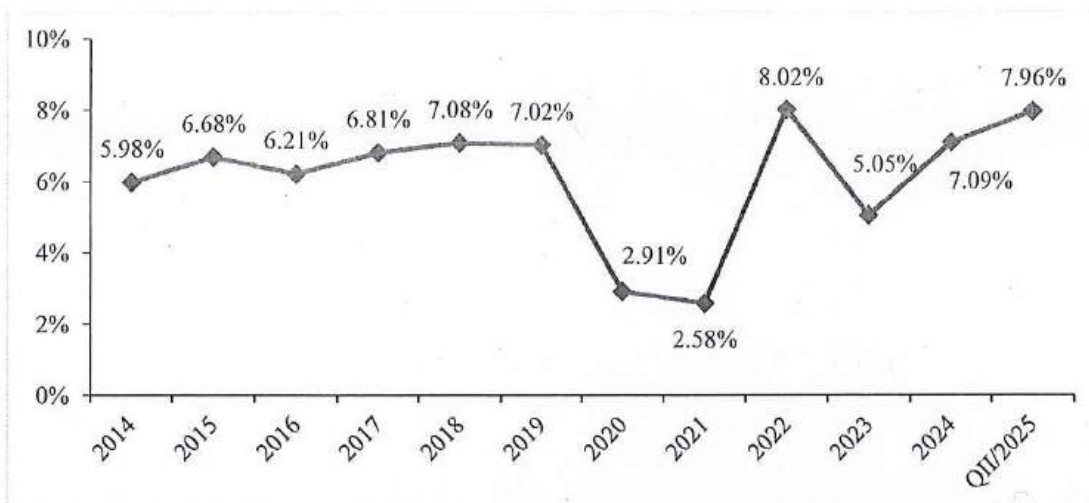
Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA), v.v. Những Hiệp định này sẽ là cơ hội để Việt Nam hội nhập và nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.

Tuy nhiên, tác động của dịch COVID-19 trên toàn thế giới kéo dài trong hai năm 2020, 2021 đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu, tạo ra thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia. Nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Việt Nam từ đó cũng đã chịu ảnh hưởng đáng kể. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 tăng 2,91% và năm 2021 chỉ tăng 2,58%.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



Hình 1: Tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2014 – Quý II/2025



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Việt Nam đã quyết liệt thực hiện lộ trình “**thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả**” dịch bệnh COVID-19, đẩy nhanh tốc độ tiêm vaccine phòng COVID-19 và là một trong những nước có tỷ lệ bao phủ vaccine cao trên thế giới. Do vậy, kinh tế Việt Nam đã phục hồi nhanh chóng trong năm 2022. Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam sẽ cao hơn hẳn so với các quốc gia khác trong khu vực.

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với cùng kỳ năm trước, trong đó GDP Quý III/2024 tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, đây được xem là mức tăng trưởng tích cực. Các chỉ tiêu thống kê của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng nội địa duy trì tăng trưởng; xuất khẩu hàng hóa tiếp tục đạt mức tăng cao; ngành du lịch phục hồi mạnh mẽ. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế với mức tăng trưởng ổn định, bảo đảm tiêu dùng trong nước và đáp ứng nhu cầu của khu vực và thế giới.

Theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Thống kê, GDP 6 tháng đầu năm 2025 ước tính tăng 7,96% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất so với quý I các năm trong giai đoạn 2020-2025. Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự đoán, đặc biệt là chính sách của Mỹ và phản ứng của các nước. Sự gia tăng bất ổn về địa chính trị và chính sách thương mại đã gây áp lực lên đầu tư và chi tiêu hộ gia đình. Căng thẳng thuế quan giữa Hoa Kỳ và các nước, nguy cơ chiến tranh thương mại đang hiện hữu đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

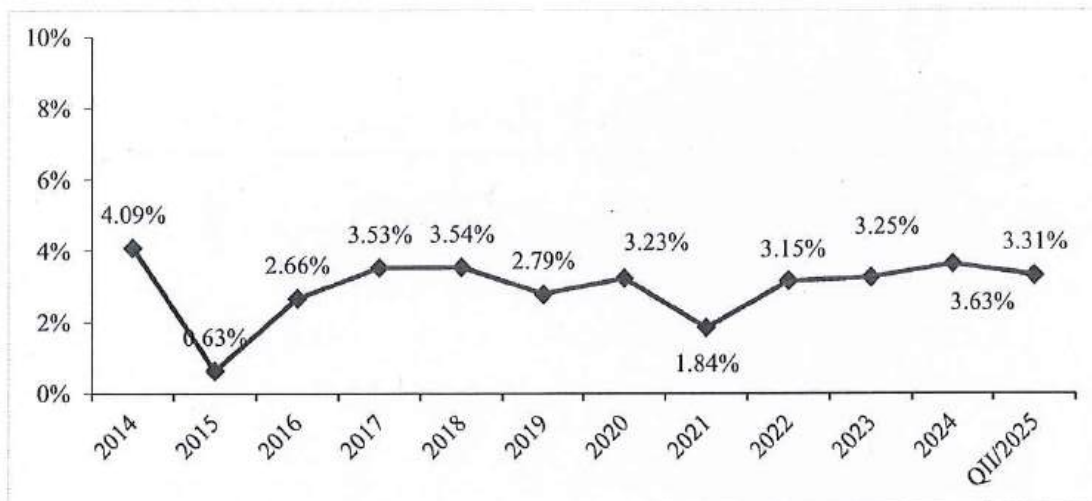
## 1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến tất cả chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Rủi ro lạm phát gia tăng

sẽ khiến chi phí sản xuất – kinh doanh tăng cao, trong khi giá bán hàng hóa lại chịu áp lực từ nhu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị hiện tại của dòng tiền. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2014 – Quý II/2025



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước (CPI) bình quân năm 2023 tăng 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Có được kết quả như vậy là do trong năm nhiều giải pháp được tích cực triển khai như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/07/2023; giảm thuế môi trường với nhiên liệu bay; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Theo đó, thị trường các mặt hàng thiết yếu không có biến động bất thường, nguồn cung được bảo đảm. Ngoài ra, giá một số mặt hàng giảm theo giá thế giới cũng đã góp phần giúp giảm áp lực lạm phát như giá xăng dầu bình quân năm 2023 giảm 11,02% so với năm 2022, giá gas giảm 6,94%. Như vậy, Việt Nam đã thành công trong kiểm soát lạm phát năm 2023.

Trong năm 2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự Nga – Ukraine và tại dải Gaza kéo dài, bất ổn địa chính trị leo thang trên Biển Đỏ. Kinh tế thế giới tiếp tục trải qua giai đoạn khó khăn, tăng trưởng chậm, triển vọng phát triển trong ngắn hạn và trung hạn còn nhiều thách thức. Mặt bằng lãi suất ngân hàng tại nhiều quốc gia vẫn ở mức khá cao. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động nặng nề, đặc biệt tình trạng nắng nóng, hạn hán vì hiện tượng El Nino



dẫn đến nguy cơ mất an ninh lương thực tiềm ẩn tại một số quốc gia và khu vực. Lạm phát toàn cầu đang có biểu hiện chững lại sau một thời gian giảm nhanh. Tuy nhiên do tình hình kinh tế thế giới khó đoán định, xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn vẫn chưa rõ ràng. Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát. Nhờ đó, giá hàng hoá và dịch vụ trên thị trường không có biến động bất thường và lạm phát được duy trì trong tầm kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với cùng kỳ năm 2023 vẫn nằm trong tầm kiểm soát. Ngoài ra, Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) đã giảm lãi suất 0,5 điểm phần trăm xuống còn 4,75% đến 5%/năm, chính sách nới lỏng tiền tệ này có thể vô hình chung ảnh hưởng đến tình hình kinh tế ở các nước khu vực trong đó có Việt Nam.

Trong Quý I/2025, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân Quý I/2025 tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,22%) chủ yếu sau khi loại trừ các nhóm hàng như: lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý – trong đó có dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm gần đây, không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tái diễn các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai. Nếu điều đó xảy ra, chi phí hoạt động của Công ty bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng không đáng kể. Trong trường hợp Công ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá bán sản phẩm, lợi nhuận và tình hình tài chính sẽ chịu ảnh hưởng tiêu cực. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và lãi suất cho vay ở mức cao cũng có thể làm suy giảm niềm tin người tiêu dùng, gây bất lợi cho môi trường kinh doanh nói chung và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

Bên cạnh đó, không thể đảm bảo được rằng Nhà nước Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách chống lạm phát như cấm hoặc hạn chế tăng giá cả của một số mặt hàng thiết yếu do Nhà nước quản lý.

### **1.3. Rủi ro lãi suất**

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một yếu tố vĩ mô quan trọng, có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế, mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Phần lớn doanh nghiệp hiện nay đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng, điều này kéo theo chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, từ đó làm giảm lợi nhuận và khả năng cạnh tranh, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm chi phí và thu hẹp quy mô hoạt động. Ngược lại, khi cắt giảm lãi suất, đây sẽ là động lực giúp doanh nghiệp giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh. Hơn thế, mặt bằng lãi suất thấp là động lực thúc đẩy



các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Trong năm 2022, với diễn biến lạm phát có chiều hướng gia tăng, nhiều Ngân hàng Trung ương các nước trên thế giới đều đồng loạt tăng lãi suất cơ bản. Sau hai lần tăng lãi suất trong năm 2022 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có bước ngoặt chính sách trong chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Trong năm 2023, NHNN đã điều chỉnh giảm các mức lãi suất bốn lần với mức giảm từ 0,5% đến 2,0%/năm, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng; đồng thời NHNN đã ban hành nhiều văn bản và trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng đề nghị tiết giảm chi phí, giảm lãi suất huy động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Cụ thể: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, giảm 2,0%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD; (2) Giảm 0,5% đến 1,25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế. NHNN đã điều chỉnh giảm lãi suất bốn lần vào các ngày 15/03/2023, 03/04/2023, 25/05/2023 và 19/06/2023.

Trong năm 2024, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế.

Tiếp nối chính sách đã duy trì trong suốt năm 2024, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, bao gồm lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm và trần lãi suất huy động dưới 6 tháng trong 6 tháng đầu năm 2025. Chính sách này tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN, qua đó có cơ sở để giữ ổn định mặt bằng lãi suất cho vay. Đối với doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất có nhu cầu vay vốn lớn như ngành giấy - việc duy trì mức lãi suất điều hành thấp và ổn định tiếp tục là yếu tố hỗ trợ tích cực cho chi phí tài chính, giúp giảm áp lực lãi vay và cải thiện hiệu quả hoạt động trong kỳ.

#### **1.4. Rủi ro về tỷ giá**

Từ đầu năm 2022 đến nay, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) và nhiều Ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới đã đẩy mạnh lộ trình thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng nhanh lãi suất điều hành. Xung đột giữa Nga - Ukraine tiếp diễn, khiến chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gián đoạn, giá xăng dầu và hàng hóa tăng cao, lạm phát tại nhiều nền kinh tế vượt mức kiểm soát gây biến động lớn trên thị trường quốc tế và trong nước.

Để chủ động thích ứng trước các diễn biến khó lường của thị trường quốc tế, cũng như định hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất của FED và các Ngân hàng Trung ương trên thế giới, ngày 17/10/2022, NHNN Việt Nam ban hành Quyết định số 1747/QĐ-NHNN quy định về tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép. Theo đó, biên độ tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) được điều chỉnh từ +/- 3% lên +/- 5%.



Trong năm 2023, FED và các Ngân hàng Trung ương trên thế giới cho thấy một số tín hiệu về việc ngừng tăng lãi suất. NHNN đã mua được lượng lớn ngoại tệ với hơn 6 tỷ USD để bổ sung dự trữ ngoại hối. Việc gia tăng dự trữ ngoại hối giúp cho NHNN có nhiều dư địa trong điều hành chính sách linh hoạt và ổn định tỷ giá, nâng cao giá trị tiền đồng, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường biến động mạnh.

Bên cạnh đó, NHNN cũng tiếp tục phát hành tín phiếu nhằm điều tiết lượng tiền VND dư thừa, góp phần giảm bớt mức chênh lệch lãi suất âm giữa VND và USD, từ đó hạn chế áp lực gia tăng lên tỷ giá. Từ ngày 19/04/2024, NHNN bắt đầu bán ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng để hỗ trợ thanh khoản cho thị trường nhằm phục vụ các nhu cầu ngoại tệ, bình ổn tâm lý thị trường.

Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng chủ yếu do: (i) Thị trường kỳ vọng FED trì hoãn hạ lãi suất điều hành, đồng USD thế giới tăng và duy trì ở mức cao; (ii) Chênh lệch lãi suất giữa VND và USD trên thị trường liên ngân hàng tiếp tục duy trì âm (lãi suất VND thấp hơn USD); (iii) Nhu cầu ngoại tệ đầu năm tương đối lớn phục vụ nhập khẩu nguyên vật liệu.

Hiện nay, hầu hết hoạt động kinh doanh chính của Công ty được giao dịch bằng đồng nội tệ (Việt Nam đồng), vì vậy việc ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của Công ty bởi tỷ giá không quá lớn. Theo dự báo, việc FED giảm lãi suất trong năm vừa qua sẽ dẫn đến việc giảm giá trị của đồng USD so với đồng VND, kéo theo tỷ giá USD/VND sẽ hạ nhiệt vào nửa cuối năm 2025, từ đó tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời hoặc không phù hợp các quy định pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một Công ty cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, và đang giao dịch trên UPCoM nên Công ty Cổ phần Miza (CTCP Miza) chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang tiếp tục hoàn thiện. Nhiều văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành và nhiều văn bản pháp luật được sửa đổi. Các văn bản hướng dẫn thi hành một số Luật vẫn chưa hoàn chỉnh và đồng bộ dẫn tới nguy cơ phát sinh bất cập, ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chủ yếu là sản xuất giấy bao bì tái chế và các sản phẩm liên quan, do đó chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan đến đầu tư, xây dựng, lao động, môi trường, phòng cháy chữa cháy, chất lượng sản phẩm công nghiệp, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn chuyên ngành.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chủ động theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan, đồng



thời tham khảo và thuê tư vấn pháp lý đối với những vấn đề nằm ngoài khả năng nội bộ của Công ty.

### **3. Rủi ro do đặc thù ngành**

Kể từ sau chiến tranh thương mại thế giới khởi phát từ Mỹ, ngành giấy thế giới nói chung tiếp tục chịu tác động mạnh từ biến động giá nguyên liệu giấy thu hồi trên thị trường quốc tế, do căng thẳng nguồn cung và các chính sách kiểm soát môi trường tại các nước xuất khẩu lớn như Mỹ và Nhật Bản, làm tăng đáng kể chi phí đầu vào. Nhu cầu tiêu thụ giấy in ấn, giấy văn phòng có xu hướng suy giảm do sự dịch chuyển mạnh mẽ sang công nghệ số, tạo áp lực lên một số dòng sản phẩm truyền thống. Các yêu cầu về phân loại rác tại nguồn và tiêu chuẩn tái chế bền vững tại các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Mỹ ngày càng khắt khe, buộc doanh nghiệp phải đầu tư lớn vào công nghệ và quản lý môi trường để làm tăng khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, tình trạng lạm phát toàn cầu duy trì ở mức cao cùng với chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều nền kinh tế lớn đã làm tăng chi phí tài chính, chi phí đầu tư và chi phí vận hành của doanh nghiệp, ảnh hưởng tiêu cực tới biên lợi nhuận trong ngắn hạn.

### **4. Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, cùng với các yếu tố vĩ mô, tâm lý nhà đầu tư và mức độ hấp dẫn cổ phần Công ty. Bên cạnh đó, đợt chào bán của Công ty cũng không có đơn vị bảo lãnh phát hành, do đó có thể xảy ra rủi ro một số cổ đông không thực hiện quyền mua, dẫn đến Công ty không huy động đủ vốn như dự kiến để triển khai theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. Tuy nhiên, rủi ro này được đánh giá là khá thấp do đối tượng được phân bổ quyền mua là cổ đông hiện hữu của Công ty, là những người hiểu rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh, cũng như năng lực Ban lãnh đạo Công ty. Đồng thời, cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ, như vậy Hội đồng quản trị (HĐQT) sẽ tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số cổ phần không phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, HĐQT cũng chủ động tìm kiếm thêm nguồn tài trợ khác để bảo đảm huy động vốn đủ phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc xem xét điều chỉnh cơ cấu vốn (bao gồm: sử dụng nguồn vốn tự có và vốn huy động hợp pháp khác) để thực hiện kế hoạch giảm nợ vay. Tuy nhiên, phương án này có khả năng làm tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

### **5. Rủi ro pha loãng**

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Tỷ lệ phần trăm sở hữu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống nếu các cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phần phát hành thêm trong



khi vốn điều lệ Công ty sẽ tăng lên sau đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với sự tham gia của các cổ đông khác.

- Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2025. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể bị giảm (bị pha loãng) nếu tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng mà vốn chủ sở hữu không tăng tương ứng. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

#### 5.1. *Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành thêm*

Giá cổ phần MZG sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán. Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

– Trong đó:

$P$ : là giá thị trường của cổ phần sau khi bị pha loãng.

$P_{t-1}$ : là giá thị trường của cổ phần trước khi bị pha loãng.

$I_R$ : tỷ lệ vốn tăng.

$P_R$ : là giá cổ phần sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới.

– Tham khảo:

$P_{t-1}$ : Giá sử, giá cổ phiếu MZG trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu.

$P_R$ : Giá cổ phần sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới là 10.000 đồng/cổ phiếu.

$I_R$ : tỷ lệ vốn tăng khi chào bán và phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10% (tỷ lệ 10:01).

$P$ : Giá tham chiếu cổ phiếu MZG trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{15.000 + (10\% \times 10.000)}{1 + 10\%} = 14.545 \text{ đồng/cổ phần}$$

#### 5.2. *Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu*

$$\begin{array}{ccc} \text{Thu nhập} & & \text{Số trích quỹ khen} \\ \text{(lãi) cơ bản} & & \text{thưởng, phúc lợi (nếu} \\ \text{trên cổ phiếu} & = & \text{có)} \\ \text{(EPS)} & & \\ & & \text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông} \\ & & \text{đang lưu hành trong kỳ} \end{array}$$

EPS theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm 2024 của Công ty là 685 đồng/cổ phiếu. Sau khi hoàn thành đợt chào bán, EPS sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa thể tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ được hạn chế nếu Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

### **5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)**

BVPS = (Nguồn vốn Chủ sở hữu hợp nhất - Lợi ích cổ đông không kiểm soát - Giá trị cổ phần ưu đãi theo mệnh giá - Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình)/(Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ - Số lượng cổ phần ưu đãi).

Tại thời điểm 31/12/2024, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 11.915 đồng/cổ phiếu.

BVPS có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại, trong khi vốn chủ sở hữu không tăng tương ứng.

Cụ thể, tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì BVPS sẽ giảm.

### **5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối không thực hiện quyền mua, hoặc chuyển nhượng quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

## **6. Rủi ro quản trị công ty**

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro phát sinh.

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Nguyên nhân có thể đến từ yếu tố chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) hoặc khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật), tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất



lao động, hiệu quả vận hành ... Do vậy, mọi doanh nghiệp cần có khả năng nhận biết, đánh giá và kiểm soát khắc phục các rủi ro quản trị, nhằm đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Đối với Công ty Cổ phần Miza, để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro này, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch rà soát chính sách, quy trình nội bộ, v.v. nhằm đảm bảo rằng mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn chính xác, đạt được mục tiêu chung của Công ty. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty còn hợp tác với đơn vị tư vấn có uy tín để có được sự hỗ trợ tốt nhất trong việc cập nhật đầy đủ sự thay đổi của các văn bản luật, giúp Ban lãnh đạo đưa ra quyết định chính xác, đảm bảo lợi ích của Công ty.

Ngày 02/07/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã có công văn xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng của CTCP Miza. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên sàn UPCoM vào ngày 12/11/2024. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được Ban Kiểm soát giám sát chặt chẽ giúp các hoạt động điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

## **7. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, thiên tai, dịch họa, ... sẽ dẫn đến tổn thất hoặc thiệt hại đáng kể cho các nhà máy và có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Điều này sẽ dẫn đến sự chậm trễ trong việc cung cấp sản phẩm cho các khách hàng. Sự chậm trễ này sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty, gây ra tổn thất về mặt kinh doanh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả tài chính.

Công ty luôn tham gia mua và tái tục các hợp đồng bảo hiểm tài sản, gián đoạn kinh doanh, cháy nổ và vận chuyển hàng hoá. Tuy nhiên, Công ty không thể đảm bảo rằng các hợp đồng bảo hiểm này là đủ để bù đắp cho các chi phí thay thế máy móc và sửa chữa các cơ sở sản xuất của Công ty trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

### III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

▪ BB	Biên bản
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
▪ Chính phủ	Chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ Công ty/ Miza/ MZG/ Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Miza
▪ CTCP	Công ty cổ phần
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty cổ phần Miza
▪ ĐVT	Đơn vị tính
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
▪ KH&ĐT	Kế hoạch & Đầu tư
▪ SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
▪ SXKD	Sản xuất kinh doanh
▪ TGĐ	Tổng Giám đốc
▪ Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ Tổ chức tư vấn/ VPBankS	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
▪ UPCoM	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
▪ VCSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VDL	Vốn điều lệ
▪ VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Giới thiệu về tổ chức phát hành

Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

Tên tiếng Anh : MIZA CORPORATION

Tên viết tắt : MIZA CORP

Biểu tượng của Công ty : 

Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27/12/2024.

Trụ sở chính : Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, Xã Phúc Thịnh, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : +84 24 3965 6121

Fax : +84 24 3965 6128

Website : [www.miza.vn](http://www.miza.vn)

Vốn điều lệ : 1.059.150.680.000 đồng (Một nghìn không trăm năm mươi chín tỷ, một trăm năm mươi triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Vốn điều lệ thực góp : 1.059.150.680.000 đồng (Một nghìn không trăm năm mươi chín tỷ, một trăm năm mươi triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất bột giấy, giấy và bìa

Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Tuấn Minh (Chủ tịch Hội đồng quản trị)

Mã cổ phiếu : MZG

Đăng ký giao dịch : UPCoM

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất bột giấy, giấy và bìa, với các ngành nghề đăng ký kinh doanh bao gồm:

**Bảng số 1: Ngành nghề đăng ký kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
2	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xe	2816
3	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
4	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

5	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
8	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
9	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701 (Chính)
10	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
11	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
12	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
14	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
17	Xây dựng nhà không để ở	4102
18	Xây dựng công trình đường sắt	4211
19	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
22	Bán buôn tổng hợp	4690
23	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24	Phá dỡ	4311

Nguồn: CTCP Miza

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Mô tả
<b>2010</b>	Thành lập Công ty Cổ phần Miza theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010. Công ty được thành lập với sứ mệnh Xanh cùng phương châm phát triển bền vững, chung tay cùng Việt Nam và thế giới bảo vệ môi trường bằng việc sản xuất giấy tái sử dụng.



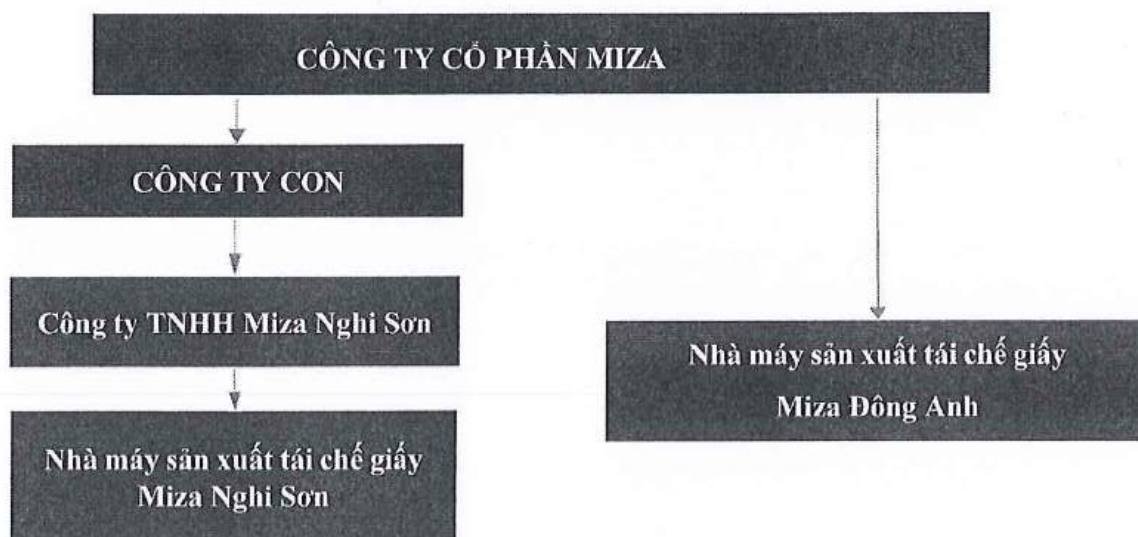
<b>2012</b>	Công ty đã nhận được sự hỗ trợ tài chính từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Hà Nội (Nay là Quỹ Đầu tư phát triển TP. Hà Nội) vì ngành nghề của Công ty là tái chế giấy thải với số tiền 10.179.000.000 đồng. Với nguồn vốn ưu đãi này, Công ty tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị và hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, ổn định sản xuất và kinh doanh có lãi, giải quyết việc làm cho hơn 50 người lao động với thu nhập khá.
<b>2015</b>	Công ty đã đầu tư mới thêm Dây chuyền 2 chất lượng cao nâng công suất nhà máy 32.500 tấn/năm. Áp dụng công nghệ tiên tiến hàng đầu khu vực phía Bắc, có hệ thống kiểm soát chất lượng tự động và công suất đạt 150 tấn giấy phế liệu/ngày, hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do Trung tâm Chứng nhận Phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ-đây là một phương pháp quản lý chất lượng mới, khi được áp dụng vào doanh nghiệp sẽ giúp lãnh đạo có thể kiểm soát được hoạt động trong nội bộ và thúc đẩy hoạt động đạt hiệu quả ở mức cao nhất.
<b>2017</b>	Dây chuyền 2 của Công ty chính thức đi vào hoạt động, nâng công suất của Miza từ 7.500 tấn/năm lên hơn 47.000 tấn/năm. Doanh thu qua đó tăng trưởng vượt bậc 100% giai đoạn 2016-2018
<b>2018</b>	Đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2015 do Trung tâm Chứng nhận Phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ - Đây là một tiêu chuẩn quốc tế dành cho hệ thống quản lý môi trường, được coi là khung chuẩn định hướng giúp doanh nghiệp quản lý các liên quan tới môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời giúp doanh nghiệp chinh phục nhóm khách hàng FDI cũng như khẳng định sự quyết tâm và trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 do Trung tâm Chứng nhận Phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ - Đây là một tiêu chuẩn quốc tế mà doanh nghiệp chứng tỏ được khả năng luôn cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng thỏa mãn khách hàng và các yêu cầu của luật định cũng như sự mong đợi của các bên quan tâm. Chứng chỉ FSC: Miza đã được cấp Chứng chỉ uy tín trên thế giới của Hội đồng quản lý rừng FSC (Forest Stewardship Council) vì những nỗ lực giảm thiểu tác động sản xuất đến môi trường, do BVC (Bureau Veritas Certification) đánh giá và chứng nhận. Góp vốn thành lập Công ty TNHH Miza Nghi Sơn (Thanh Hóa) với vốn điều lệ ban đầu 100 tỷ đồng.
<b>2021</b>	Hoàn thành và đưa vào vận hành Dự án Nhà máy sản xuất Giấy bao bì Miza Nghi Sơn với công suất thiết kế 120.000 tấn/năm, tương đương 400 tấn/ngày.

	Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Blue Line (sở hữu phần vốn góp 107,8 tỷ đồng, tương đương 49%) và Công ty TNHH Depak (sở hữu phần vốn góp là 36 tỷ đồng, tương đương 28,8%).
<b>2023</b>	Thoái vốn tại các công ty liên kết: Công ty TNHH Blue Line và Công ty TNHH Depak. Góp vốn vào Công ty TNHH Miza Nghi Sơn tiếp tục triển khai đầu tư Giai đoạn 2.
<b>2024 - 2025</b>	Tiếp tục triển khai đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 2 - Giai đoạn 2 thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Giấy bao bì Miza Nghi Sơn với công suất 100.000 tấn/năm, nâng tổng công suất nhà máy lên trên 220.000 tấn/năm (Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ bảy ngày 17 tháng 02 năm 2025).

*Nguồn: CTCP Miza*

### **3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Miza**

Công ty Cổ phần Miza được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tại thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Miza có 01 Công ty con sở hữu 100% vốn điều lệ là Công ty TNHH Miza Nghi Sơn. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Miza được thể hiện dưới sơ đồ sau:



*Nguồn: CTCP Miza*

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (2010) đến nay, sau 15 năm phát triển, Công ty đã xây dựng thương hiệu với định hướng là nhà sản xuất Giấy tái chế số 1 Miền Bắc. Sau khi thực hiện tái cấu trúc, đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Miza hiện sở hữu hai (02) nhà máy sản xuất giấy hiện đại. Công suất các nhà máy đạt đến 500 tấn/1 ngày đêm, công nghệ tiên tiến, được nhập khẩu nguyên chiếc từ những quốc gia phát



triển. Đặc biệt, các dòng máy sản xuất được phân bổ đều từ công suất nhỏ đến công suất cực đại, đáp ứng được đa dạng yêu cầu về sản xuất.

**a. Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Đông Anh**

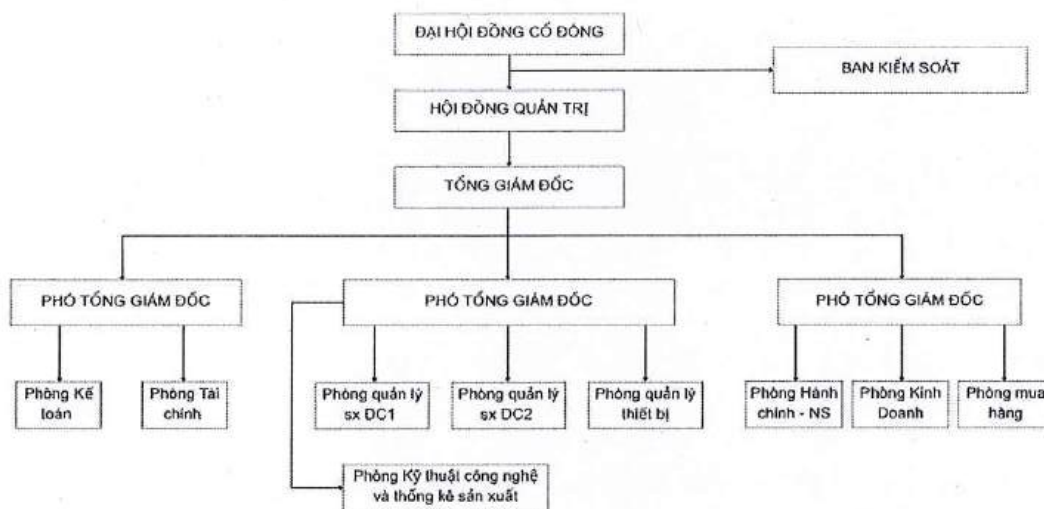
- Vị trí nhà máy: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.
- Diện tích khu đất xây dựng: khoảng 16.000 m<sup>2</sup>.
- Sản phẩm kinh doanh chính: Giấy sóng, giấy mặt.
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Năm 2011.
- Công suất thiết kế: 32.500 tấn/năm.
- Công suất hoạt động sau nâng cấp: hơn 47.000 tấn/năm.

**b. Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Nghi Sơn**

- Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Nghi Sơn.
- Vị trí nhà máy: Khu công nghiệp số 5 thuộc khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.
- Diện tích mặt đất sử dụng: 88.700 m<sup>2</sup>.
- Sản phẩm kinh doanh chính: Sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu giấy tái chế; Sản xuất bột giấy khô từ nguyên liệu giấy tái chế.
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Năm 2021.
- Quy mô của nhà máy:
  - + Dây chuyền Sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu tái chế và bột giấy: 220.000 tấn/năm.
  - + Hệ thống điện từ năng lượng mặt trời (phục vụ nhu cầu nội bộ): 950 KWp/năm.
- Phân kỳ đầu tư:
  - Giai đoạn I: Đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 1 với công suất 120.000 tấn/năm
  - Giai đoạn II: Đầu tư hệ thống nghiền bột giấy nguyên sinh để nâng cao chất lượng sản phẩm cho dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 1, đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 2 với công suất 100.000 tấn/năm đưa tổng công suất nhà máy lên 220.000 tấn/năm. Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời công suất 950 KWp/năm (Phục vụ nhu cầu nội bộ).
- Tổng vốn đầu tư: 2.900.000.000.000 đồng. Trong đó:
  - Giai đoạn I: 1.840.848.000.000 đồng
  - Giai đoạn II: 1.059.152.000.000 đồng.

#### **4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Miza**

Công ty Cổ phần Miza được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Công ty như sau:



*Nguồn: CTCP Miza*

##### **4.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề theo Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể triệu tập họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

##### **4.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.



HĐQT của Công ty Cổ phần Miza hiện nay bao gồm 05 thành viên. Các thành viên HĐQT của Công ty được ĐHCĐ của Công ty bầu và miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty. Các thành viên HĐQT đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Danh sách thành viên HĐQT gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Tuấn Minh	- Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Vũ Anh Trà	- Thành viên HĐQT
3.	Ông Lê Văn Hiệp	- Thành viên HĐQT
4.	Ông Hoàng Tự Lập	- Thành viên HĐQT – Thành viên độc lập
5.	Ông Đinh Tấn Hưng	- Thành viên HĐQT – Thành viên độc lập

*Nguồn: CTCP Miza*

#### **4.3. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên Ban Kiểm soát đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 168, 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Vũ Đình Hải	- Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	- Thành viên Ban Kiểm soát
3.	Bà Lê Thị Phương Thảo	- Thành viên Ban Kiểm soát

*Nguồn: CTCP Miza*

#### **4.4. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty được HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý cao cấp khác có nhiệm vụ hoạch định chiến lược phát triển, giám sát và phân bổ công việc cho đội ngũ nhân viên của Công ty, kiểm soát tình hình tài chính và kế toán, quản lý vốn và kiểm soát nội bộ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Lê Văn Hiệp	- Tổng Giám đốc
2.	Ông Vũ Anh Trà	- Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất
3.	Ông Nguyễn Hữu Tú	- Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính - Kế toán
4.	Ông Dương Ngọc Thế	- Phó Tổng Giám đốc Phụ trách trực tiếp Hành chính nhân sự, Kinh doanh và Mua hàng
5.	Bà Nguyễn Thị Thoa	- Kế toán trưởng

*Nguồn: CTCP Miza*

**Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:**

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

**Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất:** Là người được uỷ quyền hỗ trợ Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo và giải quyết các việc sau:

- Chỉ đạo trực tiếp mọi hoạt động sản xuất của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy chế tổ chức hoạt động Tổng Giám đốc Công ty ban hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Lựa chọn và tiếp nhận nhân lực, tổ chức sản xuất;
- Đề xuất các biện pháp phát huy các nguồn lực của khối sản xuất đảm bảo phát huy tối đa năng lực sản xuất của Công ty;
- Phụ trách công tác xét duyệt kế hoạch sản xuất hàng tháng, xét duyệt các định mức lao động mới phát sinh và duyệt lương hàng tháng cho các đơn vị sản xuất;
- Phụ trách công tác khoa học kỹ thuật, xét duyệt sáng kiến, đề xuất phương án tài chính để phát triển nguồn lực khoa học kỹ thuật trong Công ty;



- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm; Lập quy trình và theo dõi công nghệ sản xuất bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm;
- Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;
- Phụ trách công tác Xây dựng cơ bản, An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, 5S, An toàn bức xạ, An toàn hóa chất, quản lý chất thải...;
- Hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác khoa học kỹ thuật, công nghệ; tư vấn, thực hiện các dự án đầu tư mở rộng sản xuất và thực hiện một số công việc, nhiệm vụ khác được giao;
- Hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác điều hành, quản trị hoạt động của Công ty.

**Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính - Kế toán:** Là người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chịu trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động tài chính kế toán của Công ty bao gồm các quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất xây dựng các chính sách tài chính kế toán dựa theo pháp luật Việt Nam, ban hành các định mức chi phí của Công ty;
- Thu thập số liệu và thực hiện phân tích và đề xuất các phương án huy động vốn cho các dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng vốn của Công ty, bổ sung vốn lưu động trong từng thời kỳ;
- Xây dựng và tính toán các chỉ số tài chính và kiểm soát sự lành mạnh của tình hình tài chính Công ty;
- Tổ chức thực hiện các phương án huy động vốn; Giám sát, kiểm tra việc lập báo cáo tài chính theo quy định;
- Kiến nghị lựa chọn kiểm toán; Kiểm tra và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT/TGĐ về số liệu tài chính;
- Lập và trình Chủ tịch HĐQT/TGĐ phê duyệt các phương án tài chính, phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ tái đầu tư, vay vốn;
- Chỉ đạo phòng TCKT Công ty, chỉ đạo Kế toán trưởng lập kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất với Chủ tịch HĐQT/TGĐ để tổ chức các cuộc họp HĐQT bàn về các vấn đề chủ chốt trong phạm vi công việc của mình;
- Đại diện cho Chủ tịch HĐQT/TGĐ làm việc với các cơ quan nhà nước, đối tác về các vấn đề được ủy quyền/ phân công;
- Yêu cầu mọi bộ phận trong Công ty báo cáo, thuyết minh cung cấp dữ liệu chính xác để phòng hoàn thành nhiệm vụ cho Chủ tịch HĐQT/TGĐ giao;
- Ký sao một số giấy tờ hành chính được Chủ tịch HĐQT ủy quyền;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của lãnh đạo cấp trên.

**Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Hành chính nhân sự, Kinh doanh và Mua hàng:** là người được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền trực tiếp chỉ đạo và giải quyết các việc sau:

- Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước, đối tác về các vấn đề được ủy quyền/phân công;
- Chỉ đạo bộ phận Hành chính Nhân sự xây dựng, soạn thảo, sửa đổi và bổ sung các văn bản, quy định, quy chế,... liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Phụ trách quản lý hệ thống ISO, ESG...;
- Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của phòng Kinh doanh và bộ phận Mua hàng; xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch mua hàng phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, mua hàng theo quy định;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của lãnh đạo cấp trên.

***Các Phòng, Ban chức năng***

**Phòng Quản lý sản xuất DC1, Phòng Quản lý Sản xuất DC2:**

- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về thiết kế và lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm; Lập quy trình và theo dõi công nghệ bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm; Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;
- Soạn thảo kế hoạch chất lượng; Xác định thông số yêu cầu chất lượng, kỹ thuật tiêu chuẩn cho các nguyên liệu, vật tư sản xuất; Lập định mức tiêu hao vật tư, năng lượng, lao động cho sản xuất sản phẩm liên quan;
- Hoạch định chương trình phát triển khoa học trong Công ty. Tiếp nhận các chương trình sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Thẩm định các hoạt động cải tiến, hiệu lực và hiệu quả;
- Bổ sung kết quả hoạt động khoa học vào năng lực của Công ty. Bảo mật các thông tin khoa học kỹ thuật trong Công ty. Đề xuất mức thưởng vật chất cho các Công trình, tác giả...

**Phòng Quản lý thiết bị:**

- Quản lý mạng lưới phân phối điện, nước và khí, ... toàn Công ty;
- Kiểm soát thiết bị toàn Công ty;
- Phụ trách lắp đặt, hướng dẫn vận hành thiết bị;
- Lập quy trình, hướng dẫn kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị;
- Thực hiện các quy định quản lý và chuẩn bị kỹ thuật đối với các chi tiết sửa chữa, chi tiết phụ tùng dự phòng của thiết bị;
- Thực hiện bảo trì thiết bị theo kế hoạch; Thực hiện sửa chữa, lắp đặt thiết bị đáp ứng sản xuất;



- Thực hiện duy trì cung cấp điện năng, nước, khí... cho sản xuất của Công ty;
- Thiết lập các biện pháp, chỉ đạo các cá nhân trong đơn vị thực hiện các quy chế Công ty đã ban hành về hệ thống quản lý chất lượng;
- Lập các thủ tục cần thiết cho việc kiểm định, hiệu chuẩn, xin cấp giấy chứng nhận, giấy phép đăng ký sử dụng đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... và các thiết bị đo lường, kiểm tra về điện, nước, khí nén, gas, dầu, nhiệt trong công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất) lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện theo quy định của công ty cũng như của pháp luật Nhà nước hiện hành quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động;
- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, quy phạm của công ty cũng như của Pháp luật bảo hộ lao động của Nhà nước quy định;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các nơi làm việc, phát hiện, đề xuất biện pháp ngăn chặn các yếu tố nguy hiểm có hại trong sản xuất và ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ô nhiễm môi trường;
- Lập kế hoạch mua sắm thiết bị mới và thanh lý thiết bị; Quản lý việc giao nhận và điều phối thiết bị của Công ty;
- Theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của thiết bị và toàn bộ dây chuyền sản xuất; sự biến động của nhu cầu tiêu thụ năng lượng liên quan đến việc lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định;
- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn trong hoạt động sử dụng tiết kiệm vật tư, năng lượng.

#### **Phòng Kỹ thuật công nghệ và thống kê sản xuất**

- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về thiết kế và lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm;
- Lập quy trình và theo dõi công nghệ bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm; Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;
- Soạn thảo kế hoạch chất lượng; Xác định thông số yêu cầu chất lượng, kỹ thuật tiêu chuẩn cho các nguyên liệu, vật tư sản xuất; Lập định mức tiêu hao vật tư, năng lượng, lao động cho sản xuất sản phẩm liên quan;
- Hoạch định chương trình phát triển khoa học trong Công ty. Tiếp nhận các chương trình sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Thẩm định các hoạt động cải tiến, hiệu lực và hiệu quả;
- Bổ sung kết quả hoạt động khoa học vào năng lực của Công ty. Bảo mật các thông tin khoa học kỹ thuật trong Công ty. Đề xuất mức thưởng vật chất cho các Công trình, tác giả...

- Thực hiện các báo cáo của khối sản xuất theo yêu cầu;
- Thống kê nhân lực hàng ngày, thống kê lương, viết phiếu, cấp phát vật tư, bảo hộ lao động, văn phòng phẩm, công tác hành chính và quản lý kho của bộ phận sản xuất;
- Thực hiện các công việc khác được giao.

**Phòng mua hàng:**

- Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành, quản trị hoạt động của phòng; điều hành cung cấp vật tư, thiết bị của Công ty và các Công ty thành viên, trực thuộc;
- Báo cáo nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch sản xuất; lập kế hoạch mua bổ sung nguyên liệu, vật tư... chuyển bộ phận chức năng thực hiện;
- Tổ chức cấp phát và quyết toán vật tư theo kế hoạch sản xuất; tổ chức thực hiện lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư và sản phẩm. Thực hiện nhập, xuất, quyết toán vật tư. Lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư sản phẩm;
- Thực hiện việc mua bán, cung cấp vật tư nguyên liệu, công cụ, dụng cụ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám sát theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng của nhà cung ứng;
- Tham mưu cho ban Tổng Giám đốc phụ trách trong công tác hoạch định kế hoạch mua hàng và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đáp ứng các yêu cầu về giá cả, số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian;
- Tổ chức công tác phát triển và quản lý các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo nguồn cung phù hợp, cạnh tranh đáp ứng được các yêu cầu mở rộng, thay đổi kế hoạch, nhu cầu mua hàng của Công ty;
- Thực hiện tổ chức thu mua nhập khẩu vật tư, thiết bị, sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất, thương mại của Công ty. Đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng nước ngoài và đánh giá lại theo quy định. Giám sát theo dõi hoạt động thực hiện hợp đồng của nhà cung ứng. Thực hiện nhập hàng, nhận hàng về kho Công ty.

**Phòng Kinh doanh:**

- Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành, quản trị hoạt động của phòng; Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hệ thống Kinh doanh thương mại của Công ty và các Công ty thành viên, trực thuộc;
- Xây dựng và kiểm soát hệ thống thông tin và kiểm soát giá bán: Giá bán được thiết lập theo cơ chế được Công ty phê duyệt. Không có các trường hợp khiếu nại, bất cập về giá bán. Giá bán cho các đối tác bên ngoài thể hiện được định vị sản phẩm, giá bán hàng loại 2, hàng dư;
- Phát triển khách hàng/ kênh bán hàng và quy hoạch sản phẩm: Quy hoạch các nhóm khách hàng và có danh mục sản phẩm cập nhật cho các nhóm khách hàng phù hợp. Triển khai bán hàng cho nhiều kênh bán khác nhau. Đảm bảo minh bạch



trong giao dịch với khách hàng. Xử lý các tình huống thừa hàng hóa: Có hệ thống theo dõi để xử lý nhanh các tình huống hàng dư thừa;

- Lập kế hoạch sản xuất đáp ứng yêu cầu khách hàng, căn cứ vào Kế hoạch giao hàng và Hợp đồng (hoặc đơn hàng) do bộ phận bán hàng cung cấp. Viết phiếu/lệnh sản xuất ..., bộ phận liên quan trong Công ty, nêu rõ tiêu chuẩn, số lượng sản phẩm, tiến độ hoàn thành. Theo dõi tiến độ sản xuất, thống kê thu thập dữ liệu; Đơn đốc, kiểm tra, chủ động giải quyết các ách tắc giữa các bộ phận sản xuất;
- Kiểm soát, tham gia đàm phán đối với các giao dịch kinh doanh xuất khẩu: Tìm hiểu nhu cầu thị trường, khách hàng quốc tế để đề xuất các đặc tính phù hợp của sản phẩm cho Công ty. Xem xét và quản lý các hợp đồng bán hàng ra nước ngoài hoặc xuất khẩu tại chỗ, theo yêu cầu của Tổng Giám đốc. Quảng cáo và xúc tiến bán hàng ra nước ngoài;
- Lập kế hoạch giao hàng ra nước ngoài dựa trên nhu cầu thị trường và các hợp đồng, đơn hàng đã ký kết với khách hàng. Tổ chức thực hiện giao hàng và đo lường sự hài lòng của khách hàng. Thực hiện bảo hành sản phẩm sau bán hàng. Chủ trì việc xử lý và giải quyết khiếu nại của khách hàng nước ngoài.

**Phòng Hành chính Nhân sự:** Hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành hệ thống Hành chính nhân sự của Công ty và các Công ty thành viên, trực thuộc tổ chức thực hiện các nội dung:

- Công tác phát triển nhân lực; quản trị nhân lực; các thủ tục hành chính hồ sơ pháp lý; lương và phúc lợi; quan hệ lao động, quan hệ đối ngoại, chỉ đạo thực hiện tốt quan hệ với địa phương, ban ngành về công tác hành chính, an ninh quốc phòng;
- Tư vấn, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc triển khai các chính sách pháp luật lao động, quy chế, quy trình quản lý để Công ty thực hiện, vận dụng các chính sách pháp luật và quy chế trong quá trình quản lý lao động;
- Tư vấn, đề xuất, xây dựng hệ thống văn bản pháp lý: các nội quy, quy chế, quy trình, quy định... tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát để quản trị doanh nghiệp tốt;
- Thực hiện các chế độ BHXH đảm bảo việc thực hiện chính xác, đầy đủ, kịp thời... những nội dung liên quan đến quyền lợi của người lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động theo đúng quy định của Pháp luật;
- Theo dõi và thực hiện công tác thi đua khen thưởng đột xuất, khen thưởng hàng năm và kỷ luật lao động; Xác định nhu cầu đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm.

**Phòng Tài chính:**

- Nhiệm vụ của phòng Tài chính là hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính theo dõi, kiểm soát việc quản lý tài chính và điều hành công tác tài chính theo đúng quy định của nhà nước;

- Phòng tài chính chịu trách nhiệm tư vấn, tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính việc sử dụng các nguồn lực tài chính và tài sản của công ty sao cho hiệu quả và hợp lý nhất;
- Hàng năm lập kế hoạch tài chính trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt, đây là việc làm cần thiết vì giúp doanh nghiệp chủ động được trong việc hoạch định và có căn cứ để lập kế hoạch tài chính phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh;
- Theo dõi, quản lý nguồn vốn và tài sản của doanh nghiệp;
- Kiểm soát các dòng tiền, sự vận động của dòng tiền, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong và ngoài có liên quan đến doanh nghiệp;
- Thực hiện công tác giám sát vốn sử dụng nội bộ, đảm bảo kiểm soát tài chính minh bạch, chính xác, hiệu quả;
- Xây dựng và trình duyệt phương án về cơ cấu nguồn vốn, tài sản và điều hòa vốn trong toàn doanh nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn cũng như nguồn vốn lưu động và kế hoạch tín dụng, bằng các hình thức được pháp luật cho phép để huy động vốn cho hoạt động kinh doanh;
- Theo dõi và quản lý các khoản nợ vay và các khoản cho vay. Đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay đúng hạn và thu hồi nợ gốc cùng lãi cho vay đầy đủ, đúng thời hạn.

**Phòng Kế toán:**

- Nhiệm vụ của phòng kế toán là hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính tổ chức bộ máy kế toán và điều hành bộ máy kế toán theo đúng quy định của nhà nước;
- Tổ chức tốt việc thực hiện quy trình hạch toán kế toán;
- Giám sát và kiểm tra các nghiệp vụ của kế toán viên hàng ngày nhằm đảm bảo tính trung thực, chính xác của các số liệu, các khoản mục doanh thu và chi phí hàng ngày...;
- Định kỳ tiến hành lập báo cáo tài chính theo quý, năm. Việc lập báo cáo cần đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc kế toán, chính xác, kịp thời, đầy đủ và đúng quy định của Nhà nước;
- Thực hiện việc bảo quản, lưu trữ chứng từ, hồ sơ kế toán theo đúng quy định của Luật kế toán;
- Tổ chức thực hiện việc kê khai, quyết toán thuế, tiến hành nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước. Đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, chính sách thuế của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán và lập báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc;



- Kho nguyên liệu, vật tư sản xuất:
    - Báo cáo nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch sản xuất;
    - Lập kế hoạch mua bổ sung nguyên liệu, vật tư... chuyển bộ phận chức năng thực hiện;
    - Tổ chức cấp phát và quyết toán vật tư theo kế hoạch sản xuất;
    - Tổ chức thực hiện lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư và sản phẩm;
    - Thực hiện nhập, xuất, quyết toán vật tư. Lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư sản phẩm.
- 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại ngày 30/06/2025.**

**5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành**

Không có

**5.2. Công ty con trực tiếp của Tổ chức phát hành**

Công ty Cổ phần Miza có 01 công ty con trực tiếp, thông tin cụ thể như sau:

STT

Công ty con trực tiếp

1

Công ty TNHH Miza Nghi Sơn

- Ngày thành lập: 07/01/2018
- GCN ĐKDN: 2802520818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 07/01/2018, thay đổi lần 9 ngày 11/02/2025.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bột giấy, giấy và bia từ nguyên liệu giấy tái chế.
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.021.600.000.000 đồng (Một nghìn không trăm hai mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn).
- Tình hình góp vốn: Đã góp đủ.
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Miza tại Công ty TNHH Miza Nghi Sơn:

Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết
31/12/2023	100 %	100%
31/12/2024	100%	100%
30/06/2025	100%	100 %

Nguồn: CTCP Miza

5.3. Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối. Không có.

5.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành. Không có.

**6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty**

Công ty Cổ phần Miza được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010 với số vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng), tương ứng với 1.000.000 cổ phần. Sau 15 năm hoạt động và 9 lần tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 27/12/2024 là 1.059.150.680.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn không trăm năm mươi chín tỷ, một trăm năm mươi triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng 105.915.068 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Miza cam kết kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

**Bảng số 2: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
21/02/2011	-	10	10	Góp vốn thành lập	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22.11/NQ-ĐHĐCĐ-MZ của CTCP Miza ngày 22/11/2010 thông qua thỏa thuận góp vốn thành lập công ty; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010.
26/08/2012	1	8	18	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 05/03/2012 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 26.08/2012/NQ-HĐQT-MZ ngày 26/08/2012 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp



Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					thay đổi lần thứ 2 ngày 28/09/2012.
18/03/2015	2	48	66	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2015/NQ- ĐHĐCĐ-MZ ngày 05/01/2015 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 09.01/2015/NQ- HĐQT-MZ ngày 09/01/2015 của CTCP Miza về việc thông qua kết quả đăng ký mua của cổ đông hiện hữu và phương án tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn dư cho các đối tượng khác;</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 18.03/2015/NQ- HĐQT-MZ ngày 18/03/2015 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2015.</li> </ul>
30/05/2018	3	231	297	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2017/NQ- ĐHĐCĐ-MZ ngày 10/11/2017 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;</li> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2017/NQ- ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/11/2017 của CTCP Miza thông qua hình thức góp vốn của một số cổ đông, thông qua phân phối cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23.11/2017/NQ-HĐQT ngày 23/11/2017 của CTCP Miza về việc triển khai việc phát hành cổ</li> </ul>

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					<p>phiếu hoán đổi công nợ và phương án chào bán số cổ phiếu còn dư;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 31.05/2018/NQ- HĐQT-MZ ngày 31/05/2018 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu;</p> <p>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 05/07/2018.</p>
25/04/2019	4	75	372	Phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu	<p>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ- ĐHĐCĐ-MZ ngày 07/03/2019 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho tăng vốn điều lệ;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 19.03/2019/NQ- HĐQT-MZ ngày 19/03/2019 của CTCP Miza thông qua kết quả đăng ký mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu và phương án chào bán số cổ phiếu lẻ phát sinh, chưa được đăng ký mua hết;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 26.04/2019/NQ- HĐQT-MZ ngày 26/04/2019 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu;</p> <p>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 05/06/2019.</p> <p>- BCTC kiểm toán 2018 được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kiểm toán TTP với ý kiến chấp thuận toàn phần.</p>



Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
30/07/2019	5	100	472	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Phát hành Cổ phiếu cho Cổ đông ưu đãi cổ tức)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2019/NQ- ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/07/2019 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 31.07/2019/NQ- HĐQT-MZ ngày 31/07/2019 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 16/08/2019.</li> <li>- BCTC kiểm toán 2018 được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kiểm toán TTP với ý kiến chấp thuận toàn phần.</li> </ul>
23/10/2019	6	40	512	Phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu (Phát hành Cổ phiếu cho Cổ đông ưu đãi cổ tức)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 30/09/2019 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 11.10/2019/NQ- HĐQT-MZ ngày 11/10/2019 của CTCP Miza thông qua phân phối cổ phiếu còn dư;</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 24.10/2019/NQ- HĐQT-MZ ngày 24/10/2019 của CTCP Miza thông qua kết quả đăng ký mua cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án phân phối số cổ phần lẻ phát sinh và chưa được đăng ký mua hết;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp</li> </ul>

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
					thay đổi lần thứ 12 ngày 26/11/2019. - BCTC kiểm toán năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kiểm toán TTP cho ý kiến chấp thuận toàn phần.
31/12/2020	7	87,2	599,2	- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2020/NQ- ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/09/2020 của CTCP Miza về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Nghị quyết HĐQT số 20.10/2020/NQ- HĐQT-MZ ngày 20/10/2020 của CTCP Miza thông qua phân phối cổ phiếu còn dư; - Nghị quyết HĐQT số 05.01/2021/NQ- HĐQT-MZ ngày 05/01/2021 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 03/02/2021. - BCTC kiểm toán năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kiểm toán TTP cho ý kiến chấp thuận toàn phần.
21/12/2021	8	399,999	999,199	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2021/NQ- ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/10/2021 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Nghị quyết HĐQT số 22.12/2021/NQ- HĐQT-MZ ngày 22/12/2021 của CTCP Miza



Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
				hiện hữu	thông qua kết quả phát hành cổ phiếu; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/12/2021. - BCTC kiểm toán năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kiểm toán TTP cho ý kiến chấp thuận toàn phần.
25/11/2024	9	59,951	1.059,150	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 27/12/2024. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280601/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/6/2024 của CTCP Miza - Công văn số 7241/UBCK-QLCB ngày 28/10/2024 của UBCKNN - Báo cáo kết quả phát hành thêm cổ phiếu cho UBCKNN ngày 25/11/2024. - BCTC kiểm toán năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội cho ý kiến chấp thuận toàn phần.

Nguồn: CTCP MIZA

Việc tăng vốn của Công ty đã được thuyết minh tại các báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm hoặc tại Báo cáo biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần được kiểm toán. Các đơn vị thực hiện kiểm toán các báo cáo này đã chấp thuận và không có bất cứ ý kiến nào về việc các lần tăng vốn của Công ty.

- Báo cáo vốn góp và tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu khi thành lập công ty với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY theo Hợp đồng số 224/2024/UHY-BCKT ngày 13/03/2024 và cho ý kiến chấp thuận toàn phần.

- Báo cáo vốn góp và tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu về các đợt tăng vốn điều lệ của Công ty từ ngày 06/3/2012 đến ngày 21/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP và cho ý kiến chấp thuận toàn phần tại Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu số 68/BCTC ngày 22/01/2022.

**7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm 2023, 2024, giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025.**

Stt	Năm	Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền
1	2023	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Công ty con	Lợi nhuận được chia	40.000.000.000 đồng
				Lợi nhuận đã thu	7.800.130.511 đồng
				Góp vốn	173.000.000.000 đồng
		Công ty TNHH Blue Line	Công ty liên kết đến ngày 30/06/2023	Thoái vốn	147.000.000.000 đồng
		Công ty TNHH Depak	Công ty liên kết đến hết ngày 30/06/2023	Thoái vốn	36.000.000.000 đồng
2	2024	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Công ty con	Góp vốn	159.600.000.000 đồng
				Lợi nhuận được chia	50.000.000.000 đồng
				Lợi nhuận đã thu	90.000.000.000 đồng
3	2025	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Công ty con	Lợi nhuận được chia	25.000.000.000 đồng
				Lợi nhuận đã thu	15.000.000.000 đồng

**8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**

**8.1. Cổ phiếu phổ thông**

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất ngày 25/04/2025:



**Bảng số 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đồng	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VDL
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>850</b>	<b>105.166.968</b>	<b>99,294%</b>
	- Cá nhân	847	102.666.968	96,933%
	- Tổ chức	3	2.500.000	2,361%
	- Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>5</b>	<b>748.100</b>	<b>0,706%</b>
	- Cá nhân	5	748.100	0,706%
	- Tổ chức	0	0	0
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG (1+2+3)</b>		<b>855</b>	<b>105.915.068</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: CTCP Miza

## 8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

## 8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Căn cứ Công văn số 4755/UBCK-PTTT ngày 30/07/2024 của UBCKNN về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Miza, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 0,706% (theo Danh sách cổ đông tại ngày 25/04/2025).

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### 10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính

Với tầm nhìn xa để nhận biết “giấy thải, giấy loại đang ngày càng trở thành nguồn nguyên liệu chủ yếu trong sản xuất giấy”, cuối năm 2010, Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Miza đã đề ra định hướng chiến lược và quyết tâm phát triển theo hướng tái chế giấy thải một cách bền vững, nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Miza đang chú trọng vào ngành nghề chính là tái chế phế liệu để sản xuất ra sản phẩm giấy bao bì, bao gói cung cấp cho các nhà máy bao bì cả nước. Đây là một trong những ngành được nhà nước khuyến khích do giải quyết được vấn

đề ô nhiễm môi trường, tái chế rác thải (giấy vụn các loại) để tạo ra sản phẩm tái sử dụng cho sản xuất và tiêu dùng. Lợi ích của ngành này là không thể phủ nhận và hoàn toàn dễ nhận thấy, như giúp bảo tồn rừng tự nhiên, giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub>, giảm chất thải rắn, giảm nước thải và cải thiện chất lượng nước. Các sản phẩm được tái chế từ giấy được sử dụng rộng rãi hiện nay đó là thùng carton, giấy in tạp chí, giấy kraft, lịch ...

Với phương châm “Chất lượng tạo nên sự phát triển bền vững”, kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Miza luôn phấn đấu để trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất tái chế giấy tại Việt Nam, đi đầu về sản lượng và chất lượng, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất về cung ứng sản xuất. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng sáng tạo, cải tiến tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá cạnh tranh, từ đó tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động; đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

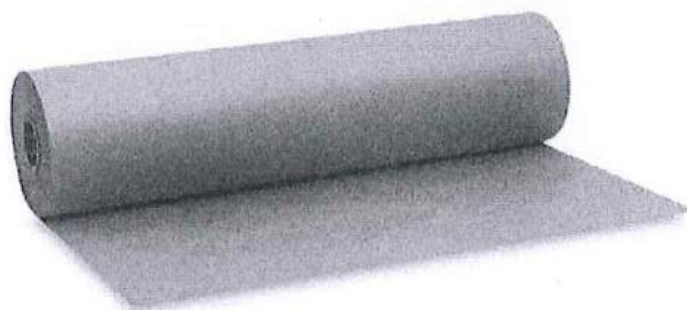
Các nhóm sản phẩm chính của Công ty hiện nay đang cung cấp bao gồm: Giấy mặt (Testliner) và Giấy sóng (Medium) chất lượng cao, Giấy Kraft, bột giấy tái chế. Các sản phẩm của Công ty đã được xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới... và được khẳng định bằng chính thương hiệu MIZA của mình trong ngành tái chế giấy và bao bì. Sự khẳng định đó được thể hiện bằng chính tên gọi MIZA và đó cũng chính là cam kết của Công ty với bạn hàng trong và ngoài nước.

**a. Giấy mặt (Giấy Testliner)**

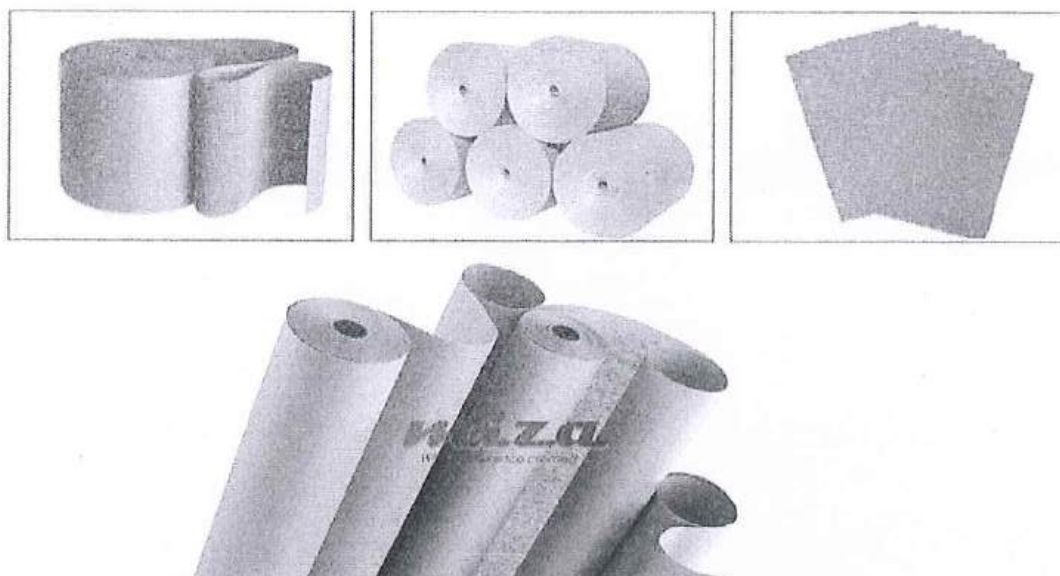
Là một trong những sản phẩm chủ lực của Công ty, Giấy mặt, hay còn gọi giấy Testliner, là loại giấy dạng cuộn, không tẩy trắng, sản xuất từ nguyên liệu giấy tái chế với nhiều ứng dụng thiết thực như: làm thùng carton, túi giấy, bao bì giấy khác,... Sản phẩm có các kích thước 2.200 mm, 3.400 mm, 4.800 mm. Nguyên phụ liệu tạo ra giấy mặt:

- Giấy phế liệu OCC nội địa và nhập khẩu;
- Phẩm màu;
- Tinh bột sắn và các hóa chất phụ gia khác.

**Hình số 3: Một số sản phẩm giấy mặt của Công ty**







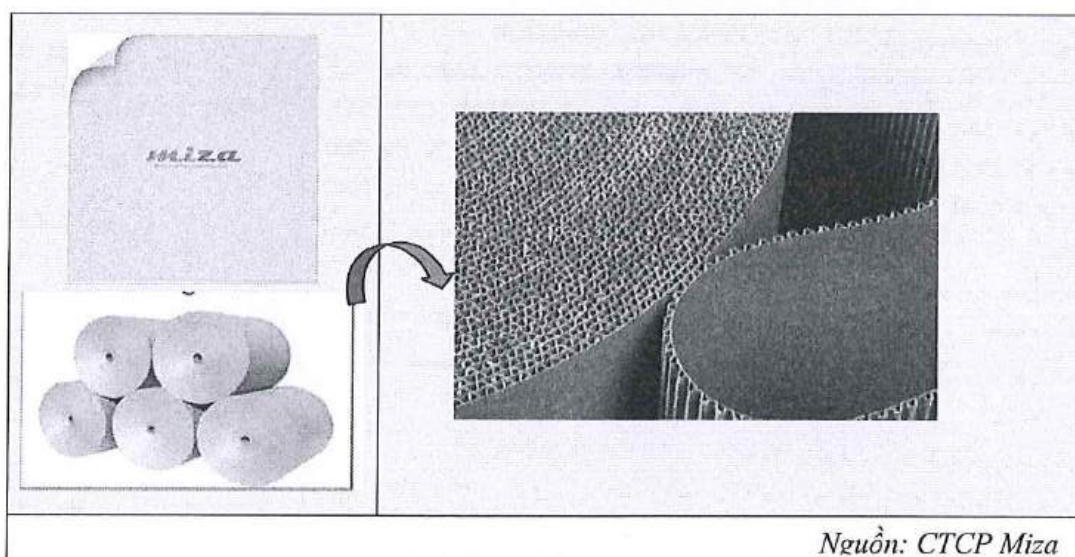
*Nguồn: CTCP Miza*

**b. Giấy sóng (Giấy Medium)**

Là giấy dạng cuộn, không tẩy trắng, sản xuất từ nguyên liệu giấy tái chế với nhiều ứng dụng như: Giấy làm thùng carton, túi giấy, bao bì giấy khác. Sản phẩm có các kích thước 2.200 mm, 3.400 mm, 4.800 mm. Nguyên phụ liệu tạo ra giấy sóng:

- Giấy phế liệu nội địa;
- Tinh bột sắn, chất trợ chống thấm.

**Hình số 4: Một số sản phẩm giấy sóng của Công ty**



*Nguồn: CTCP Miza*

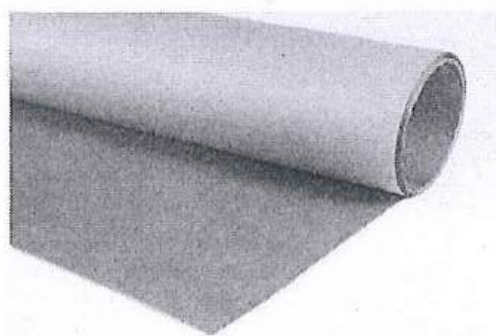
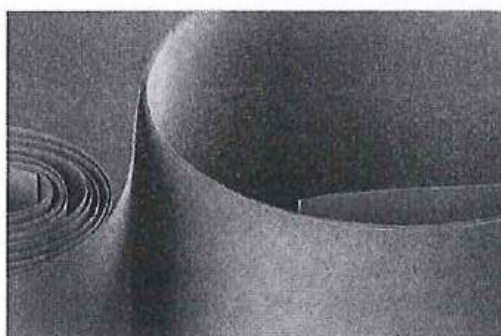
**c. Giấy Kraftliner**

Là sản phẩm chất lượng cao nhất, giấy dạng cuộn, không tẩy trắng, sản xuất từ

nguyên liệu giấy tái chế phối hợp với tỉ lệ bột giấy nguyên sinh ở lớp ngoài cùng, bột giấy nguyên chất sẽ mang lại độ mịn, độ bền và độ bóng cho giấy, phù hợp với các sản phẩm yêu cầu chất lượng/ tiêu chuẩn cao với nhiều ứng dụng như: Giấy làm thùng carton, túi giấy, bao bì giấy khác. Sản phẩm có các kích thước 2.200 mm, 3.400 mm, 4.800 mm. Nguyên phụ liệu tạo ra giấy Kraftliner:

- Giấy phế liệu nội địa;
- Bột giấy nguyên sinh;
- Tinh bột sắn, chất trợ chống thấm.

**Hình số 5: Một số sản phẩm giấy Kraftliner của Công ty**



*Nguồn: CTCP Miza*

#### **10.1.2. Công nghệ áp dụng**

Dây chuyền sản xuất các sản phẩm giấy tại các nhà máy của Công ty được nhập khẩu đồng bộ chính hãng từ những đơn vị cung cấp máy móc thiết bị ngành giấy lớn trên thế giới.

Hiện nay, sản phẩm của Công ty được sản xuất trên những dây chuyền máy móc và công nghệ hiện đại có công suất lên tới 170.000 tấn/năm.

Đặc điểm nổi bật trong dây chuyền sản xuất của Công ty đó là đã được đầu tư đồng bộ chuyên sâu cả máy móc và phần mềm để tối ưu hóa khả năng vận hành hệ thống, giúp nhà sản xuất đạt tới những yêu cầu khó khăn nhất của khách hàng. Một số máy móc và công nghệ được ứng dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm giấy của Công ty bao gồm:

- Sàng tách sợi: Phân tách xơ sợi ngắn và dài, tận dụng triệt để nguồn xơ sợi tái chế tạo ra sản phẩm giấy sạch và mịn hơn so với công nghệ truyền thống.
- Hệ thống kiểm soát phân tán: Kiểm soát và tối ưu hóa quá trình vận hành hệ thống chuẩn bị bột, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm hao phí trong quá trình sản xuất.
- Máy xeo dài 3 lưới: Hình thành tờ giấy có chất lượng và tính chất cơ lý tốt.
- Hệ thống lô sấy 24 đường kính 1.800mm: Tiết kiệm triệt để hơi tiêu hao và tạo tờ giấy có độ bóng, đàn hồi, chắc.
- Hệ thống QCS, tiết kiệm hơi: Kiểm soát chất lượng giấy và tối ưu hóa chế độ vận hành, giúp giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất.



- Hệ thống cắt cuộn: Cuộn giấy phẳng và chặt.

### **10.1.3. Nguyên vật liệu**

Nguồn vật liệu chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm giấy phế liệu và các hóa chất phụ gia đi kèm.

**Về nguồn giấy phế liệu:** Theo thông tin từ Bộ Công Thương, tại Việt Nam gần 70% sản lượng giấy được sản xuất từ nguyên liệu tái chế. Tuy nhiên, nguồn cung cấp nguyên liệu rẻ tiền này một phần không từ hoạt động thu gom phế liệu ở trong nước mà phải nhập khẩu. Công ty Cổ phần Miza là một trong rất ít đơn vị có giấy phép nhập khẩu phế liệu, trung bình mỗi tháng Công ty nhập từ 3.500 - 4.000 tấn. Nhập khẩu chủ yếu tại các nước Anh Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc, Singapore ...

Các loại giấy chính được nhập khẩu gồm giấy hộp carton cũ (OCC), giấy lẻ (rẻ giấy, lẻ giấy - phế thải trong gia công...), giấy đứt. Mặc dù chất lượng giấy đã qua sử dụng nhập khẩu từ nước ngoài nhìn chung cao hơn chất lượng giấy trong nước. Tuy nhiên Công ty không chủ quan, mục tiêu nhập khẩu giấy đã qua sử dụng đạt tiêu chuẩn đặt lên hàng đầu. Bởi nếu nhập hàng không đạt tiêu chuẩn quy định, Công ty sẽ gặp rắc rối trong việc xử lý lô hàng. Chẳng hạn, Công ty buộc phải chấp hành lệnh kiểm tra của hải quan, nhiều trường hợp còn phải lấy mẫu giám định để kiểm tra lượng tạp chất... Để tránh bị thiệt 15%-35% giá trị lô hàng nhập khẩu, Công ty Cổ phần Miza phải chọn giải pháp an toàn là nhập khẩu giấy đã qua sử dụng đạt tiêu chuẩn. Đồng thời, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, dự đoán trước tình hình biến động của nguồn nguyên liệu giấy đã qua sử dụng, đàm phán hợp đồng với các nhà cung cấp đảm bảo nguồn cung cả về số lượng, chất lượng và giá thành. Bên cạnh đó, Công ty luôn có lượng dự trữ giấy phế liệu nhất định. Cụ thể, nếu như một ngày sản xuất được 150 tấn giấy bao bì cần khoảng 170 tấn giấy đã qua sử dụng. Một tháng sử dụng trung bình hết 5.000 - 5.500 tấn giấy đã qua sử dụng. So với số lượng nhập, Công ty để kho dự trữ khoảng 1.000 - 2.000 tấn nguyên liệu giấy đã qua sử dụng. Với nguồn nguyên liệu dồi dào và các đối tác có mối quan hệ lâu dài, Miza cam kết giá nguyên liệu chính luôn được giữ trong mức ổn định trong vòng 1 năm.

**Về nguồn Hóa chất:** Việc chống thấm cho giấy, độ bục, độ nén vòng đặc biệt cho giấy bao bì, giấy in... là yêu cầu tất yếu mà các nhà sản xuất phải tuân theo. Nhưng cách thức chống thấm như thế nào, độ bục ra sao hay độ nén vòng ở mức bao nhiêu để vừa tiện lợi vừa kinh tế lại luôn là thách thức mà các nhà máy sản xuất giấy quan tâm. Các hóa chất thường được sử dụng cho mục đích là keo AKD, tinh bột sắn, hóa chất. Tùy theo từng yêu cầu của khách hàng về chất lượng giấy, Công ty sử dụng liều lượng hóa chất khác nhau để cho ra những sản phẩm theo đúng kỳ vọng khách hàng. Việc sử dụng hóa chất phải phù hợp với công nghệ và tiêu chuẩn sản xuất giấy của Công ty, nâng cao các đặc tính của giấy và đáp ứng được đa dạng nhu cầu sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau. Cũng giống như các loại hóa chất công nghiệp khác, việc tìm được đúng nhà cung cấp có nguồn hàng chất lượng và ổn định, kèm hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu là yêu cầu then chốt. Vì lợi ích cao nhất của khách hàng, Công ty Cổ phần Miza luôn tìm kiếm và hợp tác với những nhà cung cấp có uy tín trên thị trường như Thuận Phát Hưng, Bắc Kỳ, Đại Thịnh, SCG, ... và ký kết hợp đồng hợp tác lâu dài.



Tại Việt Nam, tỉ lệ giấy đã sử dụng thu hồi được so với tổng lượng giấy tiêu dùng chỉ ở mức khoảng 60%, ở mức thấp so với các nước trong khu vực và chưa có quy định về việc thu gom giấy đã qua sử dụng. Vì vậy, để tận dụng nguồn nguyên liệu nội địa cũng như giảm áp lực rác thải giấy đến môi trường thì bên cạnh nguồn giấy phế liệu nhập khẩu, Công ty vẫn bổ sung nhập nguyên liệu trong nước nhưng đặt tiêu chuẩn khắt khe, đảm bảo sản phẩm đầu ra giữ vững được uy tín của Công ty. Với vị trí địa lý cách trung tâm thủ đô Hà Nội 20 km về phía Bắc, gần sân bay Nội Bài, xung quanh là các khu công nghiệp: Thăng Long, Quang Minh, Nội Bài, Đông Anh nên giao thông vô cùng thuận lợi. Từ Công ty, các tuyến đường kết nối tới các tỉnh bao gồm: Quốc lộ Cao tốc 18 qua Nội Bài đi Bắc Ninh, Quảng Ninh, Quốc lộ 2 đi Phú Thọ; Quốc lộ 3 đi Thái Nguyên, Cao Bằng,... Quốc lộ 5 đi Hải Phòng (chỉ mất 1 giờ 30 phút đến cảng Hải Phòng) dễ dàng trong việc vận chuyển và thu mua nguồn nguyên liệu các tỉnh phía Bắc. Mỗi tháng, Công ty nhập trung bình 2.500 tấn đến 3.000 tấn từ nguồn nguyên liệu trong nước và nhập chủ yếu ở các tỉnh như: Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An,...

**Bảng số 4: Danh mục một số nguyên vật liệu chính trong sản xuất**

STT	Nguyên vật liệu chính	Đặc tính	Khối lượng bình quân/năm
1	Giấy vụn	Bột giấy để hình thành giấy thành phẩm	52.000 tấn
2	Tinh bột sắn	Làm chất phủ gia keo lên bề mặt giấy	1.500 tấn
3	AKD	Gia keo chống thấm	300 tấn
4	Chống thấm	Gia keo chống thấm	80 tấn

(Nguồn: CTCP Miza)

**Bảng số 5: Danh mục các nguyên vật liệu phụ trong sản xuất**

STT	Nguyên vật liệu phụ	Khối lượng bình quân/năm (Đơn vị: Tấn)
1	Phèn đơn	90 Tấn
2	Chất cắt mạch	2,8 Tấn
3	Chất giặt chần, lưới	0,67 Tấn
4	Chất diệt khuẩn	1 Tấn
5	Phẩm màu vàng	60 Tấn
6	Phẩm đỏ	10 Tấn
7	Lõi giấy	190 Tấn

(Nguồn: CTCP Miza)



**Bảng số 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên nhà cung cấp	Quốc gia	Sản phẩm cung cấp
1	AHRIM CORPORATION	Hàn Quốc	Giấy phế liệu
2	Sino Paper Limited	Mỹ	Giấy phế liệu
3	Paper Link International Limited	Anh	Giấy phế liệu
4	JC Horizon Ltd	Mỹ	Giấy phế liệu
5	Tay Payper Recycling	Singapore	Giấy phế liệu
6	Công ty TNHH Thuận Phát Hưng	Việt Nam	Hóa chất giấy
7	Công ty Cổ phần Bao Bì Hoàng Hải Việt Nam	Việt Nam	Giấy phế liệu
8	Xí Nghiệp Lam Kinh - Chi nhánh tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng	Việt Nam	Tinh Bột Sắn
9	Công ty TNHH SCG International Corporation Vietnam	Việt Nam	Tinh Bột Sắn
10	CTCP Kinh doanh thương mại Thành Long	Việt Nam	Giấy phế liệu

*(Nguồn: CTCP Miza)*

#### **10.1.4. Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng luôn là một trong những tiêu chí hàng đầu của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, đặt trọng tâm vào con người và đầu tư máy móc trang thiết bị kiểm tra tiêu chuẩn với độ chính xác tuyệt đối. Công ty là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực sản xuất tái chế giấy miền Bắc, hiện tại Công ty đang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và Chương trình "Sản xuất sạch hơn", Chương trình "5S" của Nhật Bản với các tiêu chí "Sàng lọc, Sắp xếp, Săn sóc, Sạch sẽ, Sẵn sàng. Riêng hệ thống tiêu chuẩn ISO đã được Miza áp dụng từ nhiều năm. Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm đến hiệu quả quản lý và chính sách chất lượng: Hệ thống quản lý của Công ty luôn được cải tiến để phù hợp với yêu cầu phát triển và được các tổ chức chứng nhận uy tín quốc tế như FSC (Forest Stewardship Council)- trụ sở chính tại Đức, BVQI (Bureau Veritas Quality International) trụ sở chính tại Pháp và QUACERT (Vietnam Certificate Centre) tại Việt Nam đánh giá giám sát công nhận phù hợp các Tiêu chuẩn quốc tế như FSC; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015. Vì vậy, các sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao và được ưu tiên từ các bạn hàng trong và ngoài nước, có thể thâm nhập được vào cả những thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ, châu Âu....

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 chứng nhận vận hành hệ thống quản lý ở phạm vi sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu tái chế. ISO 9001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng do Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) ban hành. Việc áp dụng ISO 9001 đã giúp cho Công ty tạo được cách làm việc khoa học, sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt. Công ty có hệ thống kiểm soát



chất lượng bài bản, chặt chẽ, có Trung tâm QCS/QC với các trang thiết bị kiểm tra, đo lường hiện đại phục vụ kiểm soát chất lượng và nghiên cứu khoa học, do đó góp phần hạ thấp chi phí gián tiếp sản phẩm và chi phí kinh doanh. Chi tiết các hệ thống trong Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty gồm:

**a. Hệ thống điều khiển DCS - Kiểm tra chất lượng QCS:**

- Công ty đầu tư hệ thống kiểm soát phân tán DCS, kiểm soát chất lượng sản phẩm QCS cung cấp bởi Công ty GAODA (Trung Quốc) dựa trên công nghệ bản quyền của hãng SIEMENS.
- Mục đích: Kiểm tra định lượng, độ ẩm liên tục trên chuyền kiểm soát sự ổn định chất lượng theo yêu cầu khách hàng.
- Thông số kỹ thuật:
  - Dải khổ đo: 4.800m,
  - Định lượng đo: 90-185g/cm.
  - Độ ẩm: 5-12%,
  - Sử dụng hệ điều hành của PCS7 V9.0 của Siemens. (Thiết bị được nhập khẩu từ Công ty TNHH KH & KT Gaoda Từ Xuyên (Sichuan Gaoda Science & Technology Co., Ltd) là một công ty hoạt động dưới sự kiểm soát của quân đội, được thành lập bởi Viện Vật lý Công trình Trung Quốc, với 20 năm kinh nghiệm trong nghiên cứu và phát triển các giải pháp về tự động hóa).
- Ưu điểm của hệ thống DCS và QCS là đảm bảo tăng khả năng kiểm soát chất lượng (Sai số định lượng 2%, Sai số độ ẩm 1%, Tối đa hóa tính chất cơ lý của tờ giấy, Giảm đứt giấy và mối nối); Tăng công suất cho dây: Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa chế độ vận hành; Giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất, giúp quá trình sản xuất thân thiện hơn với môi trường.

**b. Hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm:**

Song song kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm: Kiểm soát chất lượng (Sai số định lượng 2%, Sai số độ ẩm 1%), tối đa hóa lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm và hỗ trợ đắc lực cho hệ thống DCS, QCS. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm: Kiểm soát chất lượng (sai số định lượng 2%, sai số độ ẩm 1%), tối đa hóa lượng sản phẩm.

- Kiểm tra độ chịu bụi:
  - Mục đích: Đo một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.
  - Phương pháp kiểm tra: Máy có tính năng hoàn toàn tự động (kiểm tra độ bụi chỉ bằng các thao tác bấm phím trên màn hình). Máy bắn bụi PNShar có thêm chức năng in nhiệt, in kết quả sau khi đo. Thích hợp kiểm tra độ bụi nhà máy sản xuất giấy.
  - Thông số kỹ thuật:



- Thang đo: 70 - 1.400 kPa;
- Tốc độ nén:  $95 \pm 5$  ml/phút;
- Độ chính xác:  $\geq 99,5$ ;
- Kích thước màng: Cao 0,8-0,9 mm;
- Kích thước kẹp: Trên:  $31,5 \pm 0,05$  mm,
- Dưới:  $31,5 \pm 0,05$  mm
- Bộ chuyển đổi thủy lực: = 690 kpa;
- Màn hình cảm ứng LCD lớn, dễ dàng thao tác;
- Phần cứng và phần mềm tích hợp các chứng năng kết nối PC, truyền thông dữ liệu mở rộng.
- Chuẩn quốc tế ISO 2758.
- Kiểm tra độ chống thấm Cobb:
  - Mục đích: Để đo độ hấp thụ nước của giấy, một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.
  - Thông số kỹ thuật:
    - Diện tích đo:  $100 \pm 0,2 \text{ cm}^2$ ;
    - Dung tích đo:  $100 \pm 5$  ml;
    - Chiều dài con lăn:  $200 \pm 0,5$  mm;
    - Khối lượng con lăn:  $10 \text{ kg} \pm 0,5 \text{ kg}$ ;
    - Kích thước:  $396 \times 315 \times 300$  mm;
    - Trọng lượng: khoảng 32kg.
  - Chuẩn quốc tế ISO535, GB/T1668, GB/T 1540, TAPPI 441.
- Kiểm tra độ nén vòng:
  - Mục đích: Dùng để kiểm tra độ nén vòng (RCT), nén cạnh (ECT), nén phẳng (FCT), tách lớp (PAT), nếp uốn / nếp sóng (CMT). Một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.
  - Thông số kỹ thuật:
    - Khoảng đo: 0~3000N;
    - Tốc độ nén: 12,5mm/min (0-40mm/min có thể được điều chỉnh), trở về vận tốc: 0~ 40,0 mm/phút (có thể được thiết lập ngẫu nhiên);
    - Màn hình lớn: giúp dễ thao tác hơn, ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và LCD, cảm ứng;
    - Máy in: in nhiệt, tốc độ cao và không có tiếng ồn;

- Kết quả kiểm tra có thể được đo lường, thống kê và in tự động và dữ liệu có thể được lưu lại;
- Màn hình hiển thị LCD màu xanh, có thể được hiển thị thời gian và tài thực, CT300F có thể hiển thị đồ thị, nhiều tính năng truyền thông dữ liệu có thể mở rộng (như phần mềm kết nối PC, kết nối wifi...).
- Thiết bị sử dụng: Máy kiểm tra độ chịu lực.
- Chuẩn quốc tế ISO 3035. ISO 3037. ISO 7263. GB/T 2679,8, GB/T 6546-1998, GB/T 6548, GB/T 2679.

### **10.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm giấy phục vụ trong lĩnh vực tái chế và sản xuất giấy, bao bì,... Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không mang tính thời vụ mà diễn ra liên tục trong năm

Năm 2024, Công ty Cổ phần Miza đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bồi 6 lớp, khổ 1.400 mm, công suất 6.000 tấn/năm, tạo ra tấm bồi định lượng 1.000–2.000 g/m<sup>2</sup> phục vụ các lĩnh vực như may mặc (lót cổ áo), balo (tấm lót đơn hàng Drona cho IKEA) và da giày (lót gót giày); đây là loại giấy được ghép từ nhiều lớp để tăng độ dày, độ cứng và độ bền, nhờ đó được ứng dụng rộng rãi trong các ngành bao bì, in ấn, quà tặng, thủ công, nội thất và giáo dục.

### **10.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ**

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn từ năm 2023 đến 6 tháng đầu năm 2025

**Bảng số 7: Sản lượng sản xuất hợp nhất của Công ty**

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
1	Giấy Medium	Tấn	77.258	66.735	36.982
2	Giấy Testliner	Tấn	110.295	123.288	58.548
3	Giấy Kraftliner	Tấn	7.739	18.423	12.557
4	Bột giấy tái chế	Tấn	16.390	8.932	1.696
<b>Tổng cộng</b>			<b>211.682</b>	<b>217.378</b>	<b>109.783</b>

*Nguồn: CTCP Miza*

Cơ cấu sản phẩm chính của Công ty bao gồm giấy Testliner, Medium, Kraftliner và bột giấy tái chế. Trong các năm gần đây, sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty có xu hướng tăng ổn định, đặc biệt đối với nhóm sản phẩm giấy Testliner và Kraftliner - là hai dòng sản phẩm có biên lợi nhuận tốt hơn và nhu cầu tiêu thụ tăng tại thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

Năm 2023, tổng sản lượng sản xuất hợp nhất đạt trên 211.682 tấn, trong đó sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn là giấy Testliner (110.295 tấn, chiếm khoảng 52,1%) và giấy Medium (77.258 tấn, chiếm khoảng 36,5%). Bên cạnh đó, Công ty cũng sản xuất gần 7.739 tấn giấy



Kraftliner - dòng sản phẩm có yêu cầu cao hơn về chất lượng, và 16.390 tấn bột giấy tái chế.

Bước sang năm 2024, tổng sản lượng sản xuất đạt 217.378 tấn, trong đó sản lượng giấy Testliner tiếp tục tăng lên 123.288 tấn, cho thấy định hướng tập trung sản xuất vào dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, sản lượng giấy Kraftliner tăng đáng kể lên 18.423 tấn. Ngược lại, sản lượng giấy Medium giảm nhẹ do Công ty tối ưu lại cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường và biên lợi nhuận.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, tổng sản lượng sản xuất ghi nhận đạt 109.783 tấn, trong đó giấy Testliner và Medium tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất. Diễn biến này cho thấy xu hướng ổn định của hoạt động sản xuất đầu năm và khả năng duy trì sản lượng ở mức cao so với cùng kỳ.

Công ty đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao sản lượng giấy tái chế chất lượng cao, tăng tỷ trọng giấy xuất khẩu và từng bước giảm dần sản xuất bột giấy nội bộ để tối ưu chi phí nguyên liệu. Cơ cấu sản phẩm hiện tại phù hợp với định hướng tiêu thụ tại thị trường nội địa và nhu cầu quốc tế về bao bì thân thiện môi trường, nhờ đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị sản xuất trong các kỳ tới.

**Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu bán thành phẩm	1.809.258	56,46%	1.917.490	43,14%	1.006.496	43,50%	5,98%
Doanh thu bán hàng hóa	1.396.271	43,57%	2.530.187	56,92%	1.306.153	56,44%	81,21%
Doanh thu cho thuê tài sản	-	-	-	-	1.850	0,08%	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.110)	(0,03)%	(2.810)	(0,06)%	(427)	(0,02)%	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.204.419</b>	<b>100%</b>	<b>4.444.867</b>	<b>100%</b>	<b>2.314.072</b>	<b>100%</b>	<b>38,71%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty trong năm 2024 đạt 4.444.867 triệu đồng, tăng 38,71% so với năm 2023. Mức tăng mạnh này chủ yếu đến từ sự gia tăng đáng kể trong doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa, từ 1.396.271 triệu đồng (năm 2023) lên 2.530.187 triệu đồng (năm 2024), tương ứng mức tăng 81,2%. Tỷ trọng doanh thu từ bán



hàng hóa trong tổng doanh thu thuần cũng tăng từ 43,57% lên 56,92%, vượt qua doanh thu từ bán thành phẩm để trở thành cơ cấu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong năm.

Trong khi đó, doanh thu từ bán thành phẩm tăng nhẹ 5,98%, từ 1.809.258 triệu đồng lên 1.917.490 triệu đồng, nhưng tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu lại giảm từ 56,46% xuống còn 43,14%, phản ánh chiến lược cơ cấu lại hoạt động thương mại, mở rộng thêm các hoạt động thương mại hàng hóa giấy và nguyên vật liệu phục vụ thị trường trong nước và quốc tế, trong khi năng lực sản xuất thành phẩm tăng trưởng ổn định.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 2.314.072 triệu đồng. Trong đó, doanh thu từ bán hàng hóa tiếp tục chiếm tỷ trọng cao, với 1.306.153 triệu đồng, tương đương 56,44% tổng doanh thu thuần; trong khi đó, doanh thu từ bán thành phẩm đạt 1.006.496 triệu đồng, chiếm 43,50%. 6 tháng đầu năm 2025 Công ty cũng phát sinh doanh thu đến từ cho thuê tài sản với giá trị 1.850 triệu đồng chiếm 0,08%. Các khoản giảm trừ doanh thu không đáng kể và không có ảnh hưởng trọng yếu đến tổng thể cơ cấu doanh thu.

Cơ cấu doanh thu tiếp tục phản ánh mức độ linh hoạt trong chiến lược phân bổ giữa mảng sản xuất và thương mại của Công ty. Kết quả 6 tháng đầu năm 2025 cho thấy xu hướng gia tăng vai trò của hoạt động thương mại, phù hợp với giai đoạn luân chuyển hàng hóa nhanh và tận dụng thời điểm thuận lợi của thị trường nguyên vật liệu tái chế. Việc duy trì cơ cấu doanh thu cân đối giúp Công ty tối ưu biên lợi nhuận và thích ứng linh hoạt với biến động cung cầu ngắn hạn trên thị trường.

**Bảng số 9: Lợi nhuận gộp (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Lợi nhuận gộp	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	259.304	79,39%	259.506	76,90%	148.130	79,65%	0,08%
Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	67.307	20,61%	77.958	23,10%	37.240	20,02%	15,82%
Lợi nhuận gộp từ cho thuê tài sản	-	-	-	-	607	0,33	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>326.611</b>	<b>100,00%</b>	<b>337.464</b>	<b>100,00%</b>	<b>185.977</b>	<b>100,0%</b>	<b>3,32%</b>

*Nguồn: CTCP Miza*

Tổng lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty trong năm 2024 đạt 337.464 triệu đồng, tăng 3,32% so với năm 2023 (326.611 triệu đồng). Mức tăng nhẹ này chủ yếu đến từ hiệu quả của hoạt động bán hàng hóa, với lợi nhuận gộp tăng từ 67.307 triệu đồng lên 77.958



triệu đồng (tăng 15,82%), trong khi lợi nhuận gộp từ hoạt động bán thành phẩm gần như đi ngang, chỉ tăng 0,08%.

Xét theo cơ cấu, trong năm 2024, lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng chính (76,90%), mặc dù đã giảm nhẹ so với năm 2023 (79,39%), cho thấy hoạt động sản xuất tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong đóng góp vào lợi nhuận. Đồng thời, tỷ trọng lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa tăng từ 20,61% lên 23,10%, phản ánh hiệu quả cải thiện biên lợi nhuận trong hoạt động thương mại - mảng mà Công ty đã mở rộng quy mô đáng kể trong năm.

Đáng chú ý, trong 6 tháng đầu năm 2025, tổng lợi nhuận gộp ghi nhận đạt 185.977 triệu đồng, lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng chính (79,65%), tăng nhẹ so với năm 2024 (76,90%), cho thấy hoạt động sản xuất tiếp tục giữ vững vai trò chủ lực trong đóng góp vào lợi nhuận. Trong khi đó, tỷ trọng lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa đạt 20,02%, Công ty cũng có lợi nhuận gộp từ mảng cho thuê tài sản với giá trị 607 triệu đồng chiếm 0,33%. Điều này phản ánh chiến lược xuyên suốt của Công ty, khi ưu tiên hoạt động sản xuất trong điều kiện thị trường đầu ra giấy thành phẩm còn có tính biến động, đồng thời tận dụng được biên chênh thương mại thuận lợi tại một số thời điểm.

Về tổng thể, trong giai đoạn từ năm 2023 đến 6 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận gộp của Công ty giữ xu hướng tăng ổn định cả về giá trị tuyệt đối và hiệu quả cơ cấu, cho thấy năng lực duy trì biên lợi nhuận hợp lý trong bối cảnh chi phí đầu vào (đặc biệt là nguyên liệu giấy thu hồi) biến động mạnh và chi phí vận hành tăng cao.

**Bảng số 10: Cơ cấu Tổng doanh thu Công ty qua các năm (Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	3.204.419	99,15%	4.444.867	99,51%	2.314.072	99,40%	38,71%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	22.677	0,70%	19.450	0,44%	12.809	0,55%	-14,23%
3	Thu nhập khác	4.735	0,15%	2.307	0,05%	1.101	0,05%	-51,28%
	<b>Tổng</b>	<b>3.231.831</b>	<b>100%</b>	<b>4.466.624</b>	<b>100%</b>	<b>2.327.982</b>	<b>100,00%</b>	<b>38,21%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Trong năm 2024, tổng doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 4.466.624 triệu đồng, tăng 38,21% so với năm 2023 (3.231.831 triệu đồng). Tăng trưởng này chủ yếu đến từ sự gia



tăng đáng kể trong doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, phản ánh hiệu quả trong việc mở rộng quy mô sản xuất và hoạt động thương mại.

Với đặc thù doanh nghiệp sản xuất - thương mại có quy mô lớn, trong đó hoạt động bán thành phẩm và hàng hóa giấy chiếm ưu thế, doanh thu thuần tiếp tục là nguồn đóng góp chính trong cơ cấu tổng doanh thu, chiếm tỷ trọng 99,51% trong năm 2024 và 99,40% trong 6 tháng đầu năm 2025.

Doanh thu hoạt động tài chính (từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và đầu tư) có xu hướng giảm nhẹ về giá trị tuyệt đối từ 22.677 triệu đồng (năm 2023) xuống 19.450 triệu đồng (năm 2024), tương ứng mức giảm 14,23%, và đạt 12.809 triệu đồng trong 6 tháng đầu năm 2025. Tỷ trọng doanh thu tài chính trong cơ cấu tổng doanh thu duy trì dưới 1%, cho thấy Công ty không phụ thuộc vào thu nhập tài chính mà tập trung vào hoạt động cốt lõi.

Thu nhập khác có xu hướng giảm, từ 4.735 triệu đồng (năm 2023) xuống 2.307 triệu đồng (năm 2024), chủ yếu là các khoản thu nhập bất thường từ thanh lý tài sản... Mức giảm này là bình thường do tính chất không ổn định và không mang tính lặp lại của các khoản mục này; đến cuối Quý II năm 2025, thu nhập khác ghi nhận 1.101 triệu đồng.

Tổng thể, cơ cấu doanh thu của Công ty ổn định theo hướng tập trung vào hoạt động sản xuất - thương mại chính, với tỷ trọng doanh thu thuần luôn duy trì ở mức trên 99%. Việc giữ tỷ trọng doanh thu tài chính và thu nhập khác ở mức thấp là tín hiệu tích cực, phản ánh chất lượng doanh thu đến từ hoạt động cốt lõi và bền vững.

**Bảng số 11: Cơ cấu Tổng doanh thu Công ty qua các năm (Công ty mẹ)**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025		% Tăng / (giảm) 2024-2023
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	974.471	95,84%	1.310.455	96,11%	688.696	96,18%	34,48%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	42.270	4,16%	52.944	3,88%	27.240	3,81%	25,25%
3	Thu nhập khác	74	0,01%	29	0,00%	102	0,01%	(60,81)%
	<b>Tổng</b>	<b>1.016.815</b>	<b>100,0%</b>	<b>1.363.428</b>	<b>100,0%</b>	<b>716.038</b>	<b>100,0%</b>	<b>34,09%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025

Tổng doanh thu riêng năm 2024 của Công ty đạt 1.363.428 triệu đồng, tăng 34,09% so với năm 2023.



Trong cơ cấu Tổng Doanh thu, Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD chính chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng trưởng ổn định qua các năm. Doanh thu hoạt động tài chính, chủ yếu là thu nhập tài chính từ tối ưu hóa dòng tiền, cũng đóng góp tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu, tỷ trọng của hoạt động này chiếm lần lượt 4,16%, 3,88%, và 3,81% trong năm 2023, 2024, và 6 tháng đầu năm 2025.

#### 10.4. Tài sản cố định

**Bảng số 12: Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>1.602.186</b>	<b>1.264.558</b>	<b>1.618.750</b>	<b>1.191.946</b>	<b>1.623.757</b>	<b>1.152.133</b>
1	Nhà cửa, vật tư kiến trúc	613.509	552.008	623.226	544.920	623.226	536.380
2	Máy móc thiết bị	952.474	698.964	959.051	635.960	964.058	606.462
3	Phương tiện vận tải	30.225	10.915	29.275	7.961	29.275	6.662
4	Thiết bị văn phòng	2.126	901	2.348	728	2.348	526
5	TSCĐ khác	3.852	1.770	4.850	2.377	4.850	2.103
<b>II</b>	<b>TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>378.157</b>	<b>326.003</b>	<b>493.337</b>	<b>410.708</b>	<b>519.302</b>	<b>419.149</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.980.343</b>	<b>1.590.561</b>	<b>2.112.087</b>	<b>1.602.654</b>	<b>2.143.059</b>	<b>1.571.282</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Tại ngày 31/12/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định hợp nhất của Công ty đạt 2.112.087 triệu đồng, tăng so với mức 1.980.343 triệu đồng tại cuối năm 2023. Trong đó, tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng lớn nhất với nguyên giá 1.618.750 triệu đồng, chủ yếu gồm máy móc thiết bị và nhà xưởng, vật kiến trúc - là các hạng mục phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất tại các nhà máy.

Công ty tăng cường đầu tư máy móc thông qua hình thức thuê tài chính để tối ưu dòng tiền với tài sản cố định thuê tài chính tăng đáng kể từ 378.157 triệu đồng (năm 2023) lên 493.337 triệu đồng (năm 2024).

Tại ngày 30/06/2025, tổng nguyên giá tài sản cố định tiếp tục tăng nhẹ lên 2.143.059 triệu đồng, trong khi giá trị còn lại giảm xuống 1.571.282 triệu đồng theo chính sách khấu hao. Công ty không ghi nhận biến động lớn về danh mục đầu tư mới trong 6 tháng đầu năm 2025, tập trung khai thác hiệu quả tài sản hiện hữu.

Dưới đây là danh sách tài sản cố định lớn của CTCP Miza:

**Bảng số 13: Danh sách tài sản cố định lớn của toàn Công ty**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên tài sản	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Hệ thống thiết bị máy xeo	97.340	54.078	97.340	47.589	97.340	44.345
2	Xây dựng nhà xưởng	45.108	33.981	45.108	32.177	45.108	31.275
3	Dây chuyền sản xuất giấy Kraft	31.617	6.437	31.617	4.330	31.617	3.277
4	Hệ thống DCS, QCS	18.180	10.100	18.180	8.888	18.180	8.282
5	Hệ thống điện động lực	15.958	8.779	15.958	7.775	15.958	7.273
6	Hệ thống xử lý nước thải (Phân xưởng sản xuất 2)	13.811	8.133	13.811	7.212	13.811	6.752
7	Hệ thống bơm chân không Turbin	13.732	9.832	13.732	8.719	13.732	8.163
8	Lò Hơi	8.249	4.870	8.249	4.308	8.249	4.027
9	Hệ thống xử lý nước thải (Phân xưởng sản xuất 1)	5.418	1.505	5.418	1.144	5.418	964
10	Hệ thống máy ép	5.144	2.229	5.144	1.200	5.144	686
11	Máy móc thiết bị xeo giấy	4.264	2.663	4.264	2.343	4.264	2.183
12	Thiết bị phụ trợ	4.201	2.404	4.201	2.124	4.201	1.984
13	Lô máy thiết bị xeo giấy 1	3.969	2.431	3.969	2.134	3.969	1.986
14	Thủy lực chữ D 25m <sup>3</sup>	2.250	1.511	2.250	1.287	2.250	1.175
15	Máy nghiền thủy lực dạng chữ D, dùng để nghiền bột giấy	1.768	1.158	1.768	1.040	1.768	981



STT	Tên tài sản	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	loại 5m <sup>3</sup>						
<b>Tổng cộng</b>		<b>271.009</b>	<b>150.111</b>	<b>271.009</b>	<b>132.270</b>	<b>271.009</b>	<b>123.353</b>

Nguồn: CTCP Miza

#### 10.5. Thị trường hoạt động

Hiện nay, Công ty chủ yếu phân phối các sản phẩm tại thị trường trong nước với tỷ trọng doanh thu từ hoạt động phân phối nội địa theo báo cáo tài chính riêng đạt 99,70% trong 6 tháng đầu năm 2025, 95,78% trong năm 2024 và 95,92% trong năm 2023. Thị trường phân phối nội địa của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam. Trong đó tập trung chủ yếu tại thị trường miền Bắc, với tỷ trọng luôn duy trì ở mức trên 90% tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ trong giai đoạn 2023 đến 6 tháng đầu năm 2025. Bên cạnh hoạt động phân phối nội địa thì Công ty còn thực hiện xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và bán hàng vào khu chế xuất với tỷ trọng doanh thu từ hoạt động này trong năm 2023 chiếm khoảng 4,08% tại BCTC riêng của Công ty và 14,45% sau hợp nhất. Trong năm 2024, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động này tại BCTC riêng của Công ty và sau hợp nhất lần lượt là 4,22% và 9,26%.

**Bảng số 14: Cơ cấu doanh thu thuần của từng thị trường**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Thị trường	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
<b>I</b>	<b>BCTC riêng</b>	<b>974.471</b>	<b>100%</b>	<b>1.310.455</b>	<b>100%</b>	<b>688.696</b>	<b>100%</b>
1	Trong nước	934.704	95,92%	1.255.090	95,78%	686.605	99,70%
-	Miền Bắc	899.145	92,27%	1.252.683	95,59%	665.563	96,64%
-	Miền Trung	34.378	3,53%	2.401	0,18%	21.042	3,06%
-	Miền Nam	1.181	0,12%	6	0,00%	-	0,00%
2	Xuất khẩu	39.767	4,08%	55.365	4,22%	2.091	0,30%
<b>II</b>	<b>BCTC hợp nhất</b>	<b>3.204.419</b>	<b>100%</b>	<b>4.444.867</b>	<b>100%</b>	<b>2.314.072</b>	<b>100%</b>
1	Trong nước	2.741.525	85,55%	4.033.243	90,74%	2.193.967	94,81%
-	Miền Bắc	2.293.569	71,58%	2.936.810	66,07%	1.617.236	69,89%
-	Miền Trung	442.420	13,81%	1.088.077	24,48%	561.185	24,25%
-	Miền Nam	5.536	0,17%	8.356	0,19%	15.546	0,67%
2	Xuất khẩu	462.894	14,45%	411.624	9,26%	120.105	5,19%

Nguồn: CTCP Miza

Doanh thu thuần của Công ty chủ yếu đến từ thị trường trong nước, đặc biệt là khu vực miền Bắc - nơi đặt nhà máy và thị trường tiêu thụ chính của Công ty. Năm 2024,



doanh thu trong nước theo báo cáo hợp nhất đạt 4.033.243 triệu đồng, chiếm 90,74% tổng doanh thu thuần, tăng đáng kể so với năm 2023 (2.741.525 triệu đồng, chiếm 85,55%).

Thị trường xuất khẩu đóng góp 9,26% doanh thu trong năm 2024 (tương đương 411.624 triệu đồng), giảm nhẹ so với tỷ trọng năm 2023 (14,45%). Trong 6 tháng đầu năm 2025, tỷ trọng doanh thu xuất khẩu tiếp tục giảm còn 5,19%, cho thấy Công ty đang tập trung vào thị trường nội địa để đảm bảo tăng trưởng ổn định, đồng thời linh hoạt điều chỉnh sản lượng theo điều kiện thị trường quốc tế.

Trên báo cáo tài chính riêng, toàn bộ doanh thu nội địa của Công ty mẹ đều ghi nhận tại khu vực miền Bắc, trong khi các thị trường miền Trung và miền Nam chủ yếu được phân phối thông qua các đơn vị thương mại nội địa.

**Bảng số 15: Cơ cấu lợi nhuận gộp của từng thị trường**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

1	Thị trường	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
<b>I</b>	<b>BCTC riêng của Công ty</b>	<b>61.579</b>	<b>6,32%</b>	<b>69.857</b>	<b>5,33%</b>	<b>35.957</b>	<b>5,22%</b>
1	Trong nước	60.598	6,22%	61.364	4,68%	35.479	5,15%
-	Miền Bắc	56.185	5,77%	61.297	4,68%	33.348	4,84%
-	Miền Trung	4.413	0,45%	67	0,01%	2.131	0,31%
-	Miền Nam	-	-	0	0,00%	-	0,00%
2	Xuất khẩu	981	0,10%	8.493	0,65%	478	0,07%
<b>II</b>	<b>BCTC hợp nhất</b>	<b>326.611</b>	<b>10,19%</b>	<b>337.464</b>	<b>7,59%</b>	<b>185.977</b>	<b>8,04%</b>
1	Trong nước	268.618	8,38%	282.449	6,35%	173.892	7,51%
-	Miền Bắc	223.664	6,98%	232.452	5,23%	120.472	5,21%
-	Miền Trung	44.426	1,39%	48.821	1,10%	51.985	2,25%
-	Miền Nam	528	0,02%	1.176	0,03%	1.435	0,06%
2	Xuất khẩu	57.993	1,81%	55.015	1,24%	12.085	0,52%

*Nguồn: CTCP Miza*

Tương tự như doanh thu, lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trong nước của Công ty chiếm tỷ trọng chủ yếu trên doanh thu thuần, với mức tỷ trọng khoảng 6,22% trong năm 2023 tại BCTC riêng của Công ty và 8,38% sau hợp nhất. Bước sang năm 2024, cùng với sự gia tăng mạnh mẽ của doanh thu thuần sau hợp nhất, tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần 4,68%, sau hợp nhất đạt tới 6,35%. Lợi nhuận gộp đến từ hoạt động kinh doanh tại thị trường miền Bắc luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trên doanh thu thuần, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh tại các thị trường miền Trung và miền Nam không đáng kể.

Đối với hoạt động xuất khẩu và bán trong khu chế xuất, tỷ trọng từ hoạt động này trên doanh thu thuần trong năm 2023 tại BCTC riêng của Công ty và sau hợp nhất lần lượt



là 0,10% và 1,81%. Trong năm 2024, tỷ trọng trên doanh thu thuần từ hoạt động này có sự giảm nhẹ, còn 0,65% tại BCTC riêng của Công ty và 1,24% sau hợp nhất.

Công ty hoạt động chủ yếu tại thị trường Việt Nam với doanh thu nội địa chiếm hơn 88% tổng cơ cấu doanh thu hợp nhất trong giai đoạn từ 2023 - 2024. Hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng không cao, chủ yếu tại thị trường Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, nhưng được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng lớn trong tương lai.

**10.6. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính**

**10.6.1. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư**

Đầu tư dự án “Nhà máy Miza Nghi Sơn PM3” tăng thêm công suất 150.000 tấn/năm, nâng tổng công suất Miza lên 200.000 tấn/năm

+ Khởi công ngày 28/06/2019

+ Hoàn thành dự án đi vào sản xuất ngày 28/04/2021

Tên chi phí	Dự toán đầu tư	Thực tế thực hiện
<b>Tổng dự toán đầu tư</b>	829.430 triệu đồng	1.408.920 triệu đồng
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuê đất	22.000 triệu đồng	11.010 triệu đồng
Chi phí xây dựng	165.000 triệu đồng	355.794 triệu đồng
Chi phí thiết bị	566.500 triệu đồng	976.850 triệu đồng
Lãi vay trong thời gian trong thời gian xây dựng	40.180 triệu đồng	40.122 triệu đồng
Chi phí khác & dự phòng	35.750 triệu đồng	25.144 triệu đồng

Hiệu quả đầu tư của dự án: Dự án đi vào hoạt động ngay sau khi hoàn thành khởi công và góp phần nâng tổng công suất thực tế từ 50.000 tấn/năm lên đến 200.000 tấn/năm.

**10.6.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính**

**Bảng số 16: Hiệu quả sản xuất kinh doanh hợp nhất**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)
1	Doanh thu bán hàng thành phẩm	1.808.248	56,43%	1.914.180	43,06%	1.006.069	43,48%
-	Giấy Medium	617.797	19,28%	610.750	13,74%	315.467	13,63%

STT	Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)
-	Giấy Testliner	1.027.079	32,05%	1.027.449	23,12%	525.292	22,70%
-	Giấy Kraftliner	84.368	2,63%	228.539	5,14%	154.520	6,68%
-	Bột giấy tái chế	79.004	2,47%	39.172	0,88%	9.610	0,42%
	Tấm ChipBoard	0	0%	8.270	0,19%	1.180	0,05%
<b>2</b>	<b>Doanh thu bán hàng hóa</b>	<b>1.396.171</b>	<b>43,57%</b>	<b>2.530.687</b>	<b>56,94%</b>	<b>1.306.153</b>	<b>56,44%</b>
-	Giấy Medium	225.201	7,03%	495.215	11,14%	275.426	11,90%
-	Giấy Testliner	191.549	5,98%	950.019	21,37%	670.607	28,98%
-	Giấy Kraftliner	0	0,00%	22.130	0,50%	0	0,00%
-	Phụ gia hóa chất	33.867	1,06%	33.944	0,76%	24.434	1,06%
-	Giấy phế liệu	935.934	29,21%	996.690	22,42%	310.778	13,43%
-	Khác	9.620	0,3%	32.689	0,74%	24.908	1,08%
<b>3</b>	<b>Doanh thu cho thuê tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.850</b>	<b>0,08%</b>
<b>Tổng Doanh thu thuần</b>		<b>3.204.419</b>	<b>100%</b>	<b>4.444.867</b>	<b>100%</b>	<b>2.314.072</b>	<b>100%</b>

Nguồn: CTCP Miza

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty tiếp tục duy trì ổn định giữa hai hoạt động cốt lõi: bán thành phẩm và bán hàng hóa, với tỷ trọng gần tương đương nhau, thể hiện tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất và thương mại.

Doanh thu thuần từ bán thành phẩm ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, từ 1.808.248 triệu đồng năm 2023 lên 1.914.180 triệu đồng năm 2024, chiếm khoảng 43-56% tổng doanh thu thuần trong giai đoạn. Trong đó, giấy Testliner là sản phẩm đóng góp lớn nhất, với doanh thu duy trì hơn 1.027.449 triệu đồng. Đáng chú ý, giấy Kraftliner - dòng sản phẩm có giá trị cao hơn - tăng mạnh từ 84.368 triệu đồng (năm 2023) lên 228.539 triệu đồng (năm 2024), phản ánh hiệu suất nâng cấp dây chuyền và cơ cấu sản phẩm hướng đến biên lợi nhuận tốt hơn.

Ở mảng bán hàng hóa, doanh thu tăng mạnh từ 1.396.171 triệu đồng lên 2.530.687 triệu đồng, chiếm 56,94% tổng doanh thu thuần năm 2024. Trong đó, giấy phế liệu (nguyên liệu đầu vào) và giấy thành phẩm thương mại như Testliner, Medium chiếm tỷ trọng đáng kể. Riêng doanh thu từ giấy phế liệu đạt gần 1.000 tỷ đồng trong năm 2024, cho thấy hoạt động thương mại giấy nguyên liệu được đẩy mạnh nhằm tận dụng biến động thị trường đầu vào.



Trong 6 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần từ bán hàng hóa tiếp tục vượt doanh thu thuần từ bán thành phẩm (chiếm 56,44%), nhưng tỷ trọng hai mảng đang dần tiến về mức cân bằng. Điều này cho thấy Công ty đang điều tiết linh hoạt giữa thương mại và sản xuất nhằm tối ưu hiệu quả tài chính theo từng giai đoạn thị trường.

Tổng thể, hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định, với cơ cấu sản phẩm đa dạng và biên lợi nhuận được bảo vệ nhờ sự chủ động trong định hướng sản phẩm và cơ chế tiêu thụ linh hoạt theo thị trường.

#### 10.7. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn Công ty đã thực hiện, đã ký kết và chưa thực hiện từ năm 2023 đến nay như sau:

**Bảng số 17: Danh mục các hợp đồng lớn giữa Miza và Đối tác**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2023 đến 30/06/2025	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
<b>Hợp đồng mua hàng</b>									
1	0201/HĐN T/HT-MZNS	1.247.414	01/02/2023	Từ năm 2023 - 30/06/2025	1.247.414	Giấy vụn	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HỢP THÀNH	Không	Không
2	03012024/TL-MZNS	263.943	01/03/2024	Từ năm 2023 - 30/06/2025	263.943	Giấy vụn	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH TM & DV THÀNH LONG	Không	Không
3	MZNS-KTP/03	282.949	15/03/2023	Từ năm 2023 - 30/06/2025	282.949	Hoi	Công ty TNHH Kim Trường Phúc	Không	Không
4	21/0003	297.594	26/02/2021	Từ năm 2023 - 30/06/2025	297.594	Điện	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN	Không	Không

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**



STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2023 đến 30/06/2025	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (%)	Các điều khoản quan trọng khác
5	19643/CH-MZNS	138.154	08/12/2023	Từ năm 2023 - 30/06/2025	138.154	Giấy vụn	CANUS A HERSHMAN RECYCLING COMPANY	Không	Không
Hợp đồng bán hàng									
1	CG-R-014/A01	261.983	05/12/2021	Từ năm 2023 - 30/06/2025	261.983	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BAO BÌ YUHUA VIỆT NAM	Không	Không
2	1582024-HĐNT/MZNS-MP	299.267	15/08/2024	Từ năm 2023 - 30/06/2025	299.267	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	CÔNG TY CỔ PHẦN MIPAK	Không	Không
3	MTZM69/23	134.330	26/10/2023	Từ năm 2023 - 30/06/2025	134.330	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Dongguan Maotong Paper Co.,Ltd	Không	Không
4	02012024-HĐNT/MZNS-AT	58.775	03/01/2024	Từ năm 2023 - 30/06/2025	58.775	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Công Ty TNHH An Thịnh	Không	Không
5	01062022 HDNT/MZNS-PACKCO	162.821	06/01/2022	Từ năm 2023 - 30/06/2025	162.821	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Công ty TNHH Bao bì Packco Việt Nam	Không	Không
6	01032022 HĐNT/NS-BB	93.004	03/01/2022	Từ năm 2023 - 30/06/2025	93.004	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Công ty TNHH Bao Bì Quốc Tế B&B	Không	Không
7	012023/BP H-MZNS	41.979	01/03/2023	Từ năm 2023 - 30/06/2025	41.979	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Công ty TNHH Box - Pak (Hà Nội)	Không	Không
8	WR-MZNS231018	121.347	18/10/2023	Từ năm 2023 - 30/06/2025	121.347	Giấy Medium, Testliner,	Well Rich Group Holding	Không	Không



STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2023 đến 30/06/2025	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (%)	Các điều khoản quan trọng khác
						Kraftliner	Limited		

Nguồn: CTCP Miza

(\*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

#### 10.8. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

##### 10.8.1. Nhà cung cấp lớn

**Bảng số 18: Danh mục các nhà cung cấp lớn của Miza**

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
<b>6 tháng đầu năm 2025</b>						
1	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HỢP THÀNH	84.198	3,76%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy vụn	Không
2	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH TM & DV THÀNH LONG	62.374	2,78%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy vụn	Không
3	CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC	63.856	2,85%	01/01/2025-30/06/2025	Hơi	Không
4	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN	65.651	2,93%	01/01/2025-30/06/2025	Điện	Không
5	CANUSA HERSHMAN RECYCLING COMPANY	44.925	2,00%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy vụn	Không
6	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM TÙNG	117.635	5,25%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium/ Giấy Testliner	Không
7	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HỢP THÀNH	174.519	7,79%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium/ Giấy Testliner	Không
8	CÔNG TY CỔ PHẦN TM & DỊCH VỤ HỒNG QUANG	84.198	3,76%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium/ Giấy Testliner	Không

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
<b>Năm 2024</b>						
1	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HỢP THÀNH	627.885	38,2%	Năm 2024	Giấy vụn	Không
2	CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC	117.374	7,1%	Năm 2024	Hời	Không
3	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN	115.944	7,1%	Năm 2024	Điện	Không
4	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH TM & DV THÀNH LONG	100.231	6,1%	Năm 2024	Giấy vụn	Không
5	CÔNG TY TNHH SCG INTERNATIONAL CORPORATION VIỆT NAM	63.664	3,9%	Năm 2024	Bột sắn, UKP	Không
6	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM TÙNG	227.907	13,9%	Năm 2024	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lề	Không
7	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HỢP THÀNH	134.764	8,2%	Năm 2024	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lề	Không
8	CÔNG TY CỔ PHẦN TM & DỊCH VỤ HỒNG QUANG	126.368	7,7%	Năm 2024	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lề	Không
9	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LÂM ANH	85.008	5,2%	Năm 2024	Lề	Không
10	CÔNG TY CP PHAN ANH	45.201	2,7%	Năm 2024	Vật tư khác (bulong, vòng bi, dây curoa.....)	Không
<b>Năm 2023</b>						
1	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HỢP THÀNH	360.604	32,3%	Năm 2023	Giấy vụn	Đối tác
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN	115.998	10,4%	Năm 2023	Điện	Không
3	CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC	111.718	10,0%	Năm 2023	Hời	Không
4	CÔNG TY CỔ PHẦN	101.337	9,1%	Năm 2023	Giấy vụn	Không



STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
	KINH DOANH TM & DV THÀNH LONG					
5	VIPA LAUSANNE SA	53.902	4,8%	Năm 2023	Giấy vụn	Không
6	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM TÙNG	135.253	12,1%	Năm 2023	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lê	Không
7	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HỢP THÀNH	127.062	11,4%	Năm 2023	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lê	Không
8	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÀNH LÊ	43.674	3,9%	Năm 2023	Tinh bột sắn/Lê	Không
9	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LÂM ANH	41.142	3,7%	Năm 2023	Lê	Không
10	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH LONG	26.903	2,4%	Năm 2023	Lê	Không

Nguồn: CTCP Miza

(\*) Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

#### 10.8.2. Khách hàng lớn

**Bảng số 19: Danh mục các khách hàng lớn của Miza**

Stt	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
<b>6 tháng đầu năm 2025</b>						
1	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BAO BÌ YUHUA VIỆT NAM	85.088	3,42%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
2	CÔNG TY CỔ PHẦN MIPAK	215.049	8,64%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không

Stt	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
3	DONGGUAN MAOTONG PAPER CO.,LTD	38.742	1,56%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
4	CÔNG TY TNHH BAO BÌ YFY HÀ NAM	33.378	1,34%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
5	CÔNG TY TNHH AN THỊNH	58.292	2,34%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
6	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ KINH BẮC	27.881	1,12%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner	Không
7	CÔNG TY TNHH AN THỊNH	19.345	0,78%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner	Không
8	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG	25.716	1,03%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner	Không
9	CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN THÀNH	26.437	1,06%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner	Không
10	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GIẤY BẮC KỲ	85.088	3,42%	01/01/2025-30/06/2025	Giấy Medium, Testliner	Không
<b>Năm 2024</b>						
1	CÔNG TY TNHH BAO BÌ PACKCO VIỆT NAM	84.231	1,9%	2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
2	CÔNG TY CỔ PHẦN MIPAK	77.980	1,8%	01/09/2024-31/12/2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
3	DONGGUAN MAOTONG PAPER CO.,LTD	75.475	1,7%	2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
4	WELL RICH GROUP HOLDING LIMITED	55.274	1,2%	2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
5	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BAO BÌ YUHUA VIỆT NAM	52.884	1,2%	2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
6	XÍ NGHIỆP IN - NHÀ MÁY Z176	47.904	1,1%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không
7	CÔNG TY TNHH MTV GOLDEN F	31.352	0,7%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không



STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
8	CÔNG TY TNHH VIDACO	27.974	0,6%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không
9	CÔNG TY TNHH THÁI BÌNH DƯƠNG	20.617	0,5%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không
10	CORBOX CORPORATION	20.537	0,5%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không
<b>Năm 2023</b>						
1	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BAO BÌ YUHUA VIỆT NAM	133.067	4,2%	2023	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
2	CÔNG TY TNHH BAO BÌ PACKCO VIỆT NAM	58.257	1,8%	2023	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
3	WELL RICH GROUP HOLDING LIMITED	61.546	1,9%	2023	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
4	TAICANG SUPPLY CHAIN FINANCIAL SERVICE CO.,LTD	44.978	1,4%	2023	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
5	CÔNG TY TNHH BAO BÌ QUỐC TẾ B&B	36.994	1,2%	2023	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
6	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ LINH GIANG	57.083	1,8%	2023	Giấy Medium, Testliner	Không
7	CÔNG TY TNHH BOX-PAK (HÀ NỘI)	39.804	1,2%	2023	Giấy Medium, Testliner	Không
8	XÍ NGHIỆP LAM KINH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	26.091	0,8%	2023	Giấy Medium, Testliner	Không
9	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH OJITEX HẢI PHÒNG TẠI BẮC NINH	24.024	0,7%	2023	Giấy Medium, Testliner	Không

Sr	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
10	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GIẤY BẮC KỲ	21.427	0,7%	2023	Giấy Medium, Testliner	Không

Nguồn: CTCP Miza

(\*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

## 10.9. Vị thế của Công ty trong ngành

### 10.9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty Cổ phần Miza được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, thay đổi gần nhất lần thứ 16 ngày 27/12/2024 với các sản phẩm chủ yếu phục vụ cho ngành giấy như giấy mặt, giấy sóng,...

Vị trí địa lý trụ sở Công ty cũng như Nhà máy sản xuất đều thuận lợi: Cách trung tâm Thủ đô Hà Nội về phía Bắc 20 km, gần sân bay Nội Bài, xung quanh là các Khu công nghiệp: Thăng Long, Quang Minh, Nội Bài, Đông Anh. Giao thông rất thuận lợi, từ Công ty tỏa đi các tỉnh là quốc lộ cao tốc 18 qua Nội Bài đi Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng; Quốc lộ 2 đi Phú Thọ; Quốc lộ 3 đi Thái Nguyên, Cao Bằng,...; Quốc lộ 5 đi Hải Phòng (chỉ mất 1,5 giờ đến cảng Hải Phòng - là trung tâm phân phối, trung chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm cho thị trường khu vực phía Bắc và xuất khẩu). Từ đó giúp Công ty có điều kiện giảm thiểu chi phí vận chuyển, góp phần hạ giá thành sản phẩm hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Sau gần 15 năm xây dựng và phát triển, từ một dây chuyền sản xuất với hơn 50 cán bộ công nhân viên, ngày nay, Công ty Cổ phần Miza đã trở thành một doanh nghiệp với quy mô gần 400 công nhân hoạt động ở lĩnh vực tái chế giấy và bao bì. Sản phẩm của Công ty đã và đang có ưu thế lớn tại thị trường Miền Bắc và được khẳng định bằng chính thương hiệu MIZA của mình trong ngành tái chế giấy và bao bì.

Bên cạnh lợi thế về giá thành sản phẩm, Công ty còn có lợi thế về công nghệ khi sở hữu riêng 02 nhà máy sản xuất với công suất lớn và trang thiết bị hiện đại. Với năng lực là các máy móc hiện đại, nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và chuyên môn, hiện nay, Công ty đã có thể trực tiếp sản xuất, chế tạo các sản phẩm với chất lượng có tính ổn định cao và được kiểm soát bằng công nghệ sản xuất tiên tiến. Công ty Cổ phần Miza hiện là một trong số ít các doanh nghiệp trong ngành giấy đã làm chủ được công nghệ sản xuất và hoàn thiện sản phẩm. Nhờ kế thừa và áp dụng những khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên



thế giới vào thực tiễn, Nhà máy Công ty đã để lại những dấu ấn sâu sắc trên thị trường ngành giấy và luôn nhận được sự hài lòng, tin tưởng từ các khách hàng trên cả nước.

Trong năm 2023, Công ty một mặt xác định vẫn đảm bảo sự ổn định của các cấu trúc sản phẩm hiện có, mặt khác chủ trương tập trung nguồn lực để đẩy mạnh trở thành nhà cung cấp các sản phẩm giấy tái chế số một Miền Bắc. Đây là chiến lược đón đầu sự phát triển các khu công nghiệp đang ngày càng phát triển tại miền Bắc. Bên cạnh đó, ngay từ khi mới thành lập, Công ty còn có đội ngũ Ban lãnh đạo có học vấn cao và có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan, với nhiều cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu về ngành giấy cùng với đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp.

Về thị phần của Công ty, hiện tại không có thống kê cụ thể về thị phần của Công ty trong ngành.

#### **10.9.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Ngành giấy và bao bì giấy được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của rất nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp,... Do đó, ngành công nghiệp giấy ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống và là sản phẩm thiết yếu trong cuộc sống của mỗi người dân, cũng như giữ một vai trò quan trọng trong sản xuất nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam (VPPA), trong những năm gần đây, ngành Giấy Việt Nam có tốc độ phát triển ấn tượng khoảng 10-12%/năm, riêng giấy bao bì khoảng 15-17%/năm, trong lĩnh vực này đã có những dự án đầu tư công suất lớn đang hoạt động (400-500 nghìn tấn/năm); một số doanh nghiệp đang dự kiến đầu tư dự án có công suất trên 1 triệu tấn giấy bao bì/năm. Với nhu cầu gia tăng mạnh và vai trò đa dạng đối với kinh tế, sản xuất của ngành giấy đóng góp khoảng 1,5% giá trị GDP, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD.

Triển vọng của ngành giấy Việt Nam trong trung và dài hạn được đánh giá tích cực, đặc biệt đối với phân khúc giấy bao bì công nghiệp - lĩnh vực hoạt động chính của Công ty. Ngành giấy đang được thúc đẩy bởi tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, đầu tư gia tăng và sự tập trung vào phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn. Thị trường bao bì giấy tại Việt Nam được dự báo sẽ đạt 4,14 tỷ USD vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 9,73% trong giai đoạn 2024-2029.

Từ năm 2021 đến nay, xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy của Việt Nam liên tục duy trì ở mức cao so với cùng kỳ các năm trước. Cụ thể, trong năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu 7,636 tỷ USD bao bì và nhãn hàng, tăng 20% so với năm 2023. Tổng lượng giấy xuất khẩu đạt 2,033 triệu tấn, trong đó giấy bao bì chiếm 1,759 triệu tấn. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu bao bì giấy lớn nhất của Việt Nam trong tháng 4/2024, đạt 142 triệu USD, tiếp theo là Trung Quốc với 108 triệu USD.

Theo các chuyên gia trong ngành, xuất khẩu giấy bao bì của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới, nhờ vào các yếu tố hỗ trợ như: năng lực sản xuất



được đầu tư mở rộng, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, cũng như lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTAs) mà Việt Nam đã ký kết.

Bên cạnh đó, Trung Quốc - thị trường tiêu thụ giấy lớn nhất khu vực - vẫn duy trì nhu cầu nhập khẩu bột giấy lớn. Trong bốn tháng đầu năm 2025, Trung Quốc đã nhập khẩu khoảng 2,32 triệu tấn bột giấy gỗ mềm tẩy trắng và 3,08 triệu tấn bột giấy gỗ cứng. Mặc dù có sự biến động nhỏ trong nhập khẩu một số loại bột giấy, nhu cầu tổng thể từ Trung Quốc tiếp tục tạo ra cơ hội xuất khẩu đáng kể cho các doanh nghiệp giấy Việt Nam, đặc biệt là các nhà sản xuất có khả năng cung ứng ổn định và đạt tiêu chuẩn môi trường.

Tại thị trường nội địa, mức tiêu thụ giấy bình quân đầu người của Việt Nam hiện là khoảng 65 kg/người, vẫn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực, cho thấy dư địa tăng trưởng còn lớn. Nhu cầu sử dụng giấy bao bì cho sản phẩm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu dự kiến tăng mạnh, với nhu cầu giấy nói chung tăng 8-10%/năm và giấy bao bì tăng khoảng 15%/năm. Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, với hơn một nửa dân số Việt Nam dự kiến sẽ tham gia mua sắm trực tuyến vào năm 2025, cũng là một yếu tố thúc đẩy đáng kể nhu cầu giấy bao bì. Phân khúc giấy bao bì cao cấp, bao gồm giấy tráng phủ và giấy in bao bì mỹ thuật, đang nổi lên như một khu vực thị trường giàu tiềm năng, nhưng hiện nay vẫn chưa được khai thác tương xứng.

#### ***10.9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới***

Với những nhận định như trên về triển vọng phát triển của ngành đồng thời với những chính sách hỗ trợ của nhà nước, thì nhu cầu của thị trường đối với các sản phẩm của Công ty hiện nay là rất lớn, không chịu ảnh hưởng nhiều bởi chu kỳ của nền kinh tế và có tiềm năng phát triển. Vì vậy, có thể nói định hướng phát triển của Công ty hết sức phù hợp so với định hướng của ngành cũng như các chính sách của Nhà nước, xu thế phát triển xanh của thế giới.

#### ***10.10. Hoạt động Marketing***

Uy tín, hình ảnh của Công ty Cổ phần Miza được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong các năm qua. Công ty xác định để có được khách hàng, thỏa mãn, duy trì lòng tin và giữ được khách hàng, cũng như mở rộng và ổn định hoạt động kinh doanh thì yếu tố đầu tiên là chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Ngoài mục đích trên thì hiệu quả kinh tế, lợi nhuận doanh nghiệp, thu nhập của người lao động là vấn đề mà doanh nghiệp cũng rất quan tâm.

Sau gần 15 năm sản xuất trong lĩnh vực tái chế giấy, thương hiệu MIZA từ lâu đã gắn bó với các bạn hàng trong và ngoài nước, đây là thế mạnh để Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay. Nhằm giữ vững tên tuổi, Công ty đã xác định xuyên suốt chủ trương đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế và bản quyền của MIZA.

Trước áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều biện pháp nhằm ổn định và phát triển thị phần của Công ty. Bên cạnh những giải pháp về nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty cũng đặc biệt quan tâm



đến hoạt động Marketing nhằm quảng bá hình ảnh và sản phẩm. Công ty xác định điểm mạnh của các sản phẩm là “Chất lượng vượt trội”, do đó công tác quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm là một trong những ưu tiên hàng đầu.

Sau nhiều năm xây dựng và phát triển, Công ty hiện đã thiết kế được chương trình marketing chuyên nghiệp và hiệu quả. Chương trình này được thiết kế chi tiết từ việc tìm hiểu nhu cầu và tư vấn sản phẩm đối với khách hàng, quản lý chất lượng và khối lượng sản phẩm trong cả quá trình sản xuất và quá trình giao hàng đến việc quan tâm đánh giá mức độ thỏa mãn cũng như giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của khách hàng về sản phẩm cung cấp.

Công ty cũng chú trọng marketing trên internet, website Công ty ([www.miza.vn](http://www.miza.vn)), truyền tải đầy đủ các mặt hàng với nhiều màu sắc, hình ảnh thu hút, cập nhật liên tục các thông tin, giá cả niêm yết,... Trên website của Công ty luôn có nhân viên kinh doanh online 24/7, cùng với đội ngũ chăm sóc khách hàng tận tâm, nhiệt tình chuyên biệt từng tỉnh thành, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến Công ty, đến các sản phẩm của Công ty hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh website chính, Công ty cũng chú trọng đến hoạt động tiếp thị sản phẩm, hình ảnh của mình cũng như củng cố mối quan hệ với khách hàng thông qua các chương trình như quảng cáo giới thiệu sản phẩm và hình ảnh công ty trên các báo, tạp chí chuyên ngành; nâng cao, cập nhật các thông tin trên các website khác như: Trang vàng ngành giấy, Trang vàng Việt Nam,...

Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên có những chương trình ưu đãi, khuyến mãi lớn để tri ân khách hàng. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, hoạt động tài trợ cho các cuộc thi, chương trình, tham gia hội chợ triển lãm,... giúp xây dựng hình ảnh, củng cố thương hiệu, uy tín của Công ty trong và ngoài địa bàn Thành phố.

#### **10.11. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, quyền tác giả và có logo riêng.

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Miza
- Tên tiếng Anh: MIZA CORPORATION
- Logo Công ty: 
- Công ty đã đăng ký tên miền: [www.miza.vn](http://www.miza.vn)

Số nhãn hiệu 309822 cấp theo Quyết định số 87015/QĐ-SHTT ngày 03/12/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Logo trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Đứng trước áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường và vấn đề xâm phạm nhãn hiệu, bản quyền từ các đối thủ, Công ty đã chủ động đăng ký bảo hộ nhiều nhãn hiệu hàng hóa nổi tiếng. Hiện tại, Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa Học và Công Nghệ) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho logo với thời gian bảo hộ là 10 năm kể từ ngày 03/06/2016.



### **10.12. Chính sách nghiên cứu và phát triển**

Trong 2 năm vừa qua và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển cả về con người lẫn máy móc thiết bị. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn dành những nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sản xuất. Việc nghiên cứu và phát triển do Bộ phận ông nghệ sản xuất – Khoa học kỹ thuật của Công ty phụ trách, bao gồm đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, luôn không ngừng nghiên cứu sản phẩm nhằm phát triển, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm cũng như đáp ứng các nhu cầu, tiêu chuẩn ngày càng cao của khách hàng. Để đáp ứng các tiêu chuẩn về xuất khẩu tại các thị trường phát triển, các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường quốc tế như ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.

Công ty ưu tiên đầu tư vào nghiên cứu ứng dụng, phát triển sản phẩm mới và tối ưu hóa sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty chủ trương tăng cường tự động hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động, tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu, giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng nhu cầu hàng hóa ngày càng tăng và đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đặc biệt với ưu tiên phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, bộ phận nghiên cứu của Công ty đã đẩy mạnh nghiên cứu đa dạng hóa danh mục sản phẩm, phục vụ nhu cầu của các thị trường trong và ngoài nước.

Công ty chú trọng việc nghiên cứu phát triển trong nhiều năm qua nhằm mục đích là cung cấp thương phẩm đạt Top thương hiệu (TOP Brand) và đứng đầu thị phần ở tất cả các sản phẩm khu vực miền Bắc và cả nước:

- 0 Thiết lập chiến lược thương phẩm “Số 1 Miền Bắc vào năm 2022” và cả nước vào 2027.
- 0 Xây dựng thương hiệu có kỹ thuật và chất lượng mạnh.
- 0 Hoàn thành thể chất thích ứng hỗ trợ phát triển giữa các thành viên trong tập đoàn có hệ thống chủ động đề xuất.
- 0 Xây dựng nền tảng có thể phát triển, mở rộng quy mô liên tục từ sau năm 2022.

Với những nỗ lực của việc nghiên cứu phát triển, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được nâng cao với chất lượng sản phẩm được cải tiến, giảm tỷ lệ tiêu hao năng lượng trên sản phẩm, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu.

### **10.13. Chiến lược kinh doanh**

Đứng trước những khó khăn và thách thức trong thời kỳ kinh tế cạnh tranh khốc liệt, Công ty đã xác định để thực hiện được kế hoạch đề ra cần phải có những nhận thức và định hướng kinh tế đúng đắn phù hợp với tình hình thực tế. Vừa duy trì nhịp độ tăng trưởng ổn định của các mặt hàng truyền thống vừa đẩy mạnh phát triển thị trường mới, chú trọng đặc biệt công tác xuất khẩu sản phẩm đến các nước trong khu vực Châu Á, mở rộng thị trường



sang Châu Âu và Châu Mỹ. Với phương châm thống nhất hành động từ chỉ đạo đến thực hiện trong toàn hệ thống với các chiến lược cụ thể như sau:

**Về Kinh doanh:**

- Giữ vững và phát triển thị trường theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí sản xuất, chế độ bán hàng linh hoạt, phát huy và khai thác tối đa các tiềm năng và nguồn lực sẵn có.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị và phát triển thị trường tạo thị phần vững chắc cho sản phẩm trên thị trường Việt Nam và hướng tới xuất khẩu.
- Ưu tiên phát triển Công ty lớn mạnh tập trung vào các lĩnh vực chủ lực. Trở thành Tập đoàn số 1 về ngành giấy và là Tập đoàn có hệ sinh thái phong phú, đa dạng, hoạt động trong 3 lĩnh vực chính: Giấy - Bột giấy - Bao bì, túi giấy; Thương mại - Dịch vụ - Logictis và Bất động sản - Nghi dưỡng.
- Phát triển các sản phẩm của Công ty, đưa hình ảnh Công ty tới gần hơn với người sử dụng
- Chiến lược kinh doanh: Phù hợp với nhu cầu của thị trường bằng cách tìm hiểu đào sâu từ thời kỳ sớm của nhu cầu thị trường. Đứng trên góc nhìn của khách hàng, nắm bắt thông tin kịp thời và đề xuất sản phẩm. Triển khai kinh doanh thay đổi từ việc chờ đợi chuyển thành chủ động, đề xuất tấn công phù hợp với nhu cầu khu vực trên tất cả các thể loại. Xây dựng mạng lưới và thể chế để có thể đối ứng được với khách hàng các khu vực xa.

**Về Đầu tư Công nghệ:**

- Tiếp tục đầu tư, nghiên cứu, áp dụng những công nghệ mới vào quy trình sản xuất cho phù hợp với các tiêu chuẩn về Chất lượng, an toàn với môi trường
- Nâng cao hoạt động, mở rộng quy mô, đáp ứng nhu cầu của thị trường
- Triển khai phân bổ sản xuất giữa các thành viên thích hợp nhất bao gồm cả hỗ trợ tương hỗ. Thiết lập, xây dựng, tìm kiếm các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về cả chất lượng, chi phí, giao hàng. Phát triển phương án sản xuất có giá thành rẻ, phối kết hợp và triển khai mặt bằng ở mức độ cao giữa các nhà máy trong Công ty.

**Về Kỹ thuật:**

- Cải cách chế tạo dòng sản phẩm định lượng cao;
- Thiết lập phương pháp chế tạo mới và phát triển phương án hiện có;
- Cải tiến điều kiện sản xuất giảm giá và thiết lập phương án thương phẩm mới dùng nguyên liệu UKP, Recycle Pulp;
- Cải tiến nguyên giá cho giá bán mục tiêu;
- Thiết lập chế tạo cần thiết cho thương phẩm mới;
- Nỗ lực vào phương pháp chế tạo thời kì tới, kỹ thuật mới liên kết tới tương lai;
- Yếu tố môi trường;

- Áp dụng quy trình quản lý môi trường tiên tiến;
- Đáp ứng các yêu cầu về hoạt động môi trường, thực hiện trách nhiệm với xã hội.

**Về chính sách cho người lao động:**

- Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của cán bộ công nhân viên, tập trung vào công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.
- Tập trung cho công tác đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ, học hỏi công nghệ mới ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ cho người lao động.

**Định hướng thực hiện:**

- Về thời gian thực hiện: Các định hướng nêu dưới đây dự kiến được triển khai trong giai đoạn trung hạn 2025 - 2030, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Công ty;
- Về nguồn vốn: đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư và hoạt động, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay thương mại, và có thể xem xét huy động từ các kênh thị trường vốn (trái phiếu, cổ phần) tùy theo nhu cầu từng giai đoạn; đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng vốn an toàn và hiệu quả;
- Về nguồn lực dự kiến: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo; xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động;
- Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ, kênh phân phối và khách hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Về công nghệ: định hướng đầu tư, cải tiến công nghệ sản xuất, cập nhật công nghệ sản xuất mới theo hướng hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao và thân thiện môi trường;
- Về quản trị điều hành: nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

**10.14. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan**

Công ty Cổ phần Miza hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy tái chế, trong đó có hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, tổ chức nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất phải đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường và được cấp Giấy phép môi trường.



Tại thời điểm của Bản cáo bạch này, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành và đã được cấp Giấy phép môi trường còn hiệu lực để thực hiện hoạt động nhập khẩu phế liệu phục vụ sản xuất. Phế liệu được nhập khẩu để sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất giấy tái chế tại các nhà máy của Công ty, không sử dụng cho các mục đích thương mại khác.

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm môi trường trong suốt quá trình nhập khẩu và sử dụng phế liệu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

## **11. Chính sách đối với người lao động**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

### **11.1. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty**

Số lượng lao động của Công ty trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (2023 và 2024) lần lượt là 359 và 337 người.

Tính đến thời điểm 30/06/2025, tổng số lượng lao động của Công ty là 327 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau.

**Bảng số 20: Cơ cấu lao động Công ty**

Cơ cấu lao động	Năm 2023		Năm 2024		Thời điểm 30/06/2025	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Phân loại theo giới tính</b>	359	100%	337	100%	327	100%
Nam	294	81,9%	275	81,6%	273	83,5%
Nữ	65	18,1%	62	18,4%	54	16,5%
<b>Phân loại theo trình độ</b>	359	100%	337	100%	327	100%
Đại học, trên đại học	68	18,94%	64	19%	76	23,2%
Cao đẳng, Trung cấp	137	38,16%	125	37,1%	100	30,6%
Đối tượng khác	154	42,9%	148	43,9%	151	46,2%
<b>Tổng</b>	<b>359</b>	<b>100%</b>	<b>337</b>	<b>100%</b>	<b>327</b>	<b>100%</b>

Nguồn: CTCP Miza

### **11.2. Chế độ làm việc**

Đối với nhân viên văn phòng: Làm việc theo giờ hành chính từ 08h00 - 17h00, nghỉ và ăn trưa từ 12h00 đến 13h00, giờ nghỉ và ăn trưa không được tính lương. Thời gian làm việc từ thứ Hai đến hết thứ Bảy hàng tuần

Đối với nhân viên làm theo ca: một ngày làm việc gồm 3 ca: ca 1: từ 6h00 - 14h00; ca 2: 14h00-22h00 và ca 3: từ 22h00-6h00 sáng hôm sau. Giờ nghỉ giữa ca đối với các ca 1



và ca 2 là 30 phút, với ca 3 là 40 phút. Hàng tháng, nhân viên sẽ được nghỉ số ngày theo tiêu chuẩn.

Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Bộ luật Lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc, nhà xưởng gọn sạch, đảm bảo ánh sáng, an toàn lao động, đầy đủ điều kiện làm việc cho người lao động. Cán bộ công nhân viên (CBCNV) đi công tác xa được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

### **11.3. Chính sách đào tạo**

Đào tạo và phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự của Công ty. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc.

Tại Công ty, tất cả các CBCNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc; theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; ngoài ra Công ty cũng khuyến khích CBCNV chủ động tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí.

Hàng năm Công ty còn tổ chức cho CBCNV xuất sắc tham gia những khóa học bổ sung, hoàn thiện kiến thức để đảm nhận những công việc ở tầm cao hơn: Khóa Nâng cao năng lực quản lý, giám sát, khóa đào tạo giảng viên nội bộ, khóa nâng cao năng lực chuyên môn.

Song song với hình thức đào tạo ngoài công việc, Công ty cũng chú trọng tới công tác đào tạo nội bộ: Đào tạo xây dựng Chiến lược, kế hoạch, đào tạo về ISO, KPI, 5S hay những buổi chia sẻ về kỹ năng mềm (Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm ...) ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng những buổi đào tạo nội bộ này tạo ra sự gắn kết và chia sẻ của các CBCNV Công ty.

### **11.4. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp/ phúc lợi**

Công ty thực hiện nghiêm túc các chế độ về lương, về bảo hiểm và các chế độ đối với người lao động theo đúng quy định của nhà nước và thỏa ước lao động đã ký giữa Công ty và Công đoàn cơ sở cũng như hợp đồng lao động đối với từng người trong Công ty.

Vào cuối mỗi năm tài chính, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng thành tích dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu cá nhân theo đánh giá định kỳ. Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết và công bằng cho từng cấp độ CBCNV với mục đích: Khen thưởng theo mức độ hoàn thành công việc, tạo động lực



làm việc; Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để CBCNV phát huy hết tiềm năng bản thân; Đáp ứng nhu cầu được công nhận của CBCNV, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBCNV đã thể hiện.

Công ty thực hiện các chế độ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, phúc lợi cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể hàng năm như: Phụ cấp ăn giữa ca, tăng ca; Xe đưa đón CBCNV; Chính sách thăm hỏi, ốm đau; Trang bị bảo hộ lao động; Thưởng lương tháng thứ 13; Quà, tiền thưởng vào các dịp Lễ, Tết,... Ngoài 2 loại hình Bảo hiểm bắt buộc (BHYT, BHXH), Công ty còn đăng ký bảo hiểm sức khỏe đặc biệt 100% và bảo hiểm nhân thọ cho những CBCNV chủ chốt, gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty để đảm bảo sức khỏe của nhân viên được chăm sóc tốt nhất cũng như tạo cho nhân viên cảm giác an toàn, được quan tâm chu đáo.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến trong hoạt động đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

- Khen thưởng hàng tháng trong trường hợp hoàn thành vượt mức kế hoạch và nhiệm vụ hàng tháng, hàng năm.
- Thưởng nhân dịp lễ, tết trong năm ...

Thêm vào đó, Công ty tạo điều kiện cho hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức các chương trình hội thao, văn nghệ, tìm hiểu và hỗ trợ cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức khen thưởng cho con em người lao động đạt thành tích cao trong học tập, ...

#### **11.5. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động**

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

#### **12. Chính sách cổ tức**

ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty và ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không

nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán được tiến hành theo các quy định của Pháp luật. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

**Bảng số 21: Tình hình chi trả cổ tức qua các năm gần nhất**

	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá cổ phiếu	6%*	0%
Hình thức chi trả	Cổ phiếu	Không có

(\*) Cổ tức năm 2023 được thực hiện trong năm 2024 bằng hình thức phát hành cổ phiếu

Nguồn: CTCP Miza

**13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất**

Trong 02 năm trở lại đây (2023 và 2024) và tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có đợt chào bán cổ phiếu nào.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty**

Không có.

**15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Không có.

**16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

**1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty**

Bảng 22 và 23 tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và 6 tháng đầu năm 2025.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



**Bảng số 22: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2023-2024	6 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	3.832.209.276.702	4.439.813.340.191	15,86%	4.675.970.256.444
Doanh thu thuần	3.204.419.483.282	4.444.866.501.206	38,71%	2.314.071.646.113
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	59.944.752.684	71.794.761.499	19,77%	52.715.004.696
Lợi nhuận/(lỗ) khác	3.466.913.074	1.686.150.368	(51,36)%	-2.037.538.448
Lợi nhuận trước thuế TNDN	63.411.665.758	73.480.911.867	15,88%	50.677.466.248
Lợi nhuận sau thuế TNDN	62.461.470.045	72.579.904.759	16,20%	47.611.419.736
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	96%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá cổ phiếu (%)	6%	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

(\*) Tính toán dựa trên tổng giá trị theo mệnh giá của số cổ phiếu đã phát hành trả cổ tức. Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280601/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/6/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023, kết quả được thông qua tại Nghị quyết số 251101/2024/NQ-HĐQT-MZ ngày 25/11/2024. Theo đó, Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:6 với ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 18/11/2024. Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức là 5.995.168 cổ phiếu và tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau đợt phát hành trả cổ tức là 105.915.068 cổ phiếu.

Trong năm 2023, Công ty ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.204.419.483.282 đồng. Bước sang năm 2024, doanh thu tiếp tục tăng trưởng ấn tượng ở mức 38,71%, đạt 4.444.866.501.206 đồng, nhờ nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giấy bao bì duy trì tích cực và hoạt động vận hành ổn định tại các nhà máy. Trong 6 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 2.314.071.646.113 đồng, tương đương 52,07% mức thực hiện của cả năm 2024, tiếp tục phản ánh xu hướng tiêu thụ tích cực trong điều kiện thị trường cạnh tranh.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2023 đạt 59.944.752.684 đồng và tăng 19,77% trong năm 2024, đạt 71.794.761.499 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 52.715.004.696 đồng, tương đương 73,42% mức thực hiện cả năm 2024, phản ánh hiệu quả sản xuất được duy trì trong nửa đầu năm.

Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 63.411.665.758 đồng và tăng lên 73.480.911.867 đồng trong năm 2024, tương ứng mức tăng 15,88%. Trong 6 tháng đầu



năm 2025, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 50.677.466.248 đồng, tương đương 68,97% so với kết quả năm 2024.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 đạt 62.461.470.045 đồng và tăng 16,20% trong năm 2024 lên mức 72.579.904.759 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận sau thuế đạt 47.611.419.736 đồng, tương ứng 65,60% so với kết quả thực hiện cả năm trước đó, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận theo kế hoạch đề ra.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của Công ty trong giai đoạn 2023 đến giữa năm 2025 duy trì ổn định quanh mức 1,6% đến 2,0%, cho thấy khả năng sinh lời bền vững của mô hình kinh doanh trong bối cảnh thị trường nguyên vật liệu và năng lượng có nhiều biến động.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Miza đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 6 cổ phiếu mới. Tỷ lệ chi trả cổ tức trên lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 96%, phản ánh cam kết của Công ty trong việc chia sẻ lợi ích với cổ đông trên nền tảng kết quả kinh doanh tích cực. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 đạt 62.461.470.045 đồng, trong đó giá trị cổ tức chi trả (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) là 59.951.680.000 đồng.

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức, do đang tập trung nguồn lực tài chính để triển khai Giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn, nâng tổng công suất toàn nhà máy lên trên 220.000 tấn/năm. Việc tái đầu tư lợi nhuận nhằm phục vụ chiến lược tăng trưởng dài hạn và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

**Bảng số 23: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/(giảm) 2023-2024	6 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	1.666.093.590.243	1.868.807.609.788	12,17%	1.920.167.456.065
Doanh thu thuần	974.470.965.645	1.310.455.443.629	34,48%	688.695.551.781
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	41.597.628.883	52.356.444.128	25,86%	27.719.283.321
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(333.162.602)	(500.860.682)	50,34%	34.820.567
Lợi nhuận trước thuế TNDN	41.264.466.281	51.855.583.446	25,67%	27.754.103.888
Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.314.270.568	50.954.576.338	26,39%	27.138.021.939
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	149%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá cổ phiếu (%)	6%	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025



(\*) *Tính toán dựa trên tổng giá trị theo mệnh giá của số cổ phiếu đã phát hành trả cổ tức. Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280601/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/6/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023, kết quả được thông qua tại Nghị quyết số 251101/2024/NQ-HĐQT-MZ ngày 25/11/2024. Theo đó, Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:6 và ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 18/11/2024. Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức là 5.995.168 cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau phát hành trả cổ tức là 105.915.068 cổ phiếu.*

Trong năm 2023, doanh thu thuần của Công ty mẹ đạt 974.470.965.645 đồng, tăng trưởng 34,48% trong năm 2024 và đạt mức 1.310.455.443.629 đồng. Mức tăng này phản ánh sự cải thiện đáng kể về sản lượng tiêu thụ và đơn giá bán trong các dòng sản phẩm giấy bao bì của Công ty. Trong 6 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần của Công ty mẹ đạt 688.695.551.781 đồng, tương đương 52,55% mức thực hiện của năm 2024, cho thấy hoạt động bán hàng vẫn duy trì được tốc độ ổn định trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gia tăng.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2023 đạt 41.597.628.883 đồng, tăng 25,86% trong năm 2024 và đạt 52.356.444.128 đồng. Sự gia tăng này đến từ việc Công ty duy trì hiệu suất hoạt động ổn định tại cả hai nhà máy và tối ưu hóa chi phí sản xuất theo từng đợt nguyên vật liệu đầu vào. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 27.719.238.321 đồng, tương đương 52,94% mức thực hiện cả năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế đạt 41.264.466.281 đồng trong năm 2023 và tăng lên 51.855.583.446 đồng trong năm 2024, tương ứng mức tăng 25,67%. Lợi nhuận sau thuế đạt 40.314.270.568 đồng trong năm 2023 và tăng lên 50.954.576.338 đồng trong năm 2024, tăng 26,39%. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt là 27.754.103.888 đồng và 27.138.021.939 đồng, tương đương khoảng 53,52% và 53,26% kết quả thực hiện cả năm trước đó.

Trong năm 2023, Công ty mẹ thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% (tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 6 cổ phiếu mới), với tổng giá trị chi trả tương đương 149% lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2024, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức để dồn nguồn lực cho đầu tư và triển khai các kế hoạch mở rộng công suất.

**Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:** Không có

## **1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất**

### **1.2.1. Những nhân tố thuận lợi**

Trong giai đoạn từ đầu năm 2023 đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Miza được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố thuận lợi. Trước hết, nhu cầu tiêu thụ giấy bao bì trong nước tăng trưởng mạnh, đặc biệt từ các ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), dược phẩm và điện tử, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Miza mở rộng thị phần trong nước.

Bên cạnh đó, việc đầu tư nâng công suất tại Nhà máy Miza Nghi Sơn và vận hành hiệu quả dự án bột giấy tái chế (RCP) đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng doanh thu.



Công ty cũng tăng tỷ trọng sản phẩm giấy cao cấp như Kraftliner – dòng sản phẩm có giá bán và biên lợi nhuận cao hơn các sản phẩm truyền thống như Testliner và Medium.

Về công nghệ và sản xuất, Miza đã đẩy mạnh đổi mới thiết bị tại phân xưởng số 1 và số 2, tối ưu định lượng và khổ giấy, giúp tăng sản lượng từ 3–5%, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Việc quản lý tốt chi phí sản xuất, cùng với chiến lược sử dụng nguyên liệu tái chế giúp công ty hạn chế tác động từ biến động giá nguyên liệu và duy trì biên lợi nhuận ổn định.

Ngoài ra, xu hướng toàn cầu hướng tới tiêu dùng bền vững và sản phẩm thân thiện môi trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Miza – một doanh nghiệp sản xuất giấy tái chế – mở rộng quan hệ với các khách hàng quốc tế có tiêu chuẩn cao về môi trường.

### **1.2.2. Những nhân tố khó khăn**

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, Công ty cũng đối mặt với nhiều thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trước hết là biến động chi phí nguyên vật liệu. Trong giai đoạn từ đầu năm 2023 đến nay, giá giấy phế liệu - nguyên liệu đầu vào chính của Công ty - đã tăng cao trên thị trường toàn cầu, đặc biệt do các quy định môi trường ngày càng chặt chẽ ở các quốc gia xuất khẩu giấy thải.

Điều này tạo áp lực lớn lên chi phí sản xuất và biên lợi nhuận gộp của Công ty. Tỷ lệ lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 đạt khoảng 1,62%, thấp hơn so với mức 1,87% của năm 2023. Tại Công ty mẹ, tỷ lệ này là 3,99% năm 2024 và 4,27% năm 2023. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2025, tỷ lệ này đạt 2,26% (hợp nhất) và 4,02% (công ty mẹ), tương đương hơn 50% kế hoạch cả năm trước, cho thấy hiệu quả hoạt động được cải thiện rõ rệt nhờ tối ưu hóa chi phí và ổn định đầu ra sản phẩm.

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường cũng là một yếu tố ảnh hưởng. Các doanh nghiệp cùng ngành trong nước và khu vực gia tăng công suất và mở rộng sản phẩm khiến sức ép cạnh tranh về giá và chất lượng ngày càng cao, buộc Miza phải tăng đầu tư vào R&D và marketing để giữ vững thị phần.

Ngoài ra, phụ thuộc vào nguyên liệu tái chế cũng là một rủi ro tiềm ẩn. Mặc dù chiến lược này giúp giảm chi phí và thân thiện với môi trường, nhưng biến động nguồn cung và giá cả giấy phế liệu quốc tế có thể gây gián đoạn hoạt động sản xuất nếu không được kiểm soát hiệu quả.

### **1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2024 đến nay, không có biến động lớn nào phát sinh có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi hoạt động sản xuất và tài chính trong 6 tháng đầu năm 2025 vẫn diễn ra bình thường, doanh thu và lợi nhuận tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định theo kế hoạch.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**



**2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

**Bảng số 24: Tình hình Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	% Tăng/giảm 2023-2024
I	Vốn điều lệ	999.199.000.000	1.059.150.680.000	1.059.150.680.000	6,00%
II	Tổng cộng nguồn vốn (Vốn kinh doanh)	3.832.209.276.702	4.439.813.340.191	4.675.970.256.444	15,86%
1	Nợ phải trả	2.642.804.060.773	3.177.828.219.503	3.366.373.716.020	20,24%
-	Nợ ngắn hạn	1.988.173.573.307	2.363.326.756.187	2.641.700.324.502	18,87%
-	Nợ dài hạn	654.630.487.466	814.501.463.316	724.673.391.518	24,42%
2	Vốn chủ sở hữu	1.189.405.215.929	1.261.985.120.688	1.309.596.540.424	6,10%
-	Vốn góp của chủ sở hữu	999.199.000.000	1.059.150.680.000	1.059.150.680.000	6,00%
-	Thặng dư vốn cổ phần	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	0,00%
-	LNST chưa phân phối	157.706.215.929	170.334.440.688	217.945.860.424	8,01%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

**Bảng số 25: Tình hình Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh của Công ty mẹ**

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	% Tăng/giảm 2023-2024
I	Vốn điều lệ	999.199.000.000	1.059.150.680.000	1.059.150.680.000	6.00%
II	Tổng cộng nguồn vốn (Vốn kinh doanh)	1.666.093.590.243	1.868.807.609.788	1.920.167.456.065	12.17%
1	Nợ phải trả	592.430.511.023	744.189.954.230	768.411.778.568	25.62%
-	Nợ ngắn hạn	506.420.777.196	522.005.124.698	627.729.890.485	3.08%
-	Nợ dài hạn	86.009.733.827	222.184.829.532	140.681.888.083	158.33%
2	Vốn chủ sở hữu	1.073.663.079.220	1.124.617.655.558	1.151.755.677.497	4.75%
-	Vốn góp của chủ sở hữu	999.199.000.000	1.059.150.680.000	1.059.150.680.000	6.00%
-	Thặng dư vốn cổ phần	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	0.00%
-	LNST chưa phân phối	41.964.079.220	32.966.975.558	60.104.997.497	-21.44%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025



Nguồn vốn kinh doanh và Vốn điều lệ của CTCP Miza đã được sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty là sản xuất và phân phối các sản phẩm giấy bao bì. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn vay để mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư chiều sâu vào hệ thống nhà máy. Đồng thời bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh và các hoạt động đầu tư dài hạn.

Tính đến ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty đạt 1.059,15 tỷ đồng, tăng 6% so với cuối năm 2023 do thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2024. Đến hết 6 tháng đầu năm 2025 vốn điều lệ của Công ty không thay đổi, duy trì ở mức 1.059,15 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn hợp nhất của Công ty tại ngày 30/6/2025 đạt 4.676 tỷ đồng, tiếp tục tăng 5,3% so với thời điểm cuối năm 2024 và tăng 22% so với cuối năm 2023. Mức tăng này đến từ việc mở rộng quy mô nợ phải trả, trong đó chủ yếu là dư nợ ngắn hạn phục vụ vốn lưu động tăng mạnh từ 2.363 tỷ đồng lên 2.641 tỷ đồng (tăng 11,7%) - phản ánh nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất trong kỳ. Dư nợ dài hạn cũng ghi nhận mức tăng tích cực trong năm 2024 và giữ ổn định trong nửa đầu năm 2025 để phục vụ các khoản đầu tư cơ bản dài hạn.

Cơ cấu vốn của Công ty tiếp tục duy trì ổn định. Trong đó vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 1.309,6 tỷ đồng tại ngày 30/6/2025, tăng 3,8% so với cuối năm 2024. Sự tăng trưởng này đến từ việc tích lũy lợi nhuận giữ lại, cụ thể: Nhờ kết quả kinh doanh cải thiện rõ rệt trong 6 tháng đầu năm 2025 LNST chưa phân phối đạt 217,9 tỷ đồng, tăng 47,6 tỷ đồng so với cuối năm 2024

Tại Công ty mẹ, tổng nguồn vốn tại thời điểm 30/6/2025 đạt 1.920,2 tỷ đồng, tăng 2,7% so với cuối năm 2024 và 15,2% so với cuối năm 2023. Trong đó, nợ phải trả tăng 3,3% so với cuối năm 2024 đạt 768,4 tỷ đồng (chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng 105,7 tỷ đồng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ). Trong khi nợ dài hạn giảm nhẹ xuống 81,5 tỷ đồng do thực hiện trả bớt các khoản vay trung dài hạn đến hạn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Công ty mẹ đạt 60,1 tỷ đồng tại ngày 30/6/2025, phục hồi mạnh so với mức 32,97 tỷ đồng cuối năm 2024 (tăng 82,3% nhờ lợi nhuận tích cực ghi nhận trong nửa đầu năm 2025).

Công ty sử dụng vốn điều lệ và nguồn vốn kinh doanh chủ yếu để đầu tư tài sản cố định phục vụ sản xuất, tài trợ vốn lưu động, thực hiện nghĩa vụ tài chính và bổ sung vốn cho công ty con - trong đó có Miza Nghi Sơn theo đúng kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc tăng vốn điều lệ trong năm 2024 đã góp phần nâng cao năng lực tài chính và khả năng chủ động nguồn vốn cho các chương trình mở rộng trong trung và dài hạn.

#### **2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Nhìn chung chính sách khấu hao các loại tài sản cố định của Công ty không có thay đổi đáng kể trong thời gian qua, ngoại trừ tài sản cố định khác (TSCĐ khác).

Từ năm tài chính 2024, Công ty điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích đối với nhóm Tài sản cố định khác từ 05 - 15 năm xuống 04 - 15 năm. Việc điều chỉnh này được thực hiện trên cơ sở rà soát thực tế sử dụng của một số tài sản có vòng đời ngắn hơn, nhằm đảm bảo việc phân bổ chi phí khấu hao phù hợp hơn với mức độ sử dụng tài sản trong kỳ. Thay đổi này không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh, do giá trị nhóm tài sản này chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguyên giá tài sản cố định.

Loại tài sản cố định	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm	05 - 45 năm	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 15 năm	02 - 15 năm	02 - 15 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm	05 - 10 năm	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10 năm	02 - 10 năm	02 - 10 năm
- TSCĐ khác	05 - 15 năm	04 - 15 năm	04 - 15 năm

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định.

### **2.1.3. Mức thu nhập bình quân**

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty (hợp nhất) trong hai năm gần nhất và đến thời điểm 30/06/2025 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.190.000	13.743.287	13.981.000

*Nguồn: CTCP Miza*

Thu nhập bình quân của người lao động của Công ty (hợp nhất) trong năm 2023 và năm 2024 lần lượt là: 13.190.000 đồng/người/tháng và 13.743.287 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành thì thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty khá cạnh tranh.

Cụ thể, thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (DHC) lần lượt đạt khoảng 11.664.553 đồng/người/tháng năm 2023 và 12.224.976 đồng/người/tháng năm 2024 (Theo Báo cáo thường niên năm 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre). Trong khi tại Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng (HHP Global), con số này khoảng 11.565.674 đồng/người/tháng vào năm 2023 và 11.048.196 đồng/người/tháng vào năm 2024 (Theo Báo cáo thường niên năm 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng). Như vậy, mức thu nhập tại Công ty không những cao hơn trung bình ngành mà còn thể hiện được chính sách đãi ngộ hấp dẫn, góp phần giữ chân người lao động và nâng cao năng suất làm việc.

#### 2.1.4. Tình hình công nợ

**Bảng số 26: Tình hình công nợ của Công ty**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Nợ phải thu	231.127	308.856	312.844	840.862	1.341.673	1.350.219
Nợ phải trả	592.431	744.190	768.412	2.642.804	3.177.828	3.366.374

Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng, hợp nhất bán niên năm 2025 đã soát xét

#### 2.1.5. Các khoản phải thu

**Bảng số 27: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	% Tăng/(giảm) 2023-2024
<b>1. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>830.184.258.947</b>	<b>1.328.287.832.773</b>	<b>1.338.726.186.919</b>	<b>60,00%</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	600.315.128.402	946.704.924.383	957.794.624.789	57,70%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	188.161.045.334	291.986.680.633	314.211.045.763	55,18%
Phải thu ngắn hạn khác	41.708.085.211	89.596.227.757	66.596.084.037	114,82%
<b>2. Các khoản phải</b>	<b>10.678.085.859</b>	<b>13.385.191.366</b>	<b>11.493.081.440</b>	<b>25,35%</b>



thu dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	10.678.085.859	13.385.191.366	11.493.081.440	25,35%
<b>Tổng cộng</b>	<b>840.862.344.806</b>	<b>1.341.673.024.139</b>	<b>1.350.219.268.359</b>	<b>59,56%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023, 31/12/2024 và thời điểm 30/06/2025, Công ty hợp nhất không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào.

**Bảng số 28: Các khoản phải thu của Công ty mẹ**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	% Tăng/(giảm) 2023-2024
<b>1. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>231.127.079.433</b>	<b>304.924.644.499</b>	<b>308.270.569.311</b>	<b>31,93%</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	170.821.096.209	302.236.813.467	292.845.686.223	76,93%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	19.036.452.810	395.857.410	1.233.430.178	-97,92%
Phải thu ngắn hạn khác	41.269.530.414	2.291.973.622	14.191.407.910	-94,45%
<b>2. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>3.931.762.396</b>	<b>4.573.781.344</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác	0	3.931.762.396	4.573.781.344	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>231.127.079.433</b>	<b>308.856.406.895</b>	<b>312.844.305.655</b>	<b>33,63%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023, 31/12/2024 và thời điểm 30/06/2025, Công ty mẹ không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào.

#### 2.1.6. Các khoản phải trả

**Bảng số 29: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	% Tăng/(giảm) 2023-2024
<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.988.173.573.307</b>	<b>2.363.326.756.187</b>	<b>2.641.700.324.502</b>	<b>18,87%</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	264.390.163.620	303.689.783.292	283.258.361.459	14,86%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.437.429.082	10.619.724.264	10.908.358.461	-26,44%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.709.299.124	749.064.291	3.171.156.428	-79,81%
Phải trả người lao động	4.598.646.035	4.507.013.684	3.873.033.586	-1,99%
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.981.534.490	11.192.060.143	14.278.263.968	-6,59%
Doanh thu chưa thực hiện	0	0	50.000.002	
Phải trả ngắn hạn khác	57.523.247.136	362.604.158	994.665.432	-99,37%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.631.533.253.820	2.032.206.506.355	2.325.166.485.166	24,56%
<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>654.630.487.466</b>	<b>814.501.463.316</b>	<b>724.673.391.518</b>	<b>24,42%</b>
Phải trả người bán dài hạn	153.297.710.221	324.118.547.333	270.951.145.961	111,43%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	501.332.777.245	490.382.915.983	453.722.245.557	-2,18%
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.642.804.060.773</b>	<b>3.177.828.219.503</b>	<b>3.366.373.716.020</b>	<b>20,24%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

**Bảng số 30: Các khoản phải trả của Công ty mẹ**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	% Tăng/giảm 2023-2024
<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>506.420.777.196</b>	<b>522.005.124.698</b>	<b>627.729.890.485</b>	<b>3,08%</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	30.729.516.315	62.324.585.678	55.326.695.976	102,82%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	400.945.529	154.598.976	1.384.324.584	-61,44%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.656.838.297	691.304.579	671.558.570	-81,10%
Phải trả người lao động	1.833.553.192	1.670.980.500	1.189.632.352	-8,87%



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

Chi phí phải trả ngắn hạn	2.698.861.070	3.320.459.434	3.133.526.932	23,03%
Phải trả ngắn hạn khác	10.362.017.140	227.139.403	274.784.503	-97,81%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	456.739.045.653	453.616.056.128	565.749.367.568	-0,68%
<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>86.009.733.827</b>	<b>222.184.829.532</b>	<b>140.681.888.083</b>	<b>158,33%</b>
Phải trả người bán dài hạn	47.345.931.666	123.839.697.761	73.760.467.821	161,56%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	38.663.802.161	98.345.131.771	66.921.420.262	154,36%
<b>Tổng cộng</b>	<b>592.430.511.023</b>	<b>744.189.954.230</b>	<b>768.411.778.568</b>	<b>25,62%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

▪ **Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua. Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, đảm bảo uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Cáo bạch này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023, 31/12/2024, kỳ kết thúc ngày 30/06/2025 và thời điểm của Bản cáo bạch này, Công ty không có bất kỳ vi phạm các điều khoản trong hợp đồng liên quan đến các khoản phải trả.

**Bảng số 31: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	% Tăng/(giảm) 2023-2024
<b>1. Vay ngắn hạn</b>	<b>1.631.533.253.820</b>	<b>2.032.206.506.355</b>	<b>2.325.166.485.166</b>	<b>24,56%</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.631.533.253.820	2.032.206.506.355	2.325.166.485.166	24,56%
<b>2. Vay dài hạn</b>	<b>501.332.777.245</b>	<b>490.382.915.983</b>	<b>453.722.245.557</b>	<b>-2,18%</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	501.332.777.245	490.382.915.983	453.722.245.557	-2,18%
<b>Tổng nợ vay</b>	<b>2.132.866.031.065</b>	<b>2.522.589.422.338</b>	<b>2.778.888.730.723</b>	<b>18,27%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Tại ngày 31/12/2024, tổng dư nợ vay và nợ thuê tài chính hợp nhất của Công ty đạt 2.522,6 tỷ đồng tăng 18,27% so với mức 2.132,9 tỷ đồng. Mức tăng chủ yếu đến từ dư nợ vay ngắn hạn, 1.631,5 tỷ đồng lên 2.032,2 tỷ đồng (+24,56%), phản ánh nhu cầu sử dụng vốn lưu động tăng cao nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh và đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào trong bối cảnh Công ty mở rộng quy mô hoạt động tại Nhà máy Miza Nghi Sơn.

Trong khi đó, dư nợ vay dài hạn ghi nhận mức giảm nhẹ 2,18%, từ 501,3 tỷ đồng còn 490,4 tỷ đồng năm 2024, cho thấy Công ty đang kiểm soát ổn định các khoản vay đầu tư trung và dài hạn.

Tính đến ngày 30/06/2025, tổng dư nợ vay và nợ thuê tài chính hợp nhất tiếp tục tăng lên 2.778,9 tỷ đồng, tương ứng tăng thêm 256,3 tỷ đồng so với cuối năm 2024, trong đó phần tăng chủ yếu đến từ khoản vay ngắn hạn mới, ghi nhận tăng thêm hơn 293 tỷ đồng so với cuối năm 2024. Dư nợ vay dài hạn và nợ thuê tài chính giảm 36,6 tỷ tương ứng giảm 7,5% so với thời điểm 31/12/2024.

Cơ cấu dư nợ hiện tại tiếp tục nghiêng về các khoản vay ngắn hạn - chiếm trên 83,7% tổng dư nợ vay, phù hợp với đặc thù ngành giấy có chu kỳ sản xuất - tiêu thụ ngắn, yêu cầu bổ sung vốn lưu động thường xuyên. Công ty đang duy trì mức dư nợ vay dài hạn và nợ thuê tài chính ổn định nhằm hạn chế rủi ro thanh khoản trung hạn và đảm bảo năng lực duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất.

Trong bối cảnh tổng dư nợ vay của Công ty có xu hướng tăng trong các năm gần đây, đặc biệt là dư nợ vay ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh, việc cân đối lại cơ cấu vốn vay - trong đó ưu tiên các giải pháp kiểm soát dòng tiền và tăng tích lũy lợi nhuận giữ lại - được kỳ vọng sẽ góp phần cải thiện dòng tiền trung hạn và nâng cao độ bền vững tài chính của Công ty.

**Bảng số 32: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025	% Tăng/giảm 2023-2024
<b>1. Vay ngắn hạn</b>	<b>456.739.045.653</b>	<b>453.616.056.128</b>	<b>565.749.367.568</b>	<b>-0,68%</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	456.739.045.653	453.616.056.128	565.749.367.568	-0,68%
<b>2. Vay dài hạn</b>	<b>38.663.802.161</b>	<b>98.345.131.771</b>	<b>66.921.420.262</b>	<b>154,36%</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	38.663.802.161	98.345.131.771	66.921.420.262	154,36%
<b>Tổng nợ vay</b>	<b>495.402.847.814</b>	<b>551.961.187.899</b>	<b>632.670.787.830</b>	<b>11,42%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng dư nợ vay của Công ty mẹ là 495.402.847.814 đồng. Tính đến thời điểm cuối năm 2024, tổng dư nợ tăng 11,42%, lên mức 551.961.187.899 đồng.



Dư nợ vay ngắn hạn của Công ty mẹ không có biến động đáng kể, giữ quanh mức 453–457 tỷ đồng trong năm 2023–2024, phản ánh chính sách kiểm soát vốn lưu động chặt chẽ. Tuy nhiên, dư nợ vay dài hạn tăng 154,36% trong năm 2024, từ 38.663.802.161 đồng lên 98.345.131.771 đồng, do Công ty tăng cường huy động vốn trung dài hạn phục vụ kế hoạch mở rộng sản xuất và nâng cấp thiết bị.

Tại ngày 30/6/2025, tổng dư nợ vay của Công ty mẹ đạt 632.670.787.830 đồng, tăng 14,6% so với cuối năm 2024. Mức tăng này chủ yếu đến từ khoản vay ngắn hạn, tăng từ 453.616.056.128 đồng lên 565.749.367.568 đồng (+112,13 tỷ đồng, tương đương 24,7%) nhằm bổ sung vốn lưu động trong kỳ. Trong khi đó, dư nợ vay dài hạn giảm còn 66.921.420.262 đồng, tương ứng giảm 31,42 tỷ đồng so với cuối năm 2024 (giảm 31,95%) do Công ty thực hiện trả trước một phần nợ gốc đến hạn.

#### 2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Bảng số 33: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	391.510.316	656.999.992	3.091.562.059
Thuế giá trị gia tăng	3.228.536.754	0	0
Thuế thu nhập cá nhân	76.401.494	55.635.815	67.093.416
Các loại thuế khác	12.850.560	36.428.484	12.500.953
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.709.299.124</b>	<b>749.064.291</b>	<b>3.171.156.428</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

**Bảng số 34: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	391.510.316	656.999.992	641.597.496
Thuế giá trị gia tăng	3.228.536.754	0	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.940.667	23.838.667	17.979.634
Các loại thuế khác	12.850.560	10.465.920	11.981.440
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.656.838.297</b>	<b>691.304.579</b>	<b>671.558.570</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

Tại thời điểm 31/12/2023, số dư thuế và các khoản phải nộp của Công ty hợp nhất là 3.709.299.124 đồng. Trong năm 2024, Công ty phát sinh nghĩa vụ thuế 34.910.986.290 đồng, đã nộp 37.871.221.123 đồng và số dư cuối năm là 749.064.291 đồng.

Tính đến ngày 30/6/2025, số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty hợp nhất là 3.171.156.428 đồng, chủ yếu từ thuế thu nhập doanh nghiệp (chiếm hơn 97%, tương đương 3.091.562.059 đồng). Các khoản thuế khác gồm thu nhập cá nhân và thuế phí phát sinh nhỏ, trong khi thuế giá trị gia tăng tiếp tục không ghi nhận số dư phải nộp tại thời điểm này.

Tại Công ty mẹ, số dư thuế phải nộp tại 31/12/2023 là 3.656.838.297 đồng và giảm còn 691.304.579 đồng vào cuối năm 2024.

Tại thời điểm 30/6/2025, số dư thuế phải nộp của Công ty mẹ là 671.558.570 đồng, trong đó phần lớn đến từ thuế thu nhập doanh nghiệp (641.597.496 đồng), các khoản thuế khác như thu nhập cá nhân và thuế phí nhỏ chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Ngoài ra, Công ty mẹ có khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chuyển kỳ sau là 7.572.335.186 đồng tại 31/12/2024 và 4.288.400.589 đồng tại 30/06/2025.

#### **2.1.8. Trích lập các quỹ**

Trong các kỳ kế toán từ năm 2023 đến quý II năm 2025, Công ty không thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển. Việc không trích lập các quỹ này được thực hiện trên cơ sở đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, phù hợp với tình hình tài chính và phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng năm.

Cụ thể, do Công ty ưu tiên giữ lại lợi nhuận để tăng quy mô vốn chủ sở hữu và hỗ trợ nguồn vốn cho các dự án đầu tư trung hạn, nên Đại hội đồng cổ đông không quyết nghị trích lập các quỹ nói trên. Tại các thời điểm 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/06/2025, số dư các quỹ tại Công ty mẹ và hợp nhất đều bằng 0 đồng.

#### **2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Không có.

### **2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

#### **2.2.1. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu**

**Bảng số 35: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	1,12
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>			
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,71	0,82
<i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			



<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,69	0,72
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,22	2,52
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,86	1,07
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>			
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,74	1,89
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,42	6,09
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	1,95%	1,63%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	1,68%	1,75%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,39%	5,92%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>			
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	625*	685

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán

(\*) Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) năm 2023 được trình bày tại BCTC kiểm toán năm 2023 là 625 đồng/cổ phần. Tại BCTC kiểm toán năm 2024, chỉ tiêu này được điều chỉnh còn 590 đồng/cổ phần để phản ánh số lượng cổ phần mới sau phát hành thêm trong năm 2024.

#### **Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty**

##### **▪ Về khả năng thanh toán**

Các chỉ tiêu thanh khoản của Công ty cải thiện nhẹ trong năm 2024:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,04 lên 1,12 lần.
- Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,71 lên 0,82 lần.

Sự cải thiện đến từ việc tăng tài sản ngắn hạn, đặc biệt là khoản phải thu, trong khi nợ ngắn hạn tăng chậm hơn. Các chỉ số này cho thấy Công ty duy trì năng lực thanh toán ổn định và an toàn trong ngắn hạn.

##### **▪ Về cơ cấu vốn**

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 0,69 lên 0,72.
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 2,22 lên 2,52.

Sự gia tăng mức độ sử dụng vốn vay trong năm 2024 đến từ việc Công ty tăng cường đầu tư vào Công ty TNHH Miza Nghi Sơn – công ty con do Công ty sở hữu 100%. Cụ

thể, Công ty đã tăng vốn góp thêm 159,6 tỷ đồng trong năm, nâng tổng vốn đầu tư lên 1.021,6 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024. Khoản đầu tư này phục vụ triển khai giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy sản xuất Giấy bao bì Miza Nghi Sơn tại Thanh Hóa, có tổng mức đầu tư dự kiến 2.900 tỷ đồng.

▪ **Về năng lực hoạt động**

Hiệu quả sử dụng tài sản được cải thiện rõ rệt:

- Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,86 lên 1,07 vòng.
- Vòng quay vốn lưu động tăng từ 1,74 lên 1,89 vòng.
- Vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh từ 4,42 lên 5,90 vòng.

Những cải thiện này phản ánh sự tăng trưởng sản lượng, hiệu quả vận hành của nhà máy và khả năng tối ưu hóa chu kỳ sản xuất - bán hàng trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ giấy bao bì tăng tại thị trường trong nước.

▪ **Về khả năng sinh lời**

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) giảm từ 1,95% còn 1,63%.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) giữ ở mức 1,68 - 1,75%.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng từ 5,39% lên 5,92%.
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) tăng từ 625 lên 685 đồng.

Biên lợi nhuận có xu hướng giảm nhẹ do chi phí đầu vào tăng và cạnh tranh giá bán, tuy nhiên hiệu quả sử dụng tài sản và vốn được cải thiện đã giúp duy trì lợi nhuận ròng và tăng EPS.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty: Không có.

**2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ**

**Bảng số 36: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,10
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>			
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,70	0,80
<i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,36	0,40
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,55	0,66
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,59	0,74



<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>			
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,89	2,33
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,16	7,09
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	4,14%	3,89%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	2,44%	2,88%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,83%	4,64%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>			

Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán

#### Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ

##### ▪ Về khả năng thanh toán

Công ty mẹ duy trì mức thanh khoản ổn định trong năm 2024:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,10 lần, tương đương với mức 1,09 lần năm 2023.
- Hệ số thanh toán nhanh đạt 0,80 lần, tăng nhẹ so với mức 0,77 lần năm trước.

Mặc dù mức cải thiện không đáng kể, các chỉ tiêu này cho thấy Công ty mẹ vẫn duy trì được khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn từ tài sản lưu động hiện có.

##### ▪ Về cơ cấu vốn

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 0,36 lên 0,40 lần.
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 0,55 lên 0,66 lần.

Sự tăng nhẹ tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn phản ánh xu hướng huy động vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất và tăng vốn góp vào Công ty TNHH Miza Nghi Sơn. Tuy nhiên, mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính tại Công ty mẹ vẫn ở mức thấp, thể hiện cấu trúc tài chính an toàn và ít rủi ro.

##### ▪ Về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản cho thấy xu hướng cải thiện rõ rệt:

- Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,59 lên 0,74 vòng.
- Vòng quay vốn lưu động tăng từ 1,89 lên 2,33 vòng.
- Vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh từ 5,16 lên 7,92 vòng.

Các chỉ số này phản ánh năng lực sản xuất và tốc độ tiêu thụ hàng tồn kho được cải thiện, cho thấy hiệu quả vận hành và quản lý tài sản ngắn hạn tại Công ty mẹ đang được nâng cao.

▪ **Về khả năng sinh lời**

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) giảm nhẹ từ 4,14% xuống còn 3,89%, phản ánh mức tăng chi phí cao hơn tốc độ tăng doanh thu. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) tăng từ 2,44% lên 2,88% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng từ 3,83% lên 4,64%, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản và vốn của Công ty tiếp tục được cải thiện trong năm 2024.

**Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính của Công ty:** Không có.

**3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty**

**3.1. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023**

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”.*

**3.2. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng năm 2023**

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Công ty: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”.*

**3.3. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024**

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”.*

**3.4. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng năm 2024**

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh*



trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”.

#### 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

##### 4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

**Bảng số 37: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức trên cơ sở hợp nhất**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2023	Thực hiện Năm 2024	% tăng/giảm so với năm trước	Kế hoạch 2025	% tăng/giảm so với năm trước	Thực hiện đến 30/06/2025	% thực hiện đến 30/06/2025 so với KH
Doanh thu thuần	3.204,42	4.444,87	38,71%	4.800,00	7,99%	2.314	48,21%
Lợi nhuận sau thuế	62,46	72,58	16,20%	90,00	24,00%	47,61	52,90%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,95%	1,63%	-16,41%	1,88%	15,34%	-	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (*)	5,39%	5,92%	9,80%	6,66%	12,42%	-	-
Tỷ lệ cổ tức (**)	-	6%	-	-	-	-	-

(Các chỉ tiêu hiệu suất không áp dụng tính % thực hiện so với kế hoạch.)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025 và Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2025

(\*) Vốn chủ sở hữu năm 2025 tạm tính bằng Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 01/01/2025 cộng với Lợi nhuận sau thuế kế hoạch 2025 (do đợt chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ làm thay đổi Vốn chủ sở hữu năm 2025 nhưng hiện tại chưa có cơ sở để xác định phần vốn tăng thêm từ đợt chào bán này).

(\*\*) Tỷ lệ cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2023, thực hiện trong năm 2024.

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết số 260501/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 26/05/2025.

##### 4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch doanh thu thuần 4.800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 90 tỷ đồng năm 2025 được xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện tích cực trong năm 2024, cùng với các định hướng chiến lược, giải pháp điều hành và năng lực triển khai thực tế của Công ty.

Năm 2024, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 4.445 tỷ đồng, tăng 38,71% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 72,58 tỷ đồng, tăng 16,2%, vượt kế hoạch đề ra. Đây



là năm Công ty mở rộng đáng kể quy mô sản xuất, nâng hiệu suất vận hành tại các nhà máy, đặc biệt tại Miza Nghi Sơn - nơi có công suất và sản lượng tăng đáng kể.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty đã ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.314,07 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 47,32 tỷ đồng, tương ứng lần lượt hoàn thành 48,21% và 52,58% kế hoạch cả năm. Kết quả này cho thấy tiến độ thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty đang đi đúng định hướng và có cơ sở thực tiễn để hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ giao phó, nhất là trong bối cảnh hoạt động tiêu thụ và sản xuất vẫn duy trì ổn định từ đầu năm đến nay.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đề ra cho năm 2025 dựa trên các giải pháp, điều hành cụ thể sau:

- Về sản xuất, Công ty tiếp tục tối ưu vận hành dây chuyền sản xuất giấy tái chế, đặc biệt là các dòng sản phẩm giá trị cao như Testliner và Kraftliner; đồng thời hoàn thiện các hạng mục giai đoạn 2 của dự án PM5 tại Miza Nghi Sơn - được xem là động lực chính tăng trưởng sản lượng và doanh thu trong giai đoạn tới.
- Về tài chính và quản trị, Công ty hướng đến mục tiêu kiểm soát dòng tiền, xử lý tài sản chậm luân chuyển, giảm dư nợ bình quân xuống còn 70% so với năm 2024; đồng thời tối ưu hóa giá vốn và chi phí vận hành nhằm nâng cao biên lợi nhuận.
- Về thị trường và công tác bán hàng, Công ty tiếp tục mở rộng khách hàng FDI và xuất khẩu (Hàn Quốc, Nhật Bản, EU...), phát triển thị trường nội địa phía Nam và miền Trung, tăng cường công tác tiếp thị và chăm sóc khách hàng chiến lược.
- Về nhân sự và quản lý, Công ty sẽ củng cố nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ và hệ thống khoán thưởng theo hiệu quả nhằm nâng cao năng suất lao động và tính chủ động trong điều hành.

Về chính sách cổ tức, Đại hội đồng cổ đông Công ty không đưa ra kế hoạch chia cổ tức năm 2024 nhằm dành nguồn lực cho việc phát triển mở rộng của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận và cổ tức của năm 2025 sẽ được xác định và trình ĐHCĐ năm 2026 căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế.

#### **4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (VPBankS) nhận định rằng kế hoạch doanh thu thuần 4.800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 90 tỷ đồng năm 2025 của Công ty được xây dựng trên cơ sở phù hợp với kết quả thực hiện năm trước và định hướng hoạt động sản xuất - đầu tư hiện tại. Tuy nhiên, việc thực hiện thành công kế hoạch phụ thuộc vào một số yếu tố cần tiếp tục theo dõi, bao gồm diễn biến chi phí nguyên vật liệu đầu vào, tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa, và tiến độ triển khai đầu tư tại các đơn vị thành viên.

Năm 2024, Công ty đạt doanh thu thuần hợp nhất 4.445 tỷ đồng, tăng 38,7% so với năm 2023; lợi nhuận sau thuế đạt 72,6 tỷ đồng, tăng 16,2%. Đây là kết quả của việc tăng sản lượng và hiệu suất vận hành tại các nhà máy, đặc biệt là tại công ty con Miza Nghi Sơn. Mức tăng trưởng đạt được trong năm 2024 là tích cực và tạo nền tảng thuận lợi để thực hiện kế hoạch 2025.



Về mặt tài chính, Công ty dự kiến thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2025 để huy động vốn, với mục tiêu sử dụng nguồn thu này để thanh toán các khoản nợ vay hiện hữu. Việc giảm áp lực đòn bẩy tài chính có thể góp phần cải thiện dòng tiền trong trung hạn. Mức độ thành công trong đợt huy động vốn có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện mục tiêu giảm nợ và cân đối tài chính ngắn hạn của Công ty.

Kế hoạch doanh thu 4.800 tỷ đồng năm 2025 tương đương mức tăng khoảng gần 8% so với thực hiện năm 2024. Trong khi đó, kế hoạch lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 24%, phản ánh kỳ vọng cải thiện hiệu suất hoặc biên lợi nhuận. VPBankS lưu ý rằng để đạt được kế hoạch lợi nhuận này, Công ty cần tiếp tục duy trì sự ổn định của giá thành sản xuất, hiệu quả tiêu thụ sản phẩm, và tiến độ triển khai đầu tư tại các đơn vị liên quan như Miza Nghi Sơn.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty chưa đưa ra kế hoạch chia cổ tức nhằm ưu tiên nguồn lực cho đầu tư và ổn định tài chính trong giai đoạn mở rộng. Việc phân phối lợi nhuận sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông quyết định sau khi kết thúc năm tài chính, căn cứ kết quả thực hiện và nhu cầu sử dụng vốn tại thời điểm đó. VPBankS nhận thấy đây là lựa chọn điều hành hợp lý, thể hiện sự linh hoạt và thận trọng về chiến lược vốn trong giai đoạn đầu tư trung hạn.

Tổng thể, VPBankS đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 của Công ty là thận trọng nhưng khả thi, phù hợp với chu kỳ tăng trưởng hiện tại và định hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chúng khoản cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, nhà đầu tư sẽ tự mình ra quyết định đầu tư, đồng thời nhận xét này cũng không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Miza hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Miza.

## **VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

### **1. Thông tin về cổ đông sáng lập**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

*“Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”*

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

CTCP Miza được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào năm 2011, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

**2. Thông tin về cổ đông lớn**

**2.1. Đối với cổ đông lớn là cá nhân**

Tại ngày 25/04/2025, danh sách cổ đông là cá nhân nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty.

STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Nguyễn Tuấn Minh	29/05/1975	Việt Nam	Tổ 4, xã Đông Anh, Hà Nội	32.812.113	30,98
2	Bà Hoàng Thị Thu Giang	17/10/1975	Việt Nam	Tổ 4, xã Đông Anh, Hà Nội	8.595.590	8,12
<b>Tổng cộng</b>					<b>41.407.703</b>	<b>39,1</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 25/04/2025 của Công ty)

Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn như sau:

đồng lớn như sau:

Tên cổ đồng	Mối quan hệ với cổ đồng lớn	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 30/06/2025		Dự kiến sau đợt chào bán	
		SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn Ông Nguyễn Tuấn Minh, Bà Hoàng Thị Thu Giang và Người có liên quan							
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Cổ đông lớn	500.000	50%	32.812.113	30,98%	36.093.362	30,98%
Bà Hoàng Thị Thu Giang	Cổ đông lớn	380.000	38%	8.595.590	8,12%	9.455.620	8,12%
Ông Nguyễn Hoàng Tùng	Là con trai của ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Hoàng Thị Thu Giang	0	0%	4.675.689	4,41%	5.142.774	4,41%



Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Chị Gái Ông Nguyễn Tuấn Minh	0	0%	265.000	0,25%	291.479	0,25%
Ông Đinh Tiến Ngự	Anh rể bà Hoàng Thị Thu Giang	0	0%	142.782	0.13%	156.551	0.13%
<b>Tổng cộng</b>		<b>880.000</b>	<b>88,00%</b>	<b>46.491.174</b>	<b>43,89%</b>	<b>51.139.786</b>	<b>43,89%</b>

(Nguồn: CTCP Miza)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có xung đột lợi ích

## **2.2. Đối với cổ đông lớn là tổ chức**

Tại ngày 25/4/2025, không có cổ đông là cổ đông tổ chức nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty.

**2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ:**

Không phát sinh.

## **2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành**

Không có.

**2.5. Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành**

Không có.

## **3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

### **3.1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Anh Trà	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2024 nhiệm kỳ 2022-2027)
3	Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên HĐQT
4	Ông Hoàng Tự Lập	Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập
5	Ông Đinh Tấn Hưng	Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập
6	Ông Đinh Tiến Ngự	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 22/07/2024)

#### **3.1.1. Ông Nguyễn Tuấn Minh – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 29/05/1975

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001075021040, Ngày cấp: 22/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, xã Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Miza
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1996 - 7/1998	Công ty TNHH Tiến Đức	Kế toán tổng hợp
9/1998 - 10/2009	Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Showa (Nhật Bản)	Kế toán trưởng
10/2009 - 6/2011	Công ty Cổ phần xi măng Thăng Long (Tập đoàn Geleximco)	Giám đốc tài chính
6/2011 - 12/2021	Công ty Cổ phần Miza	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
10/2021 - nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Miza	Tổng giám đốc
1/2022 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Miza.

- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: **46.348.392** cổ phần, chiếm tỷ lệ 43,76% Vốn điều lệ, trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: **32.812.113** cổ phần, chiếm tỷ lệ **30,98%** Vốn điều lệ;
- Cổ phần đại diện sở hữu: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** Vốn điều lệ;
- Số cổ phần của những người có liên quan: **13.536.279** cổ phần, chiếm tỷ lệ **12,82%** Vốn điều lệ.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Hoàng Thị Thu Giang	Vợ	Không có	001175020057	<b>8.595.590</b>	<b>8,12%</b>
2	Nguyễn Hoàng Tùng	Con trai	Không có	001202020904	<b>4.675.689</b>	<b>4,415%</b>
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Chị gái	Không có	001171001252	<b>265.000</b>	<b>0,25%</b>



- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	<b>577.730.973 đồng</b>	<b>913.350.820 đồng</b>	<b>537.170.465 đồng</b>
Cổ tức	6% Cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

### **3.1.2. Ông Lê Văn Hiệp – Thành viên HĐQT, TGD**

- Họ và tên: Lê Văn Hiệp
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/06/1982
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 609 Trương Định, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- CCCD số: 030082020996 cấp ngày 13/11/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Chuyên ngành giấy
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm TGD
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2005 - 9/2006	Trường Đại học Bách khoa Hà nội	Trợ giảng
10/2006 - 7/2008	Thạc sỹ giấy tại AIT- Băng Cốc - Thái Lan	Nghiên cứu sinh
8/2008 - 10/2010	Công ty Etof Hanson - Singapore	TP Kinh doanh
11/2010 - 12/2012	Công ty Camco - Anh Quốc	Trưởng dự án
01/2013 - 5/2016	Viện CN Giấy& Xenluloza	GD trung tâm môi trường

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2016 - 1/2018	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng Giám đốc
01/2018 - nay	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Tổng Giám đốc
06/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT
07/2023 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: **743.674** cổ phần, chiếm 0,70% Vốn điều lệ, trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: **743.674** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,70% Vốn điều lệ;
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
- Số cổ phần của những người có liên quan: 9.561 cổ phần, chiếm 0,0093% Vốn điều lệ.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Kỳ Quang Thanh	Bố Vợ	Không có	038057007785	<b>9.137</b>	<b>0.0086%</b>
2	Kỳ Thị Hải Yến	Vợ	Không có	025182004920	<b>424</b>	<b>0,0004%</b>

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	<b>545.204.864 đồng</b>	<b>767.631.848 đồng</b>	<b>631.522.977 đồng</b>
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có



- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

**3.1.3. Ông Vũ Anh Trà – Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2024), Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Vũ Anh Trà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/09/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cựu Hào, Liên Minh, Ninh Bình
- CCCD: 036083010443 cấp ngày 07/12/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Giấy - Địa học Bách Khoa Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2001 – 8/2005	Tự kinh doanh	Kinh doanh tự do
09/2005 – 9/2010	Đại học Bách khoa Hà Nội	Sinh viên
10/2010 – 6/2012	Công ty Cổ Phần sản xuất giấy Mỹ Hương	Trưởng ca sản xuất
7/2012 – 12/2014	Công ty CP giấy Vạn Điểm	Quản đốc phân xưởng
1/2015 – 12/2019	Công ty Cổ phần Miza	Giám đốc sản xuất
1/2020 – 09/2023	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Giám đốc sản xuất
10/2023 – nay	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Phó Tổng giám đốc
02/2023 – nay	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng giám đốc
07/2024 – nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 156.837 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,148% vốn điều lệ, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 156.837 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,148% vốn điều lệ
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 707 cổ phần, chiếm 0,0007% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CMND/CCCD/DKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Vũ Thị Nhung	Vợ	Không có	036184015002	707	0,0007%

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	277.874.346 đồng	562.907.853 đồng	432.204.527 đồng
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

### 3.1.4. Ông Hoàng Tự Lập – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: Hoàng Tự Lập
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/9/1955
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu/CCCD): 040055001196 cấp ngày 09/4/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 146 đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, TP. Hà Nội.
- Địa chỉ hiện nay: 146 đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, TP. Hà Nội.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác (nếu có):
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ sinh học.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 4/1975 đến 8/1980	Đi bộ đội	Chiến sỹ
Tháng 9/1980 đến 12/1984	Sinh viên Đại học Tổng hợp Hà Nội	Sinh viên
Tháng 1/1985-9/2015	Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	Kỹ sư - TP Sinh học



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 10/2015 đến 6/2018	Công ty cổ phần Miza	Cố vấn cấp cao
Tháng 6/2018 đến nay	Công ty cổ phần Miza	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: **119.101** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,112%, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 119.101 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,112% Vốn điều lệ;
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	<b>30.000.000 đồng</b>	<b>30.000.000 đồng</b>	-
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### **3.1.5. Ông Đinh Tấn Hưng – Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)**

- Họ và tên: Đinh Tấn Hưng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1977
- Số CCCD: 031077004653 cấp ngày 16/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: 36 Tổ 2 phường Tương Mai Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: 36 Tổ 2 phường Tương Mai Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kỹ thuật Hàng không, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1996 - 9/2003	Sinh viên, Học viên cao học ngành Cơ khí Hàng không, Học viên cao học ngành Quản trị Kinh doanh, Nghiên cứu sinh - Trường Đại học Hàng không Quốc gia Kiev	Sinh viên, Học viên, Nghiên cứu sinh
9/2003 - 11/2011	Công ty TNHH "N-M", Kiev, Ucraina	Giám đốc
12/2011 - nay	Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ, Viện cơ khí Động lực, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Giảng viên
4/2014 - 10/2017	Viện nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Phó Viện trưởng
10/2017 - nay	Viện nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Viện trưởng
8/2017 - nay	Công ty Cổ phần VHV HITECH	Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập
5/2019 - nay	Công ty Cổ phần I&I HITECH	Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập
8/2012 - 8/2017	Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội	Phó Tổng thư ký
8/2017 - nay	Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội; Ủy viên BCH Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Trung ương	Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Đại học Bách khoa Hà Nội.
  - Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ, Viện cơ khí Động lực, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
  - Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần VHV HITECH
  - Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần I&I HITECH
  - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội; Ủy viên BCH Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Trung ương
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;



- Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	<b>30.000.000 đồng</b>	<b>30.000.000 đồng</b>	-
Cổ tức	Không có	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### **3.1.6. Ông Đinh Tiến Ngự – Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 22/07/2024)**

- Họ và tên: Đinh Tiến Ngự
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1973
- Số CCCD: 034073000328 cấp ngày 22/09/2014 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 01, xã Đông Anh, TP.Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: Tổ 01, xã Đông Anh, TP.Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2003 - 2/2008	Công ty TNHH thương mại dịch vụ tin học Tùng Long	Giám đốc
3/2008 - 6/2018	Công ty cổ phần quốc tế Tùng Long	Giám đốc
6/2018 - 12/2021	Công ty cổ phần Miza	Phó tổng giám đốc
09/2003- 2/2008	Công ty TNHH thương mại dịch vụ tin học Tùng Long	Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/2008 - 6/2018	Công ty cổ phần quốc tế Tùng Long	Giám đốc
6/2018 - 22/07/2024	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT
01/2022 - 06/2023	Công ty Cổ phần Miza	Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Không
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 142.782 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,135%, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 142.782 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,135% Vốn điều lệ;
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	521.541.835 đồng	356.552.410 đồng	-
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### 3.2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Đình Hải	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lê Thị Phương Thảo	Thành viên Ban kiểm soát

#### 3.2.1. Ông Vũ Đình Hải – Trưởng Ban kiểm soát



- Họ và tên: Vũ Đình Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/03/1980
- Số CCCD: 033080013474 cấp ngày 25/02/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thôn An Tào, xã Tiên Hoa, tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ hiện nay: Số 22 Ngõ 255/84 Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2006	Công ty CP Lilama 69-3	Nhân viên
2006 - 3/2016	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	Nhân viên
4/2016 - 12/2017	Công ty TNHH Kiểm toán CIMEICO	Phó Tổng Giám đốc
1/2018 - 4/2020	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin	Phó Giám đốc
9/2017 - nay	Công ty TNHH HKT Global	Giám đốc
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Trưởng Ban Kiểm soát
5/2019 đến - nay	Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm Định Giá SGP	Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Giám đốc Công ty TNHH HKT Global
  - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm Định Giá SGP
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 21.412 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02%, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 21.412 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% Vốn điều lệ;
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	253.116.703 đồng	517.589.700 đồng	256.091.750 đồng
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### 3.2.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Lan
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/10/1983
- Số CCCD: 001083033030 cấp ngày 04/06/2019 tại cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Cổ Miếu, xã Thụ Lâm, Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: Cổ Miếu, xã Thụ Lâm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2005 - 11/2021	Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Nhân viên
12/2021 - 7/2023	Công ty TNHH Nhôm Việt Ý	Nhân viên
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % Vốn điều lệ, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % Vốn điều lệ;
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:



- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	3.000.000 đồng	3.000.000 đồng	-
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### 3.2.3. Bà Lê Thị Phương Thảo – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ tên: Lê Thị Phương Thảo
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/06/1987
- Số CCCD: 00118705238 cấp ngày 24/07/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, xã Đông Anh, Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: Tổ 1, xã Đông Anh, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2010 - 2/2013	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại An Phương	Nhân viên
3/2013 - 7/2021	Công ty Cổ phần CKB	Nhân viên
8/2021 - 8/2022	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Gia Lộc	Kế toán trưởng
9/2022 - nay	Công ty TNHH Blueline	Nhân viên
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Miza

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.219 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0012% VDL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.219 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0012% VDL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	3.000.000 đồng	3.000.000 đồng	-
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### 3.3. Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Hiệp	Tổng Giám đốc
2	Ông Vũ Anh Trà	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Dương Ngọc Thế	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025)
5	Nguyễn Thị Thoa	Kế toán trưởng
6.	Bà Hoàng Thị Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 04/09/2024)

#### 3.3.1. Ông Lê Văn Hiệp – Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.2

#### 3.3.2. Ông Vũ Anh Trà – Phó Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.3



### 3.3.3. Ông Nguyễn Hữu Tú – Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: Nguyễn Hữu Tú
- Năm sinh: 27/02/1989
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Nơi ở hiện tại: Tòa C, Intracom Riverside, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân Luật
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011-2017	Vietcombank – Chi nhánh Ba Đình	Chuyên viên tín dụng KHDN
2018 - 2019	CN Hà Nội - CT CP tư vấn tài chính và giá cả Quảng Nam	GD chi nhánh
2019- 2021	VCCI	Tổ chức các chương trình đào tạo cho Doanh nghiệp là hội viên của VCCI
08/2022 - Nay	Công ty Cổ phần bất động sản DTM	Tổng Giám đốc
03/2023 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư tích hợp và phát triển công nghệ cao MIH	Giám đốc
09/2023 - Nay	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Công ty Cổ phần Đầu tư tích hợp và phát triển Công nghệ cao MIH - Người Đại diện pháp luật;
  - Công ty Cổ phần Bất động sản DTM - Người Đại diện pháp luật;
  - Công ty Cổ phần VF Group - Người Đại diện pháp luật;
  - Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Và Thương Mại Toàn Cầu THN - Người Đại diện pháp luật;
  - Công ty Cổ phần Dịch Vụ Và Thương Mại TDT - Người Đại diện pháp luật;
  - Công ty Cổ phần Hùng Cường Logistics - Người Đại diện pháp luật;
  - Công ty Cổ phần Miza Forest - Người Đại diện pháp luật;
  - Công ty TNHH Quốc Tế Khang Nam Hà Nội - Người Đại diện pháp luật;
  - Hộ Kinh Doanh Thương Mại Nguyễn Hữu Tú- Người Đại diện pháp luật
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: **10.600** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% Vốn điều lệ trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: **10.600** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% Vốn điều lệ;
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	142.657.600 đồng	493.548.200 đồng	241.505.000 đồng
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không

**3.3.4. Ông Dương Ngọc Thế - Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2025)**

- Họ và tên: Dương Ngọc Thế
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/05/1980
- Số CCCD: 001080018021 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Nội 3, xã Hát Môn, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện tử viễn thông
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002-2015	Cty TNHH Machino AutoPart Co.,Ltd (Nay là Cty TNHH Hitachi Astemo VN)	Quản lý SX
2015-2022	Cty TNHH Hitachi Astemo VN	Trưởng bộ phận gia công
Tháng 9/2024 đến 31/03/2025	Cty TNHH Mipak	PTGD phụ trách SX
01/04/2025 - Nay	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Miza



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
  - Số lượng cổ phần đang nắm giữ: **2.120** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% Vốn điều lệ, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: **2.120** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% Vốn điều lệ,
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ,
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	-	-	123.450.000
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

**3.3.5. Bà Hoàng Thị Thu Giang – Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 04/09/2024)**

- Họ và tên: Hoàng Thị Thu Giang
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/10/1975
- Số CCCD 001175020057 cấp ngày 11/01/2019 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, xã Đông Anh, TP. Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: Tổ 4, xã Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại giao - Học viện Quan hệ quốc tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 4. 1998 đến 6.2016	Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long – TLIP (Nhật Bản)	Phó Tổng quản lý Ban quản trị nội bộ
Tháng 7.2016 đến 04/09/2024	Công ty cổ phần Miza	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Không
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Miza
  - Số lượng cổ phần đang nắm giữ: **8.595.590** cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,12 % Vốn điều lệ, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: **8.595.590** cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,12% Vốn điều lệ;
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Không.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: 37,630,584 Cổ phần.

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CMND/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tuấn Minh	Chồng	Chủ tịch HĐQT	001075021040	32.812.113	30,98%
2	Nguyễn Hoàng Tùng	Con trai	Không có	001202020904	4.675.689	4,415%
3	Đình Tiến Ngu	Anh rể		034073000328	142.782	0,134%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế Toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025 (Dự nghĩ)
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	390.513.138 đồng	241.051.280 đồng	-
Cổ tức	6% cổ phiếu	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có



Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có
--------------	----------	----------	----------

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

**3.3.6. Bà Nguyễn Thị Thoa – Kế toán trưởng**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thoa
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1984
- Số CCCD 034184010819 cấp ngày 25/12/2018 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, xã Đông Anh, Hà Nội
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2007 - 04/2014	Nhà máy Nhôm Đông Anh	Kế toán viên
04/2014 - 09/2019	Công ty CP Cơ Khí Đông Anh Licogi	Thành viên Ban Kiểm soát
09/2019 - 07/2022	Công ty CP Cơ Khí Đông Anh Licogi	Phó phòng kế toán
07/2022 - Nay	Công ty Cổ phần Miza	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Người được Ủy quyền CBTT - Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	308.543.000 đồng	365.442.862 đồng	176.027.000 đồng
Cổ tức	Không có	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

## VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

### 2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

### 3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán là 10.591.506 (Mười triệu năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm linh sáu) cổ phiếu.

### 4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 105.915.060.000 (Một trăm lẻ năm tỷ, chín trăm mười lăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn) đồng.

### 5. Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phần

### 6. Phương pháp tính giá

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, hiệu quả huy động vốn và đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, ĐHĐCĐ đã phê duyệt mức giá chào bán là **10.000 đồng/cổ phiếu** tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 260501/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 26/05/2025.

### 7. Phương thức phân phối

Cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu

**Tỷ lệ phân phối:** 10% (10:01). Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ được nhận 01 (một) quyền mua và cứ 10 (Mười) quyền mua sẽ được mua 01 (Một) cổ phiếu phát hành thêm.

**Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua**

- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị.



*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, cổ đông A nắm giữ 157 cổ phiếu thì được nhận quyền mua là:  $(157:10) = 15,7$  cổ phiếu. Theo quy định về xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu cổ đông A được mua sẽ được làm tròn là 15 cổ phiếu.*

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua trong thời gian quy định sẽ được HĐQT phân phối cho các cổ đông hiện hữu hoặc đối tượng khác đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó, giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu));
- Trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu này trong thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gian hạn theo quy định (nếu có)), thì số lượng chưa phân phối hết sẽ được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán;

Việc xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

#### **8. Đăng ký mua cổ phiếu**

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Phương thức đăng ký, thanh toán tiền mua cổ phiếu và chuyển giao cổ phiếu:

##### ***Phương thức thanh toán***

Đối với cổ đông đã lưu ký: Các cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký;

Đối với cổ đông chưa lưu ký: Các cổ đông đăng ký mua tại trụ sở Công ty và chuyển tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Đông Hà Nội – như được trình bày tại mục 11 dưới đây.

##### ***Chuyển giao cổ phiếu***

Chuyển giao cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành.

##### ***Quyền lợi của người mua cổ phiếu***

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng (bao gồm cả số cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện quyền).

##### ***Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu***

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

#### 9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến được phân phối trong Quý 4-2025. Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN có hiệu lực	D
2	Gửi hồ sơ đến VSDC, HNX, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền. (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng hưởng quyền mua dự kiến là D+10)	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	8
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+12
5	Các cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+13 đến D+33
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT thông qua phương án xử lý đối với cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết và thực hiện xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không bán hết.	D+34 đến D+37
7	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+38 đến D+58

(Trong đó ngày D là ngày làm việc)

#### 10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ đông được chuyển nhượng lại quyền mua cổ phần một lần duy nhất trong vòng 10 ngày kể từ ngày chào bán. Quyền mua cổ phần sẽ hết hiệu lực tại ngày đến hạn thanh toán.

Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức chào bán thêm ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu lẻ và cổ phần không bán hết trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng một năm



(tức là 01 năm kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư).

**11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam

Tên tài khoản : Công ty cổ phần Miza

Số tài khoản : 8688658888

Ngân hàng : Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội.

Loại tiền tài khoản: VND

**12. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% căn cứ theo công văn số 4755/UBCK-PTTT ngày 30/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty theo Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 25/04/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp là 0,706%.

Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% nêu trên, HĐQT cam kết thực hiện các biện pháp bảo đảm như sau:

- Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu: HĐQT cam kết phối hợp chặt chẽ với VSDC trong việc chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sau đợt chào bán tuân thủ theo đúng quy định.
- Đối với trường hợp phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu chưa phân phối hết): HĐQT cam kết không phân phối số cổ phiếu chưa phân phối hết này cho các nhà đầu tư nước ngoài nếu vi phạm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

HĐQT Công ty cam kết luôn đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty trước, trong và sau đợt chào bán là 50%.

**13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán**

**13.1. Thuế thu nhập cá nhân**

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (năm phần trăm); và

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

### **13.2. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức**

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và
- Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và
- Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

### **14. Thông tin về các cam kết**

- Công ty Cổ phần Miza cam kết triển khai thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật.
- Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

## **VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Theo phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 260501/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 26/05/2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 240601/2025/NQ-HĐQT-MZ ngày



25/06/2025 Công ty Cổ phần Miza thực hiện chào bán nhằm mục tiêu giảm nợ vay, qua đó nâng cao năng lực tài chính của Công ty.

**IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, dự kiến là 105.915.060.000 đồng sẽ được Công ty cổ phần Miza sử dụng để thanh toán dư nợ gốc hoặc một phần dư nợ gốc của các khoản nợ vay (gồm khoản đến hạn và trước hạn), phương án chi tiết như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến phân bổ (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 7805.25.002.10278.TD ngày 14/03/2025.	75.915.060.000	Quý IV/2025 và năm 2026
2	Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 283846.25.059.977699.TD ngày 06/03/2025.	19.000.000.000	Quý IV/2025 và năm 2026
3	Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/3821838/HĐTD ngày 11/11/2024.	11.000.000.000	Quý IV/2025 và năm 2026
<b>Tổng cộng</b>		<b>105.915.060.000</b>	

**Chi tiết về các hợp đồng tín dụng nêu trên:**

**(1) Chi trả nợ vay gốc theo Hợp đồng tín dụng số 7805.25.002.10278.TD ngày 14/03/2025.**

- Bên cho vay: Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại – CN Hà Nội.
- Địa chỉ: số 9 phố Tô Hiến Thành, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam .
- Mã số doanh nghiệp: 0800006089-008
- Người đại diện: Hoàng Bá Trung
- Chức vụ người đại diện: Giám đốc
- Giấy ủy quyền số: 822/2025/UQ-MBV.11.01 ngày 05/02/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại.
- Mối quan hệ của Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại với Công ty: Không có
- Mối quan hệ của Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại với người có liên quan của Công ty: Không có
- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được dùng để thanh toán dư nợ gốc hoặc một phần dư nợ gốc của các các khế ước/ văn bản nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng này

cho ngân hàng Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại – CN Hà Nội, với số tiền là 75.915.060.000 đồng.

**(2) Chi trả nợ vay gốc theo Hợp đồng tín dụng số 283846.25.059.977699.TD ngày 06/03/2025.**

- Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đống Đa.
- Địa chỉ: Một phần tầng 1, tầng 2 tòa nhà Trụ sở làm việc Trung tâm Phát thanh truyền hình Quân đội, số 165 Xã Đàn, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Mã số doanh nghiệp: 0100283873-003
- Người đại diện: Trần Kim Huệ
- Chức vụ người đại diện: Giám đốc dịch vụ
- Giấy ủy quyền số: 9167/UQ-HS ngày 19/10/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội.
- Mối quan hệ của Ngân hàng TMCP Quân đội với Công ty: Không có.
- Mối quan hệ của Ngân hàng TMCP Quân đội với người có liên quan của Công ty: Không có.
- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được dùng để thanh toán dư nợ gốc hoặc một phần dư nợ gốc của các kế ước/ văn bản nhận theo Hợp đồng tín dụng này cho ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đống Đa, với số tiền là 19.000.000.000 đồng.

**(3) Chi trả nợ vay gốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/3821838/HĐTD ngày 11/11/2024.**

- Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Hà Nội.
- Địa chỉ: Số 46, Đường Cao Lỗ, Tổ 2, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Mã số doanh nghiệp: 0100150619-086
- Người đại diện: Nguyễn Ngọc Phương
- Chức vụ người đại diện: Phó Giám đốc
- Theo quyết định số 790/QĐ-BIDV.ĐHN ngày 01/07/2024 của Giám đốc chi nhánh về việc ủy quyền ký và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến hợp đồng tín dụng tại chi nhánh Đông Hà Nội.
- Mối quan hệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với Công ty: Không có.
- Mối quan hệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với người có liên quan của Công ty: Không có.
- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được dùng để thanh toán dư nợ gốc hoặc một phần dư nợ gốc của các kế ước/ văn bản nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức này cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Hà Nội, với số tiền là 11.000.000.000 đồng.



**Chi tiết thông tin dư nợ:**

Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/cho vay (triệu đồng)	Dư nợ tại thời điểm 10/06/2025 (triệu đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay nợ
HỢP ĐỒNG CẤP TÍN DỤNG: 7805.25.002.10278.TD ngày 14/03/2025	200.000	150.211	Được xác định tại từng khế ước nhận nợ	Được xác định tại từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh
HỢP ĐỒNG CẤP TÍN DỤNG: 283846.25.059.977699.TD ngày 06/03/2025	150.000	150.000	Được xác định tại từng khế ước nhận nợ	Được xác định tại từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh
HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG HẠN MỨC: 01/2024/3821838/HĐT D ngày 11/11/2024	150.000	149.198	Được xác định tại từng khế ước nhận nợ	Được xác định tại từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh

**Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn:** Vốn từ đợt phát hành sẽ được thực hiện phân bổ theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp một số khoản vay đến hạn được thanh toán trước thời điểm kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, HĐQT điều chỉnh phương án và linh động bố trí phương án phù hợp hoặc bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh.

**Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn huy động từ đợt chào bán:** Trong trường hợp cổ phiếu không được đăng ký mua hết dẫn đến số tiền thu được từ đợt chào bán không đạt đủ như dự kiến. Công ty sẽ thực hiện sử dụng tiền theo thứ tự ưu tiên (từ trên xuống dưới), cân đối lại nguồn và sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác để đưa ra phương án xử lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.

**Thời gian dự kiến triển khai chào bán:** Dự kiến trong Quý 4-2025, ngay sau khi có chấp thuận của UBCKNN.

**Các thông tin quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư:** Không có.

**X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN**

**1. Tổ chức tư vấn**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (VPBankS)**

**Trụ sở chính:**

Tầng 21, 25 Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 1900 636679

Fax: +84 28 3824 8655

Website: [www.vpbanks.com.vn](http://www.vpbanks.com.vn)

**Ý kiến của Tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán**

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank đã thu thập được về Công ty Cổ phần Miza và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank có một số nhận định như sau: Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của ngành.

Khối lượng chào bán đợt này là 10.591.506 cổ phiếu, là đợt chào bán có vừa phải, không phải quá lớn với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây. Vì vậy, với vị thế hiện tại của Công ty trong ngành, Tổ chức tư vấn đánh giá tính khả thi của đợt chào bán này là cao.

**2. Tổ chức kiểm toán**

- a. Tổ chức kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 của Tổ chức phát hành

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 20, Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 3824 5252

Fax: +84 28 3824 5250

Website: [https://www.ey.com/vi\\_vn](https://www.ey.com/vi_vn)

- b. Tổ chức kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 của Tổ chức phát hành

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Fax: +84 24 3831 5090

Website: [https://www.ey.com/vi\\_vn](https://www.ey.com/vi_vn)

**XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



**XII. PHỤ LỤC**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 27/12/2024.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 260501/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 26/05/2025 thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 240601/2025/NQ-HĐQT-MZ ngày 25/06/2025 triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
4. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 290701/2025/NQ-HĐQT-MZ ngày 29/7/2025 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025.
5. Điều lệ Công ty Cổ phần Miza.
6. BCTC riêng và hợp nhất năm tài chính 2023 và 2024 được kiểm toán.
7. BCTC riêng và hợp nhất bán niên 2025 đã được soát xét.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
MIZA**

M.S.D.N. 0105028958  
H.ĐỒNG ANH - TP. HÀ NỘI

He



Shon

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 CHỨNG KHOÁN  
**VPBANK**  
 Đ. DŨNG ĐÀ - T.P HÀ NỘI

VỮ HỮU ĐIỆN